

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập 300 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hoặc trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi tuần theo thứ tự họ hoặc tên qua mẫu tự *A, B, C...* Xin thành thực cảm ơn các tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. Ngô Không Phí Ngọc Hùng.

Tác Giả và Tác Phẩm

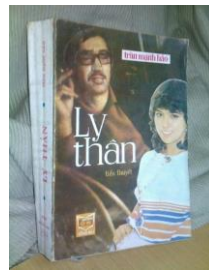
Trần Mạnh Hào (I)

Tiểu sử

Sinh năm 21.7.1947 tại Nghĩa Hưng, Nam Định.

Tác phẩm

Thơ lục bát Trần Mạnh Hào, Thơ phản thơ, Tứ tuyệt.
Trăng mặt (1989); *Ly thân* (1989), Phê bình văn học: Thơ phản thơ (1997)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2

Trò chuyện với Trần Mạnh Hào - Lê Thị Huệ - 2

Văn chương, hay là một cách ứng xử văn hóa – 20

“Ly Thân”, làm tiếng ếch gọi mưa – Nguyễn Thanh Giang - 26

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - 33

Đêm giao thừa nhớ mẹ - 36

Hiện tượng sám hối – Mặc Lâm – 39

Phụ đính :

Nguyễn Gia Thiều, hồn thơ ấy, chiếc phao trên cạn...

Nhà thơ Chế Lan Viên

Huy Cận, lửa vẫn còn thiêng

Du Tử Lê hay là “Những vì sao chưa biết ngủ một mình”

Sơn Nam, để lục bình Nam bộ

Hội thể, tiểu thuyết lịch sử hay phản lịch sử?

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Tiểu sử tự thuật của tác giả:

Trần Mạnh Hảo sinh năm 1947 tại Nam Định trong một gia đình Thiên Chúa giáo. Từng là cậu giúp lễ cho cha xứ vùng Bùi Chu Phát Diệm. Có thơ in báo từ năm 14 tuổi. Tuổi trưởng thành vượt Trường Sơn vào chiến trường Nam Bộ. Từ năm 1973 về làm phóng viên, biên tập viên tạp chí "Văn Nghệ quân giải phóng miền Nam" và làm nghề viết văn, viết báo chuyên nghiệp cho đến nay.

Trần Mạnh Hảo hiện là người viết tự do, đã ra khỏi biên chế nhà nước từ 15 năm nay và không tham gia tổ chức chính trị nào. Chức danh Ủy viên Hội đồng Thơ Hội Nhà văn Việt Nam của Trần Mạnh Hảo là do Ban Chấp hành cử, không phải chức danh trong biên chế.

Trần Mạnh Hảo từ năm 1974 đến 2004 đã xuất bản 15 tập thơ, 4 cuốn tiểu thuyết, 5 tập lý luận phê bình văn học, 3 tập truyện thiếu nhi. Từng được nhiều giải thưởng văn học. Thí dụ, tác giả đã được 5 giải thưởng hằng năm của Hội Nhà văn Việt Nam cho 5 tập sách, gồm 2 tập thơ trường ca, 2 tập thơ, một tập lý luận phê bình:

- 1) Đất nước hình tia chớp;
- 2) Mặt trời trong lòng đất;
- 3) Chuồn chuồn cắn rốn;
- 4) Thơ lục bát Trần Mạnh Hảo;
- 5) Thơ phản thơ.

Trò chuyện với Trần Mạnh Hảo Lê Thị Huệ

Lê Thị Huệ: Nếu tự giới thiệu, Trần Mạnh Hảo muốn giới thiệu với những người thích đọc Trần Mạnh Hảo, về mình như thế nào ?

Trần Mạnh Hảo: Nói về mình là điều rất khó đối với tôi. Là một người bình thường như mọi người bình thường khác, tôi muốn được nói lên, viết lên những điều mình thấy, mình nghĩ, mình xúc động trước mọi biến thiên của đời sống con người, xã hội mà đôi khi thật khó khăn biết bao. Tôi đã được sinh ra trong một thời đại binh đao, khói lửa, tàn ác; bé tí tuổi đã thấy cảnh lính Tây đi càn quét, hãm hiếp, cướp phá, giết người. Tôi đã thấy Việt Minh và Công giáo Bùi Chu Phát Diệm chặt đầu nhau cắm cọc đầu làng và cả hai bên đánh nhau này, đều nhân danh những điều thiêng liêng tốt đẹp. Tôi đã thấy cảnh cải cách ruộng đất rừng rợn, kinh

khủng gần giống như Pôn-pốt lêng-xary mà gia đình tôi là một nạn nhân...Tôi đã thấy...đã thấy...đã thấy...đói và rét kinh niên, cảnh con người không thể thành con người mà thành những nô lệ, những đày tớ cho đám "đầy tớ của nhân dân". Trong những hoàn cảnh và điều kiện sống ghê rợn tưởng như một chú bé là tôi không thể làm người, không thể thành con người; vậy mà nhờ Chúa, tôi đã rất buồn đau trong tuyệt vọng để làm người một cách đau đớn. Và có thể ma đưa lối quỷ dẫn đường hay sao mà tôi lại cầm lấy cây bút, để viết ra những nỗi đau giằng xé của đời này. Cả cuộc đời cầm bút của tôi có lẽ chỉ để thốt lên một điều : rằng làm người khó biết bao !

LTH: Anh có một kỷ niệm nào xinh đẹp và thơ mộng để chia sẻ với độc giả hơn là những kinh nghiệm kinh hoàng trên ?

TMH: Thừa chị Huệ, BẢN THÂN TUỔI THƠ của mỗi chúng ta dù phải sống trong chiến tranh, trong tù ngục, trong đói và rét, trong sợ hãi và buồn đau vẫn cứ là tuổi thơ đẹp, là vườn địa đàng dưới thế. Quê tôi gần biển và sông ngòi bao quanh, 9 tuổi đầu đi chăn trâu, sương mù tháng ba che phủ hết, tôi ngoái lại phía sau lưng, thấy làng mình chìm ngập trong khói, sợ quá tưởng cả làng bị cháy, khói bốc lên ngập trời; tôi bỏ trâu trên đê, chạy về nhà cứu mẹ, vừa chạy vừa khóc. Về tới nhà, thấy mẹ đang chạy ra ngỡ tìm tôi bảo : "Sương mù đấy, không phải cháy nhà đâu con trai!". Tôi mừng quá, ôm mẹ khóc oà, khóc xong sượng quá, cứ muốn mình bé mãi, bé đến muôn đời; nhưng tôi phải buông mẹ ra mà đi tìm con trâu đang gặm vạt sương mù thăm thẳm ấy. Những kỷ niệm bé tiu tiu này, mỗi lần ngoảnh lại tuổi thơ, tôi thấy ấm lòng vô cùng...Những đêm đông dài như vô tận, gió bắc vò xé tàu lá chuối sau nhà như xé vải, bố đi cải tạo (đi tù- hồi đó chưa có "mỹ từ : học tập"), mấy mẹ con như bầy chuột vón vào nhau trên ổ rơm cho đỡ rét. Bốn anh em đói quá, mẹ phải kể chuyện sau này nếu giữ đạo tốt, chết sẽ lên thiên đường, được thánh Phê-rô cho ăn uống thỏa sức, đủ cả thịt cá, cơm ăn không hết, quả cây thơm ngon vô tận để các con đỡ đói mà dễ ngủ , đừng mơ giấc mơ sau khi chết mới được ăn no. Sau năm 1954, quê tôi rận chấy tràn ngập, tôi đi bắt rận thuê, lấy từng lon gạo về nấu cháo cho các em ăn và chăm sóc mẹ mới đẻ em bé. Tối tối tôi lại đến nhà thờ cầu nguyện Chúa và Đức Mẹ : "Xin ơn trên cho rận chấy tràn ngập cả làng con, để con bắt rận thuê cho cả làng mà làm giàu!". Chín giờ tối ra khỏi nhà thờ, rét quá, người dúm lại như chiếc giẻ lau, ánh trăng mờ bóng tràn ngập mưa phùn, tôi mừng vô cùng, sượng quá hét lên : " Con cám ơn Thiên Chúa đã cho mưa trứng rận xuống làng con, để cứu mấy mẹ con con khỏi chết đói !". Những kỷ niệm này tôi có hàng nghìn vạn, là những kỷ niệm đẹp mà buồn đã làm nên tâm hồn tôi sau này trong văn học. Ngoài hình ảnh mẹ, ông nội của tôi (giờ đang là nắm đất ở Nam Cali Hoa Kỳ) cũng cho tôi bao nhiêu hình đẹp thơ mộng trước năm 1954 (năm ông bà nội và các cô, các chú thím di cư vào Nam). Con đê sông Đáy dài loằng ngoằng như rắn cuộn, nắng nồm chuối và mây cánh buồm, sông au au má đỏ, gió the the hương bưởi hương cau, một giờ yên ả không có tiếng súng, tiếng bom, tiếng tàu bay đêm của Pháp ò ò trên đầu, tôi chạy theo ông nội qua đò, sang nhà thờ Phát Diệm đi lễ. Ông đi trước, tôi làm chiếc đầu rau chạy theo sau, vừa chạy vừa nhặt thuốc tễ ai đánh rơi đầy mặt đê. Từng viên thuốc tễ tròn tròn, to hơn đầu dũa, màu nâu sậm, ông tôi thỉnh thoảng vo viên phơi trên tàu lá chuối khô, nay ai vớt bữa trên đê, nhiều vô kể. Tôi sung sướng vô cùng, hơn bắt được vàng, nhặt thuốc tễ cho vào hai túi áo căng phồng, tiếc rẻ, bỏ 3 viên vào miệng nhai nuốt trửng. Ông quay lại hỏi, kinh ngạc bảo tôi khạc ra : " Không phải thuốc tễ, cứt dê đấy, nôn ra ngay !". Tôi sợ quá, khóc rống lên, không thể nôn ra được nữa rồi ông ơi ! Ông bắt tôi uống nước sông thật nhiều để dạ dày không trúng độc ! Quê tôi không ai nuôi dê, cả đời đã trông thấy món "thuốc tễ-dê" này bao giờ ! May mà nhờ Chúa, tôi không bị đau bụng, vì đã chén 3 viên cứt dê trong sự làm lẫn trẻ thơ. Lịch sử, đôi khi cũng chỉ là đứa trẻ con đi theo ông nội, đã bốc nhảm thuốc như tôi ngày nào chẳng ?

LTH: Tại sao anh cầm bút. Điều gì đã mang anh đến nghiệp viết ?

TMH: Tại vì tôi ngứa tay, ngứa mắt, ngứa hồn... nên đã cầm bút làm thơ. Sách vở đầu đời của tôi là cuốn Kinh Thánh, truyện các thánh, là bộ sưu tập dày cộm của tờ báo "Đa-Minh bán nguyệt" của giáo phận Bùi Chu còn giữ lại qua bao thăng trầm, khói lửa. Tôi đọc đi đọc lại đến thuộc lòng các thứ sách ít ỏi ấy và hình như quỷ Sa-tăng đã xui tôi cầm lấy bút viết lằng nhằng những dòng tả con ốc đi bằng lưỡi, lấy đít nhìn trời, tả con mèo chơi với đuôi của mình suốt ngày không chán, tả con cò đứng một chân mà ngủ tài vô cùng... Chính các con vật xung quanh vườn, quanh ao, quanh ruộng lúa nhà tôi như chim chuột, ngan ngỗng, chó mèo, cò vạc, tôm tép, giun dế, trâu bò, ốc ếch... đã như thầy, như bạn dìu dắt tôi vào đời. Đến bây giờ tôi còn thương mấy con ếch báo thức; chúng là những con ếch đầu đàn, ngủ đông trong hang, nác lên tiếng gọi đầu tiên đánh thức đàn ếch chui ra khỏi hang mà vào cuộc sinh nở với mùa xuân. Nhưng các nhà "tiên tri ếch, kẻ đánh thức đồng loại" dậy đón xuân kia đã bằng tiếng ồn ộp của mình báo rằng : lạ ông tôi ở bụi này. Mấy tay bắt ếch chuyên nghiệp nghe tiếng kêu thức tỉnh đồng loại của dững tướng ếch cách mạng kia bèn chộp chú liền, cho vào giỏ về thịt; vào giỏ rồi mà chú vẫn uôm uôm! Vẫn báo cho đồng loại dậy mau mà chạy đi, mà vọt xuống ao kịp trốn. Xã hội Việt Nam hôm nay, so với xã hội loài ếch đã tiến hoá tới nhiều triệu năm, mà lạ thay, có mấy ai dám lên tiếng báo thức đồng loại ngủ hoài trong sợ hãi, trong yếm thế trùm chần, để tất cả chồm dậy mà đón mùa xuân, chấp nhận số phận của nhà tiên cảm, tiên tri ếch kia : dám chết vì nghĩa lớn, vì tiếng báo thức đồng loại của mình ?

LTH: Anh là người Công Giáo, gốc Bùi Chu Phát Diệm. ?

TMH: Vâng, tôi sinh ra là một kẻ có đạo, ở Nam Định. Mà Nam Định thuộc địa phận Bùi Chu. Còn Ninh Bình mới thuộc địa phận Phát Diệm. Tôi quê ở làng Bình Hải, huyện Nghĩa Hưng, chỉ qua đò sông Đáy là tới nhà thờ Phát Diệm. Nhờ giáo lý Thiên Chúa giáo mà cha mẹ tôi đã dạy tôi thành người. Con người khi không có niềm tin thì quả rất bơ vơ, bất hạnh. Sau này, tôi lại rất mê đạo Phật, vì Phật giúp tôi giải thoát ngay cả sự giải thoát. Phật với tôi là một triết học hơn là một tôn giáo. Chúa cho tôi hi vọng vào thiên đường kiếp sau, làm tôi bớt sợ chết. Phật cho tôi Niết Bàn ngay trong chính kiếp người này.

LTH: Hình như trong các tác phẩm của anh rất ít mang theo những giá trị siêu hình tuyệt đối như anh vừa mô tả.

TMH: Chị nhận xét tinh quái lắm ! Sống là một chuyện, mà khi viết lại là một chuyện khác chị ơi. Con người ta ưa ngó vào cuộc đời người khác hơn là ngó vào cuộc đời mình. Mình nhìn mình hình như chỉ qua gương mới thấy bất mắt, còn mình tự soi vào vàng tối của mình trong tâm tưởng có khi lại thấy một kẻ khác lù lù trong đó, nên tưởng là người dưng, không thèm bắt chuyện. Tôi (hình như kể cả chị) cũng có bao nhiêu kẻ khác nhập vào hồn vía mình, còn mình thì hình như tồn tại trong hồn cốt của một số kẻ khác :

"Tim mình trong ngực người ta
Tim người ta đập rung da thịt mình" (thơ TMH)

Có một ông bạn siêu hình tồn tại trong tôi, mọc rễ, mọc râu ria ra như rừng như biển đang đời giáng sinh vào một trang sách nào đó mà hình như vì tôi chưa có duyên, nên chưa tiểu thuyết hoá NIỀM HU VÔ CỐ THẬT TRONG ĐỜI kia thành văn học. Xin hẹn vậy. Ly thân, là một tiểu thuyết thế sự, chưa đủ không gian và thời gian ảo cho thế giới ma ma Phật Phật tàng hình. Tôi mê thần học và triết học từ bé, như con voi con mèo món bã mía BÀ MẸ SIÊU HÌNH vừa quăng lại cho cuộc tập dượt tí teo.

LTH: Có một luồng dư luận rất mạnh ngoài kia tố cáo Trần Mạnh Hào là công thần của chế độ, chống đối vờ vịt.

TMH: Tôi biết dư luận đó và mặc kệ nó, tôi chẳng hơi đâu mà cãi chính. Đến như chị Dương Thu Hương chống cộng nhất nước kia mà một số vị hải ngoại còn cho là chống cộng cò mồi, huống là Trần Mạnh Hảo nhất hơn thỏ để chẳng dám chống ai; việc họ đồn TMH "chống đối vờ vịt" có khi lại là chuyện hay cho tôi chẳng ? Ngay cả các ông nhà văn chống cộng có sừng có mỏ bên hải ngoại, vẫn còn bị các ông nhà văn chống cộng khác chụp mũ là "cộng sản nằm vùng" cơ mà ! Tôi chẳng chống báng ai cả, tôi chỉ nói lên sự thật. Tôi đâu có tham vọng làm chính trị, cũng chẳng thích tham gia phe này, phái nọ. Nghe một chữ phe=đảng là tôi đã hãi vãi...cả linh hồn ra rồi ! Là người Việt Nam, tôi yêu nước mình bằng cách của mình, chẳng yêu nước hộ ai, dùm ai, yêu nước a dua, yêu nước có thường như phe này phái nọ. Có nhiều kẻ nhân danh đất nước để làm khổ đất nước, làm hại dân tộc nhiều lắm rồi ! Tôi nhận thức rằng kẻ làm chính trị (cả hai bên), hầu hết đều là những người ưa xàm tấu, ưa vu vạ, vu cáo, ngậm máu phun người, lấy mục đích (ảo tưởng) biện minh cho hành động (ma giáo). Kẻ làm chính trị nói chung đều gian dối. Trần Mạnh Hảo tôi là cứ dị ứng với những "cò chính trị" luôn luôn nhìn con người bằng con mắt lừa lọc, phe trên phái dưới kia.

Chính hội chứng "TĂNG SÂM GIẾT NGƯỜI" từ trong nước thổi ra hải ngoại, đã biến tôi -một thường dân, bị khai trừ đảng và đuổi ra khỏi biên chế nhà nước suốt 16 năm nay- thành một cái (ô hay) : "CÁI Ô VĂN HOÁ CHE CHO ĐẢNG CS". Vấn đề là ở chỗ tôi đã viết hàng trăm bài phê bình để phê bình hàng mấy chục giáo sư đầu ngành văn học, văn hoá học, sử học, mỹ học..., phê bình các sách giáo khoa, các giáo trình đại học trong các lĩnh vực khoa học nhân văn. Các vị giáo sư này chính là nòng cốt tinh thần cho chế độ mà Trần Mạnh Hảo dám phê bình. Nên các giáo sư trả miếng bằng cách quy kết TMH dựa vào đảng, được đảng sai đánh các trí thức(!) Các vị giáo sư đầu ngành khoa nhân văn này quả tình có tội rất lớn với dân tộc Việt Nam, đã chính trị hoá toàn bộ khoa học nhân văn, góp phần dạy sai văn, dạy sai sử, dạy sai triết, dạy sai...cả đạo đức, luân lý cho phù hợp với tính đảng, tính giai cấp, là những thứ tính tiêu diệt hết tính khoa học của khoa học nhân văn...Các vị giáo sư này còn có một tội lớn là bán bằng bán cấp để có nhà, có xe, có tài sản như hiện nay, khiến nhiều vị cán bộ cao cấp chưa hết trung học vẫn có bằng thạc sĩ, tiến sĩ. Nền giáo dục xuống dốc tận cùng như hôm nay, lỗi tại cơ chế chính trị sai lạc đã đành, nhưng cũng lỗi bởi các vị giáo sư đầu ngành khoa học nhân văn này bảo hoàng hơn vua đấy. Chính các vị GS đầu ngành này lúc nào cũng là đảng viên trung kiên của đảng, và hàng vạn học trò của các vị đã vu lên rằng Trần Mạnh Hảo dựa vào đảng để đánh trí thức(!) Mà "phe" của họ đông hơn kiến cỏ, còn Trần Mạnh Hảo trợ trụi có một mình. Lỡ đụng vào ổ kiến lửa thì phải chịu thôi.

LTH: Nếu Trần Mạnh Hảo là một thường dân (như lời anh phát biểu trên) lại đi phê bình các giáo sư đầu ngành văn học, văn hoá học, sử học vv. Và có vẻ như những lập luận của Trần Mạnh Hảo có vẻ đúng ... thì hóa ra xã hội Việt Nam thật phản trí sức thế sao ? Anh có ốm ốm quá không ? Hay giới trí thức bị bệnh bất lực nên một anh phó thường dân phải lên tiếng ?

TMH: Vâng, tôi chỉ là một thường dân không hơn không kém, học hết phổ thông không được chế độ cho đi đại học vì lý lịch xấu vào hàng nhất nước; đến độ bị cán bộ xã ghét hành hạ, bắt tôi làm tổ trưởng tổ gánh phân bắc (phân người). Nghĩa là, sáng sớm, tôi và hai người khác đến từng gia đình, gánh chiếc nôi đình chứa phân tươi đổ ra, lấy đất bột trộn với phân bắc, viên thành từng viên bón lúa, tất nhiên là lúa của hợp tác xã. Tối về nhà, không có xà phòng, dùng lá xoan, lá ổi, lá bưởi, chanh, lá sả chà sát cả tiếng đồng hồ mà tay mình vẫn thối như tay một xác chết. Nhiều đêm, nghĩ thân phận mình sắp biến thành phân hôi thối mà kinh hãi, mà ù té chạy khỏi kiếp người trong mỗi giấc mơ. Sao cả gầm trời này rộng thế nhưng hỏi còn chỗ nào cho con trai "tên ngụy kiêm địa chủ, công giáo tề đồng, với thằng con học giỏi vẫn có ông bà nội di cư theo địch vào Nam" này một chỗ bé như ổ chó, ổ lợn thôi trong gầm giường của xã hội xã hội chủ nghĩa để làm người ? Tôi viết đơn tình nguyện đi bộ đội vào Nam đánh Mỹ để thoát khỏi KIẾP PHÂN NGƯỜI. Nhưng lý lịch xấu thế, bộ đội chê, cho nó đi B có mà

thành thám báo, mật báo cho Mỹ ngay đấy ! Cuối cùng, tôi phải đút lót 10 con gà mới được huyện đội, xã đội sửa thành phần lý lịch cho đỡ xấu mới được đi bộ đội; rồi tên KHỈ GIÓ này cũng được vượt Trường Sơn như ai... Đến khi làm thơ viết văn có tí tiếng tăm được lấy về Cục chính trị quân giải phóng làm báo Văn nghệ quân giải phóng, vẫn không được tin tưởng, vẫn không cho vào sống trong căn cứ chính của CỤC CHÍNH TRỊ MIỀN NƠI rừng già Lộc Ninh, mà phải làm lều trại ở vòng ngoài... Làm cái anh công giáo theo đảng nó khổ nhục còn hơi chó, vậy mà cần rặng "Lấy sự khốn khó làm vui mừng Amen !" (kinh đạo Chúa). Nói dông dài như thế, để thấy TMH chỉ là anh phó thường dân, sao lại dám xông vào HÀN LÂM VIỆN NHÂN VĂN của chế độ mà vạch ra vạn ngàn cái sai kiến thức, sai phương pháp luận, sai cả hành văn, sai cả bao nhiêu hệ thống từ triết học, văn học, sử học, văn hoá học, mỹ học, luân lý, chính trị học... của mấy chục giáo sư đầu ngành có tuổi đảng 50, đến 60 thì hoá ra " tên TMH" này khủng hay sao ? Tôi đã viết hàng trăm bài báo, đã in thành 5 tập sách và còn vài ngàn trang sách chưa in thành sách để chứng minh rằng xã hội Việt Nam trong lĩnh vực NHÂN VĂN hiện nay đều đi sai đường và đều do CÁC NHÀ SAI HỌC LÀ NHỮNG GIÁO SƯ ĐẦU NGÀNH DẪN DẮT. Một thường dân không có bằng đại học như TMH lại làm cả một hệ thống giáo sư do đảng đào tạo tịt ngịt, cứ im thin thít như thịt nẫu đông, giả vờ không thấy việc TMH đang vạch ra trước xã hội toàn bộ cái sai kinh khiếp của toàn hệ thống khoa học nhân văn , thì quả là chuyện y như bịa phải không ? Sự thiếu vắng mặt bằng trí thức của xã hội Việt Nam hôm nay là hậu quả của khẩu hiệu đầu tiên do đảng cộng sản Đông Dương trưng ra trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh từ 1930, chỉ ra nhiệm vụ của cách mạng cộng sản trước hết phải TIÊU DIỆT TRÍ THỨC : " Trí, phú, địa hào đào tận gốc tróc tận rễ" !

LTH: Anh định nghĩa thế nào là một nhà văn ? Theo anh nhà văn là 1 nhà hoạt động xã hội đấu tranh cho một thế giới tốt đẹp hơn ?

TMH: Theo tôi, nhà văn trước hết và sau cùng phải là một con người đúng nghĩa. Anh có thể trở thành nhà hoạt động xã hội đấu tranh cho một thế giới tốt đẹp hơn như chị nói. Nhưng nhà văn, anh cũng có thể là kẻ vừa bị tù ra, một kẻ bị nhà cầm quyền khinh ghét, có thể anh lại ở phe kẻ cầm quyền (ấy là tính trong xã hội dân sự, chứ xã hội VN hôm nay mà dây vào tí chức tí quyền là coi như toi, coi như anh chỉ là công cụ, phần người bé đi vì phần ngợm phình ra). Ở đâu có chuyện chính trị hoá văn học thô thiển là ở đó văn học trốn hết. Nhà văn là một kẻ yếu đuối phù suy, một kẻ thương người có khi thành ám ớ, một kẻ ngây thơ và khốn khó như nhân dân của mình. Khi một nhà văn tốt lên đài danh vọng của bất cứ sự xưng tụng từ bất cứ phía nào là lúc vai trò và thiên chức nhà văn nơi anh sắp rời bỏ anh, để anh thành con thú nhồi bông cho trò chơi chính trị bằng bê giã làm búp bê.

LTH: Những nhà văn trong chế độ Cộng Sản thì được chế độ này cấp thẻ Hội Nhà Văn. Nhà văn mà bị cấp thẻ thì làm sao còn tự do viết. Theo anh, nhà văn có cần tự do (để viết) không ? Hay thiếu tự do người ta vẫn có thể sáng tác những tác phẩm xuất sắc được ?

TMH: Chế độ cộng sản chỉ có một Hội Nhà Văn của nhà nước. Tuyệt đối không cho anh nào lập nhóm, lập phe. Vì chỉ mình Đảng cộng sản được quyền lập phe phái thôi, các anh tính lập phe tranh đua với đảng ư, bỏ tù các anh liền cho các anh vào mà lập phe với công số tám. Cái thẻ nhà văn chẳng ăn thua gì cả, nó chỉ là một miếng giấy có in hình nhà văn và chữ ký của ông Hữu Thịnh mà thôi. Nó xác nhận anh làm nghề viết văn để công an khỏi nhầm anh với anh hàng thịt, với bác hoạn lợn. Cái thẻ ấy bản thân nó không thể làm mất tự do sáng tác của anh. Bây giờ, anh nào nói tại chế độ cộng sản tôi không có tác phẩm lớn anh đó nói láo. Tất nhiên, xã hội cộng sản bao năm cấm các anh nói toẹt ra sự thật, kiểu Ly Thân là ăn đòn ngay. Nhưng trong tình hình hiện nay, hồi các thiên tài ở ẩn, hồi những vĩ nhân đang đờ lỏi cho cộng sản làm anh không giặt được giải Nô-ben, có tài thì im đi mà viết, viết chui càng thích (ví như có nhiều anh vợ con đẻ huê mà chỉ thích YẾU CHUI !). Đờ lỏi cho xã hội trói buộc như thế chỉ là

các ông nhà văn bắt tài nói phét. Các nhà văn hải ngoại kia suốt 30 năm nay với sự tự do sáng tác tuyệt đối, sao vẫn chưa có tác phẩm vĩ đại làm chấn động thế giới ? Anh có tài, xin anh cứ viết đi, viết cho hết lòng để đẩy in sau, hoặc chỉ cần bấm một nhát trên email là cuốn "CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH" tái thế của anh sẽ được một nhà xuất bản hải ngoại ấn hành ngay cho cả thế giới biết mặt. Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Nguyễn Viện...nhấn chuột máy vi tính chỉ nháy mắt là tiểu thuyết của họ đã sang Mỹ, vài tháng sau sách ra lò đã nằm giãy đảnh đạch trên giá sách như một con cá chép vừa bắt lên từ sông Hồng. Tôi nghĩ, tự do hay không tự do là do chính mình, do mỗi nhà văn, dù anh sống trong một cái lồng chế độ có rất nhiều chim hót đi nữa. Chính ông Hồ Chí Minh đã khuyên chúng ta bằng 2 câu thơ : " Thân thể tại ngục trung / Tinh thần tại ngục ngoại". Có người sống trong tù mà lòng tự do, có kẻ tự do ngoài đời mà hồn vía bị chính mình nhốt vào nhà tù của định kiến, u mê !

LTH: Tôi xin phép cắt ngang, hỏi anh đã đọc tập thơ Hoa Địa Ngục của Nguyễn Chí Thiện chưa? Riêng cá nhân tôi, đã từng trò chuyện với nhà thơ Tô Thùy Yên và nói, anh Tô Thùy Yên à, em thấy thơ anh vĩ đại như bất cứ nhà thơ vĩ đại nào của thế giới. Nhưng rất tiếc qua tập thơ Thấp Tạ của anh mới chỉ có mình em và vài người khác, ngưỡng mộ anh là thi tài vĩ đại của thế giới. Mấy nhà phê bình kia, mấy người đọc kia còn bận đi phò các thi tài vĩ đại của Tiếng Anh Tiếng Pháp Tiếng Đức rồi. Bạn của tôi nữa, Ngu Yên cũng là một nhà thơ ngon của hải ngoại. Tại vì nhiều lý do khác mà những nhà thơ nhà văn Tiếng Việt chưa được thế giới xem là vĩ đại, chứ không phải chúng ta chưa có những sáng tác vĩ đại, anh nghĩ thế nào ?

TMH: Thưa chị, tôi chưa được vinh dự đọc tập thơ "Hoa địa ngục" của ông Nguyễn Chí Thiện. Qua các đài phát thanh hải ngoại, tôi biết ông Nguyễn Chí Thiện ở tù trong nước hầu như làm một nghề duy nhất là đi tù. Hồi nhà văn Phan Nhật Nam mới đi tù ...(đi "học tập"giời ạ ! Đánh tráo khái niệm : đi tù thì gọi là đi tù, lại gọi là "đi học". Hèn gì trẻ con trong nước hiện nay sợ đi học một phép, chỉ thích trốn học, vì việc "đi học tập" tại trường đồng nghĩa với việc đi tù ư ? Cha ông dạy : DANH KHÔNG CHÍNH THÌ NGÔN KHÔNG THUẬN là vậy hỡi các cụ giời con !)...về, kể cho tôi nghe cuộc đời trong tù của ông hay hơn tiểu thuyết rất nhiều. Tôi bảo ông Nam : ông ngồi viết ngay đi, viết một cuốn rất thật, y như ông kể với tôi và đặt cho nó cái tên : "Tôi hành nghề đi tù", dứt khoát là hay, là tác phẩm lớn. Nhưng sang Mỹ, không hiểu ông Nam trời thần đất lở này đã có cơ viết lại chuyện kia chưa ?

Xin lỗi chị, TMH là "một nhà lan man học" hay chuyện nọ xọ chuyện kia, à chị hỏi về thơ Tô Thùy Yên. Vâng, tôi có đọc nhà thơ này. Trước năm 1975 Tô thi sĩ chưa hề xuất bản tập thơ nào, tuy rằng tiếng hay cũng vào hàng đệ nhất miền Nam. Tôi có đọc cả 2 tập thơ của ông Tô Thùy Yên xuất bản bên Mỹ : 1-tuyển thơ Tô Thùy Yên, 2- Thấp Tạ. Nhìn chung, 2 tập thơ này của Tô Thùy Yên là 2 tập thơ hay. Tô Thùy Yên tiếp tục lối thơ truyền thống theo kiểu Quang Dũng, nhưng có nhiều sáng tạo và vẫn mới vì giàu cảm xúc. Còn nhà thơ Ngu Yên chị khen thì tôi chưa được đọc thành hệ thống, chỉ đọc loáng thoáng mấy bài lẻ, thì thấy thơ của Ngu tiên sinh rất có căn cốt, khí lực thâm hậu, hồn vía ẩn tàng...Còn cái vụ các nhà thơ nam giới không chịu khen nhau thì đó là chuyện thường tình : " trai ghen tài, gái ghen sắc" mà chị. Chỉ có người tài thật mới biết "liên tài", biết khen thơ thiên hạ !

LTH: Làm sao để các tác giả có thể đối thoại với nhau trong một tinh thần hoà nhã ? _Cuộc đối thoại giữa anh và nhà thơ Trần Nghi Hoàng hải ngoại trên Gió O đã thất bại. Ngay cả với người cùng chiến tuyến với anh, là đạo diễn Đỗ Minh Tuấn, hai anh không trao đổi, mà tố cáo lẫn nhau thì đúng hơn.

TMH: Thưa chị : nguyên tắc của tôi khi phê bình : tuyệt đối không xúc phạm cá nhân, không đao to búa lớn. Các ông Trần Nghi Hoàng, Đỗ Minh Tuấn là những người "gây sự" trước, xúc phạm cá nhân chúng tôi tới tận cùng. Hai ông này, trong các bài viết chửi bới Trần Mạnh Hảo (TMH) đã gọi chúng tôi là "con vật", "là chuột", là "công an", là "chồn hôi", là "giun kim"... nghĩa

là TMH không phải con người. Trong khi chúng tôi không hề đáp lại với 2 ông này bằng giọng điệu "kinh khiếp" đó. Tôi chỉ xin hỏi ông Trần Nghi Hoàng mấy câu hỏi thôi, có kết luận gì đâu, mà ông giận dữ hơn thiên lôi, chửi bới tàn tệ tôi nhường ấy. Còn ông Đỗ Minh Tuấn chả kém gì ông Nghi Hoàng, chửi bới chúng tôi tàn hại hết biết. Chúng tôi chỉ dựa vào văn bản của các ông kia mà thừa lại, mà phân tích sự giả dối và lập luận phi logic của các ông này thôi. Nói thật với chị, việc của chúng tôi "đối thoại" với ông Tuấn và ông Hoàng là một việc làm thiếu sáng suốt của chúng tôi vì 2 ông này dữ tợn quá sức, bất chấp phải trái và thiếu "văn hoá tranh luận". Còn chuyện chị Lê Thị Huệ bảo TMH là "người cùng chiến tuyến" với Đỗ Minh Tuấn thì quá là oan cho chúng tôi. Ông Tuấn nhiều lần khoe trên Talawas từng gần 15 năm làm "quan chức cao cấp bí mật" cho đảng cộng sản, cụ thể ông ta khoe mình từng là "cố vấn ngầm", "thư ký chìm" cho ông Lê Đức Thọ và các ông trong Bộ chính trị để hiến kế, giới thiệu nhân sự và "tâu" các chuyện của văn nghệ sĩ để các ông trên xử lý. Chúng tôi chỉ là dân đen, cả đời không biết đến cửa một ông vụ trưởng, chứ chưa hề quen và biết một ông cán bộ cao cấp nào của đảng và nhà nước, thì làm sao "cùng chiến tuyến" với ông Đỗ Minh Tuấn- một người ăn kẻ ở trong nhà ông Lê Đức Thọ và các ông Bộ Chính trị được.

LTH: Hình như tất cả những điều trên không liên hệ gì đến sáng tác nghệ thuật cả, đúng không ?

TMH: Đúng, nhưng nó liên quan đến con người, đến nhân cách của con người. Mà con người thì đẻ ra nghệ thuật. Cho nên những điều chúng tôi "tranh luận" với Cố xay gió –Đỗ Minh Tuấn kia, bản chất cũng chính là những điều liên quan đến nghệ thuật vậy !

LTH: Phần lớn những người đọc ở hải ngoại đều nghĩ như câu hỏi tôi đã đặt ra, Trần Mạnh Hảo và Đỗ Minh Tuấn cùng một chiến tuyến, đều là những cán bộ văn hóa của chế độ cộng sản. Anh có thấy sự thật là điều cần chà cho nó sáng lên không ? Nhất là đối với những con người Việt Nam sống trong giai đoạn vừa qua và hiện nay: Sự thật bị những điều gian dối đánh tráo và phủ chụp. Anh có tin là anh là người thợ rèn chữ thành công trong sứ mệnh chà sáng sự thật ?

TMH: Vấn đề quan trọng là TMH, hoặc ĐMT viết ra, làm ra được món gì có thể gọi là nghệ thuật, để có thể cống hiến cho đất nước, chứ không phải "Kỷ ức Điện Biên"- mì ăn liền cúng cụ cống hiến cho sự tuyên truyền của chế độ. 16 năm nay, kể từ khi viết và in xong cuốn Ly Thân, TMH không còn nằm trong hệ thống chính quyền nữa, chỉ là dân đen, mà dân đen thì không phải là "cán bộ văn hoá của chế độ cộng sản". Các nhà văn như Ma Văn Kháng, Nguyễn Khắc Trường, Bảo Ninh, Lê Minh Khuê, Dương Hường, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Phan Thị Vàng Anh... hiện nay vẫn là những "cán bộ văn hoá của chế độ cộng sản" nhưng tác phẩm của họ hiện đang được hải ngoại đón chào ầm ĩ kia thì nó nói lên điều gì vậy ? Đỗ Minh Tuấn hoàn toàn khác với những nhà văn kia, khác về bản chất : một bên chủ động luôn lọt cổ tìm chỗ đứng trong hàng ngũ cán bộ cao nhất của chế độ, một bên chỉ thụ động là những viên chức ăn lương kiêm viết văn.

Theo tôi, anh em hải ngoại mà cụ thể là chị, cần phân biệt TÁC PHẨM và TÁC GIẢ. Cách nhìn xét giá trị tác phẩm qua thân nhân tác giả (mà thân nhân đó thường do thù ghét, bịa đặt mà ra) là một cách nhìn có hại cho văn học Việt Nam. Ví dụ, như ông Nguyễn Khoa Điềm đột nhiên, sau khi về hưu lại công bố một cuốn hồi ký chân thực và xúc động có thể làm choáng váng dư luận, được công chúng tìm mua như tôm tươi, thì chả lẽ vì ông ta từng là quan chức chóp bu của đảng mà phủ nhận tác phẩm hay kia của ông ư ? Cũng ví dụ như thế với ông Nguyễn Cao Kỳ đang bị hải ngoại chửi hết cỡ, đột nhiên lại tung ra cuốn hồi ký hay như mộng thì lúc ấy ta lại chẳng khen ông Kỳ hết lời, quên cái chuyện vặt ông về nước dưỡng già ham vui phát biểu lăng nhăng hay sao ?

- "Cái kim trong bọc lâu ngày cũng ra", huống nữa là sự thật về HAI CON TÉP RIU TRẦN MẠNH HẢO ĐỖ MINH TUẤN thì có gì khó, chỉ cần xem, cần đọc vài ba tác phẩm, vài ba bài báo của mỗi con ẼNH ƯƠNG VĂN NGHỆ này là biết liền ai CHÂN, ai NGỤY thôi mà !

LTH: Tại sao không đặt thẳng vấn đề và đối thoại từng đề tài một, mà lại tố cáo chuyện cá nhân nhau ?

TMH: "Tố chuyện cá nhân" chúng tôi là ông Đỗ Minh Tuấn bịa ra cả, còn tôi đâu biết chuyện cá nhân của ông ta mà tố. Chính ông Tuấn tự "tố" chuyện "quan hệ" với ông Lê Đức Thọ và các ông Bộ chính trị suốt gần 15 năm của mình trên Talawas đó thôi ! Chính ông ta khoe được vinh dự ăn cơm với Phạm Văn Đồng và tí nữa Lê Đức Thọ đã cho ông ta làm Bộ trưởng Bộ Văn hoá !

LTH: Và làm sao để người đọc biết được đâu là sự thật

TMH: Sự thật hiện ra ở các bài của hai bên "tham chiến" chứ còn đâu !

LTH: Câu trả lời trên rất kinh khủng . Vì sự thật hiện ra trên trang giấy khác với sự thật ngoài đời sống kia. Sự thật trên trang giấy là một sự thật tái tạo. Anh nói đấy là sự thật, nhưng đấy chỉ là những lời kể lại sự thật. Cả hai anh đều hàm hồ biện luận cho sự thật của mình. Và cả hai đều rất giỏi viết. Và tiếc các bài viết này lại xuất hiện ngoài nước, nơi các anh không sinh sống ? Thế thì câu trả lời vẫn là làm sao để độc giả tin là các anh đang viết lại một sự thật ? Nên nhớ độc giả như chúng tôi không biết gì về tất cả những chuyện mà các anh đang "tố cáo" lẫn nhau

TMH: Tôi nói từ SỰ THẬT là cái sự thật trong bản chất, qua sự sàng lọc của tư duy phán đoán và phân xét của người đọc, không phải là SỰ THẬT chủ quan do mỗi bên "THAM CHIẾN" vờ vào mình. Câu hỏi này tôi đã trả lời ở phần trên. Rằng cả một thể chế giấu sự thật kỹ như mèo giấu của quý kia mà thiên hạ còn tìm ra được, huống nữa là 2 kẻ tranh biện kiểu bèo giạt mây trôi ở cấp cóc nhái kia, làm sao mà màn thừa che được mắt thánh của người đọc, nhất là một người đọc tinh quái như chị ?

LTH: Bàn qua tác phẩm Ly Thân. Anh muốn độc giả hiểu tác phẩm này như thế nào ?

TMH: Thừa chị, tôi viết "Ly Thân" trong cảm xúc được ông Nguyễn Văn Linh tuyên bố cởi trói năm 1986. Mừng quá viết một mạch, hơn 400 trang viết chỉ có 25 ngày, như thể bao gan ruột ứ đầy tự nhiên trào ra hết trang giấy. Viết như ngủ mơ, như thần nhập vì vui quá, sướng quá, vì mình có tay mà bị đảng trói như trói súc vật, trói chặt quá không nhúc nhích được, nay bỗng được cởi trói, không dám tin là thật . Công nhận, làm một con người, một nhà văn không có tội tình gì trong một "chế độ ưu việt nhất thế giới" " Tự do dân chủ gấp vạn lần Tư bản" (điều này cũng chính đảng và ông NVL tuyên bố) mà lại bị đảng cầm quyền trói như trói gà trói vịt, trói chó trói mèo thì kể ra cũng không được vinh dự cho lắm. Thấy ông to nhất của chế độ bảo : thôi, đảng tha trói cho các đồng chí văn nghệ sĩ thân yêu, viết đi, thế là tôi viết. Về mặt nào đó, "Ly Thân" đúng là viết trong cơn say CÖI TRÖI. Chị và anh em nhà văn hải ngoại chưa bao giờ bị "MỸ NGỤY" trói như đảng thương mà trói nghiền anh em nhà văn chúng tôi suốt bao năm, nên không thể chia sẻ nỗi niềm vui của những kiếp người, kiếp văn được CHÜ NÖ cởi trói như bọn tôi đâu. Bằng một từ CÖI TRÖI của ông Nguyễn Văn Linh, đã nói lên rất chính xác BẢN CHẤT CỦA CHUYỆN TỰ DO SÁNG TÁC trong nước.

LTH: Câu trả lời của anh làm cho tôi xúc động đến lịm người. Cám ơn anh.

TMH: Cám ơn chị đã khen. Tôi vinh dự chết đi được ấy, không phải nói chơi đâu! Nếu tôi nói gian, xin giới bắt bé bằng con kiến !

LTH: Từ đó đến nay, nhiều dư luận về quyển Ly Thân, anh nghĩ là những nguồn dư luận này có công bình với anh ?

TMH: Thưa chị, dư luận khen chê đối với một tác phẩm văn học là bình thường. Cuốn "Ly Thân" của tôi thiệt thòi là vừa in ra đã bị cấm, bị tịch thu ở trong nước. May có một số anh em hải ngoại in lại LY THÂN từ bên Pháp, bên Mỹ...nên bà con ở ngoài có dịp được đọc cuốn này. Những cuốn sách ban đầu gây dư luận của chị Dương Thu Hương, anh Nguyễn Huy Thiệp may hơn sách của tôi là không bị trong nước cấm, lại được hải ngoại công kênh ca tụng tới bến...

LTH: Tôi có một kinh nghiệm kỳ kỳ. Là lần đầu tiên khi đọc Ly Thân, tôi rất kết tác phẩm này nhưng không hiểu sao, mỗi lần tôi mở miệng ra khen Ly Thân với mấy bạn văn (phần lớn là nam giới), tôi đều bị quạ lại, là đừng tin Trần Mạnh Hảo, đây là một cán bộ văn nô vv ... Tôi cảm thấy mơ hồ là hình như anh bị một hệ thống nào đó tấn công ? Trong khi các tác giả như Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp thì lại được một hệ thống nào đó cổ tình nâng lên. Bây giờ tiếp xúc với anh, tôi lờ mờ cảm nhận ra. Dĩ nhiên người ta không thể dùng những người mà họ không thể mặc cả hay không thể kiểm soát được. Anh không có ô dù như Dương Thu Hương, anh không im im như Nguyễn Huy Thiệp. Có phải vì thế nên anh không ở trong danh sách những người được các thế lực khác đánh bóng lên?

TMH: Chị Huệ ơi, chị đã mở đường cho hươu chạy đấy nhé ! Chị đã có lời, tôi xin mở ruột, xin thưa ra hết rồi có ai họ tức họ lại bắt đền chị, rằng tại cô Huệ mà tay Hảo "cán bộ văn nô" này nó hư, nó lên nước, nó tưởng bở nó có tài ! Rất cám ơn lời khen của chị với cuốn Ly Thân : "Tôi rất kết tác phẩm này". Cứ giả dụ như TMH là "Cán bộ văn nô" như có "mấy bạn văn (phần lớn là nam giới)" của chị quy kết, thì cuốn Ly Thân đã ra đời, độc lập với tác giả của nó, nếu nó làm ai rung động, thì chính nó đã vượt ra khỏi ý đồ cò mồi văn nô đen tối kia, thành phản tác dụng, thành tuyên truyền ngược, là phản thùng văn nô văn đùa rồi còn gì ! Tôi có thể đoán được một số văn sĩ nam giới ấy lúc đó chắc tức đỏ mặt, vì xưa nay chị không chịu khen các trước tác "thiên tài" của họ, mà lại đi khen sách của cái tên bá vợ cha kặng chú kiết văn nô văn niếc TMH bên kia chiến tuyến quốc cộng Trịnh Nguyễn phân tranh kia ? Chị thật là liều. Giờ sau khi gần 20 năm cuốn Ly Thân ra đời, chị lại dám lên mặt báo để "động viên" Ly Thân của nó thì là bước liều thứ 2.

Chả nói dẫu gì chị, hồi 1986 của mùa xuân văn nghệ cời trói đổi mới ấy, tôi đã đổi mới trước cả Dương Thu Hương, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Duy, Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh...ít nhất 4 năm bằng bài thơ "KHÓC NGUYỄN HỒNG" có tên chính thức là "CHO MỘT NHÀ VĂN NĂM XUỐNG" năm 1982 tại Vũng Tàu, gây chấn động dư luận hồi ấy, mà dư luận gọi là vụ án "KHÓC NGUYỄN HỒNG". Sau đó tôi cho in mấy chục bài thơ trên các báo với tâm thức tiền đổi mới gây tiếng vang không kém. Những bài thơ này hầu như 50% đã vừa được giới thiệu trên trang web GIÓ-O (bấm vào đây đọc, _thơ TMH 1, Thơ TMH 2). Nhà văn Xuân Sách, trong tập thơ "Chân dung Nhà Văn" đã viết về TMH như sau :

"Này thằng Trần Mạnh Hảo
Đi phỏng vấn Chí Phèo
Lão chết từ tám hoánh
Đời mày còn gieo neo
Còn cái lão Bá Kiến
Đục bản in thơ mày

Bao giờ mày say rượu
Bao giờ thì ra tay ?"

Nhưng trong các tài liệu "văn học sử" của các vị được mệnh danh là VĂN HỌC ĐỔI MỚI, tuyệt nhiên không có dòng nào cho tôi. Chị có thể tham khảo điều này bằng tiểu luận viết về văn học đổi mới trong nước của bà Thụy Khuê bên Pháp có đầy trên các trang web. Bà Thụy Khuê còn vợ bèò gạt tép cho những tác giả a dua đổi mới vào hàng khai phá, mà cố tình quên Trần Mạnh Hào là một ý đồ chung của nhóm gọi là VĂN HỌC CỜ TRÓI do Nguyễn Ngọc, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Đăng Mạnh, Phạm Xuân Nguyên ...trong nước "bảo kê". Những người trên hầu hết đều bị tôi phê bình vì viết nhiều bài ấu tả, sai trái... Còn ở hải ngoại là những ông bà nào trong băng "Nguyễn Ngọc-Hoàng Ngọc Hiến" thì tôi khỏi nói chị ắt biết rõ.

Hồi ấy, có mấy ông trùm sò VĂN NGHỆ CỜ TRÓI mang một danh sách mật gồm các nhà văn nhà thơ với nhiều ông bà nổi tiếng, bảo tôi muốn được "bảo hiểm", được lảng xê ở nước ngoài thì ký vào đây, ký vào là phải làm theo yêu cầu của chiến hữu mới có thể yên ổn không bị công an làm phiền, trong nước TIỀN HỒ một tiếng là anh em hải ngoại HẬU ỦNG liền. Nhưng trời đã sinh ra TMH một kẻ ương hơn ghe, bướng vô cùng, rất hời hợt khác lãnh đạo, kẻ khác giật giây nên không ký tên vào hàng ngũ các nhà văn CỜ TRÓI được chiến hữu tầm xa "bảo vệ". Không biết có phải vì vậy mà cuốn Ly Thân của tôi bị "anh em ta ở hải ngoại" ghẻ lạnh hay bởi vì nó dở quá, không có ma nào đọc ?

LTH: Băng đảng và ngoại giao là chuyện có thật mà tôi biết. Tôi cũng từng ngứa mắt như anh khi thấy hiện tượng băng đảng và quà cáp (party, tặng rượu, tặng tiền quảng cáo, anh anh em em ngọt ngào hoặc ngủ nghề với các ông chủ bút các ông bầu phê bình ...vv...vv). Chính tôi cũng bị. Ngày xưa ngày xưa, lúc còn là một cô gái trẻ đẹp mới mới bước chân vào làng, tôi cũng từng bị những cú tấn công tình cảm (giả dối, nhưng ai thật thì nhớ và cảm ơn ghen), hoặc những cung cách ứng xử băng đảng này nọ. May vì nhu cầu suy nghĩ độc lập trong tôi khá mạnh, và tôi vẫn thường bướng bỉnh với đàn ông, nên tôi gạt phăng, không quy lụy ai cả. Tôi chán ngất ngư vì biết rất rõ trò chơi này của họ. Nhưng chán hơn nữa là hình như có nhiều tác giả lẫn độc giả tin theo các đồn phếp của các ông bà bầu sô văn học (hạng bét) tung ra. Anh có nghĩ là đời sống vốn dĩ là thế. Có gì mà phải ầm ĩ. Chấp nhận nó đi. Hoặc chúng ta nên lên tiếng.

TMH: Thừa chị, đúng là chúng ta cần phải lên tiếng về cái thói bè phái chơi xỏ nhau, đổ kị ghen tài nhau, bầu xô bầu chậu đút lót nhau, giành giật tên tuổi nhau trong văn học (kể cả việc dùng vốn tự có để lót đường danh vọng của chị em ta nào đó muốn thành thiên tài mà không thông qua lao động nghệ thuật chân chính như chị vừa nêu !). Nhưng tiếng kêu của chúng ta, nếu có, cũng chỉ là tiếng kêu cô lẻ trên đồng vắng. Ngay ở trong nước, giờ đây cũng hình thành một nhóm CÁC VĨ NHÂN HÀ NỘI được hải ngoại dịch, ai không quy phục nhóm này, sẽ bị cho ra rìa, không được lảng xê, không được công luận để ý ! Thôi, đó là thói thường ở đời. Văn học là chuyện muôn đời, là công việc của trăm họ, không phải của riêng ông nọ bà kia hay nhóm này băng đảng khác. Cái gì thực tài, tự nó sẽ bứt lên.

LTH: Anh có vẻ chịu khó đọc sách và nghiên cứu học hỏi, anh nghĩ là mình chịu ảnh hưởng tác giả Viet Nam hoặc tác giả thế giới nào.

TMH: Vâng, thừa chị, có vẻ thôi ạ, chứ sách vở đâu phải là sở trường của tôi. Sở trường của tôi là chính cuộc đời, và cuộc đời tôi. Một nhà văn không đi cùng tận cuộc đời mình, không tự vác lấy thân phận mình mà đi đến ngọn NÚI SỌ bi kịch đầy vẻ phi lý, hư vô của mình, nhà văn ấy tìm thấy gì trong sách vở người khác chứ ? "Nghiên cứu học hỏi" là việc của cả đời. Tôi nghĩ : tại sao chúng ta phải đọc một vạn cuốn sách ? Chỉ vì chúng ta bất lực, không đọc được cuốn sách vĩ đại nhất của trần gian này chính là bản thân chúng ta. Trời ban cho mỗi người

một THIÊN THƯ : cuốn sách lớn nhất chính là BẢN THÂN MỖI CON NGƯỜI. Nhưng cuốn THIÊN THƯ-NGƯỜI kia chừng như bị mã hoá. Chúng ta phải mò mẫm tìm đọc sách của nghìn vạn nhà, cơ hồ tìm được chiếc chìa khoá mở (giải mã) cuốn THIÊN THƯ-BẢN THÂN MÌNH. Ai đọc được bản thân mình, người đó là BÁCH KHOA, giống như Khổng tử, Lão tử... Ai đọc được BÁCH KHOA (sách của vạn nhà) mà chưa đọc nổi bản thân mình, người đó là ...MỘT TỬ ! Hi vọng, mỗi nhà văn chúng ta, đều có thân phận MỘT TỬ kia, giờ đang lần đọc BẢN THÂN MÌNH. Về điều này, có lần tôi đã viết về nghề mình như sau : " Bút đào huyết giấy mà chôn mình dần". Đọc mình, là để chôn mình dần trên trang giấy vậy.

Chị hỏi tôi bị ảnh hưởng bởi ai ? Xin thưa, mọi người tôi gặp, mọi sách tôi đọc đều đã ảnh hưởng đến tôi. Thuở nhỏ, chính Kinh Thánh là sách đầu đời của tôi đã cho tôi CẢM GIÁC SIÊU HÌNH. Và MẸ TÔI - người đàn bà chưa học hết lớp 4 đã cho tôi sự sống, hơn nữa CẢM GIÁC SỐNG, ảnh hưởng lớn nhất đến đời tôi bằng câu nói : "CHẠY THÔI CON ƠI !". Mở mắt ra thấy lính Pháp đi càn, pháo bắn cấp tập, tàu bay ném bom, Tây đen Tây trắng đi càn, mẹ giục : " Chạy thôi con ơi!". Rồi đội cải cách ruộng đất đến dỡ nhà, bắt bố đi, mẹ dắt 3 đứa bé bảo tôi: " Chạy thôi con ơi!"... Suốt đời mẹ luôn phải giục đàn con : "Chạy thôi con ơi !" như thế ! Nay, lớn rồi, tôi lại không nghe lời mẹ dặn, chính ra thấy chỗ trường văn trận bút mà CHẠY ĐI CON ƠI, đừng LẤN VÀO thì đời tôi đã khá hơn nhiều. Mẹ tôi cũng chính là thầy dạy tôi triết học; khi thấy tôi chơi với kiến rồi giết hàng nghìn sinh mạng như chơi, mẹ bảo tội chết; tôi bảo : kiến có phải người đâu, nó có biết nghĩ đâu mà tội ! Mẹ tôi nói một điều mà sau này tôi mới thấy là một ĐỊNH HƯỚNG TRIẾT HỌC cho tôi, rằng : " Hảo ơi, con có là kiến bao giờ đâu mà con bảo kiến không biết nghĩ ?". Vâng thưa mẹ, chỉ những kẻ chưa hề là người bao giờ thì mới không biết thương đồng loại, đang tâm đi giết, đi trói đồng loại như trói gà trói què !

LTH: Anh nhắc đến mẹ, thế còn bố anh. Anh nhìn giống ai, giống bố hay giống mẹ ?

TMH: Thưa chị Huệ, tôi vừa giống bố, vừa giống mẹ. Thuở nhỏ, tôi yêu mẹ tôi vô cùng, yêu hơn yêu Chúa Kitô ở trong hồn mình vậy. Nay mẹ tôi đã mất, chỉ còn bố già ở một mình ngoài quê, các em không ai ở chung nổi với cụ, vì cụ khó nét còn hơn đảng cộng sản nhiều. Bố tôi, người đã truyền cho tôi một quái tính là BUỚNG TRỜI SÀU QUỲ KHỐC của ông bà dòng tộc để lại. Không hiểu sao, hồi bé tôi rất ghét bố. Có lẽ vì một ông BUỚNG LỚN rất khó ở với một ông BUỚNG CON nên ông hay đánh tôi, ngày nào mông đít tôi cũng được ăn lươn cả con. Ghét bố đến nỗi hồi cải cách ruộng đất, bố tôi bị đi tù, tôi lại đến nhà thờ cầu Chúa và Đức Mẹ rằng : " Xin Chúa và Mẹ Maria nhân từ cho bố con đi tù lâu lâu một tí để con nhờn (lớn), chứ không thì bố con đánh con đến mức không thể nhờn (lớn) lên được ạ !". Khi vào bộ đội, lúc tôi thi chạy, đạt được danh hiệu chạy nhanh nhất sư đoàn; nhà báo Quận khu Ba là anh Lê Lưu (tức Lê Lưu nhà văn nổi tiếng bây giờ) đến phỏng vấn rằng : " Này đồng chí Hảo, do có phải học nghị quyết xong là đồng chí thi chạy liền, và chạy đúng nghị quyết đảng, nên chạy nhanh ngang gió phải không ?". Tôi trả lời nhà báo: " Thưa không ạ, vì từ bé tí bố em đã đuổi đánh em chạy khắp làng, để ông bắt được là ông đánh nát đít, do đó em thành người chạy nhanh nhất làng Bình Hải ạ ! Nhà báo không tin về làng em mà hỏi, cả làng sẽ kể : ồ, vài ngày lại thấy ông Hiền cầm roi rượt đánh thẳng cu Hảo, hai cha con chạy đuổi nhau như đèn cù !"

Ghét bố, nhưng lớn lên, tôi lại thương ông vì tính ông bất mãn chế độ kinh niên, chuyên làm hò vè ca dao chửi chế độ, và hay chửi bới cán bộ xã nên ông bị chính quyền xã, huyện bắt thường xuyên, bị bắt và bị nhốt cả hơn chục lần. Công an bắt ông ra xã cho dân kiểm điểm vì tội nói xấu đảng, ông coi tòa án nhân dân này như là sân khấu, và tự diễn hề làm mọi người cười nôn ruột. Bố tôi, trong các lần tòa án huyện xử tội làm ca dao hò vè chửi cán bộ, ông vẫn cứ coi như trò hề, nói năng tếu táo làm quan tòa huyện cười bắn cả nước bọt (nước miếng) vào mặt nhân dân. Thế rồi sau khi nhốt ông 2 tuần, tòa án tha ông ra nhưng ông cứ ôm lấy cửa nhà giam quyết không chịu ra, với lý do xin ở đây luôn vì được tha về nhất định bị bắt lại. Thả ông khỏi tù, ông không ra, đến nỗi công an huyện tát gậy rằng ông, khiêng ông vác lên xe

bắt ông ra tù, ông lại kêu xin cho con cái giấy được tạm tha...Thằng công an bé con chưa vắt sạch mũi mắng một ông già : " Giấy cái mả mẹ mày á ! Bắt không giấy thì thả làm đéo gì có giấy!". Mỗi lần bố tôi bị bắt, mẹ tôi và chúng tôi lại khổ trăm đường. Đến nỗi, năm 1980, cán bộ xã huyện ghét bố tôi quá, nên chúng đuổi cha mẹ và các em của tôi ra khỏi nhà, tịch thu nhà và đất, vì lí do : nền nhà này, vườn đất này của ông nội tôi (đã di cư vào Nam- và đang ở Mỹ). Mùa mưa, cả nhà tôi gồm cha mẹ và 3 em phải che áo mưa ăn ngủ ngoài bờ tre, vì nhà đã bị chính quyền niêm phong. Bố tôi vẫn quyết trêu chọc chính quyền, lấy ảnh Bác Hồ và bằng gia đình về vang (vì có con trai là tôi đi B -tức đi chiến trường đánh Mỹ) treo vào chỗ dít con trâu (con trâu cột sát chỗ cả nhà trú mưa bên bờ tre). Công an Xã lại xuống hạch tội chính trị, bảo "lão Hiền" (tên bố tôi) dám để ảnh Bác Hồ vào chỗ dít con trâu là phản động ngang để quốc Mỹ; tội này cứ là một gông, rồi trói gông ông lại như trói một con lợn mang đi thịt. May quá, lúc đó, năm 1980, tôi đã là nhà văn, nhà báo có tiếng trong nước, nhờ quen biết từ Hà Nội và tỉnh Nam Định, tôi mới từ Sài Gòn ra, về quê "giải phóng cha mẹ" khỏi cường hào ác bá mới; nhờ uy của bí thư huyện uỷ là bác Khoan, bạn thân của nhà văn Chu Văn (mà ông Chu Văn lại là Chủ tịch Hội Văn nghệ Nam Định, coi TMH như em) nên mới đưa được cha mẹ vào ở trong nhà mình, không bị chính quyền cướp nhà đất chỉ vì ghét quá : "Đang đuổi chúng mày ra khỏi nhà, lấy nhà đất của chúng mày làm chuồng trâu, chúng mày làm gì được đảng ta nào?". Viết về bố tôi, phải cả một cuốn sách dày 400 trang mới hết chuyện khôi hài chống chế độ kinh niên của ông. Hiện nay, bố tôi tập hợp được khoảng 200 bài thơ ca dao hò vè do ông sáng tác thành tập, gửi nhà xuất bản tỉnh để in ra cho dân đọc mà cười chơi. Nhà xuất bản tỉnh bèn gửi "bản thảo" này cho công an văn hoá tỉnh, ông lại bị gọi lên tra vấn. Tôi biết chuyện, bèn gọi về dọa công an tỉnh : " Các ông bắt nạt bố tôi thế là đủ rồi, thả ông ấy ra, tôi về là các anh sẽ bị một thằng nhà báo trời gầm là tôi kiện cho tới số". Kể ra, bọn chúng có có sợ tôi, nhưng vì thơ phú âm ớ của bố tôi chẳng làm lung lay một sợi tơ nhện của chế độ, hạch sách ông già Khốt-ta-bit mà làm gì, mang tiếng. Bố tôi thoát tù, ra về, gọi điện thoại vào cho tôi bảo : " Này Háo, mày làm sao mà mang thơ ca hò vè của bố cho Mỹ nó in, để thế giới cười cho cái bọn cán bộ ác ôn xã ta, huyện ta, được không ?" Tôi bảo bố : " Bố ơi, Mỹ nó bận lắm, nó đang họp với thủ tướng Phan Văn Khải, với lại nó có rảnh thì nó chỉ in thơ của Nguyễn Chí Thiện, in văn của Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, chứ thơ của bố thì Mỹ nó hãi lắm, không dám in đâu !". Có dịp nào, tôi sẽ viết cuốn : " BỐ TÔI" để bạn đọc GIÓ-O thưởng thức.

LTH: Người bạn đời của anh tên gì? Cô ấy ảnh hưởng như thế nào trong sự nghiệp sáng tác của anh?

TMH: Thừa chị Huệ, kể ra cho bạn đọc GIÓ-O hết bản thân mình, rồi mẹ mình, bố mình, lại kể chuyện cả vợ mình ra thế này thì e rằng có ba hoa nhố nhăng lắm không ? Nhưng chị đã hỏi, thì tôi đành phải thừa thôi ạ ! Người bạn đời của tôi tên là Tôn Nữ Giáng Tiên, hiện đang đi du lịch ở Mỹ và Canada. Nhà tôi còn có lý lịch "xấu" hơn cả bên nhà chồng. Ông nội bà xã tôi là cụ tri huyện Tôn Thất Hoàn, tri phủ Nghi Lộc, Nghệ An, bị nông dân Xô Viết Nghệ Tĩnh do đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo giết chết năm 1930, lúc cụ mới 32 tuổi. Thân phụ bà xã tôi là cụ Tôn Thất Tần (nay đã 88 tuổi) là người tù chính trị lâu nhất Việt Nam mà trong cuốn "Đêm giữa ban ngày" của nhà văn Vũ Thư Hiên, đã giành một chương viết về cụ, gọi cụ Tôn Thất Tần với biệt danh : " Jean Valjean gọi bằng cụ". Ông ngoại bà xã tôi là cụ thượng thư Bùi Quang Hoàng. Các cậu, các chú ruột của bà xã tôi đều làm từ tổng trưởng đến tỉnh trưởng, là những dân biểu của chế độ Việt Nam cộng hòa.

Bà xã tôi để lại dấu ấn hết sức đậm nét trên các trang viết của tôi. Năm 2002, tôi đã cho xuất bản tập thơ mang tên vợ : "GIÁNG TIÊN" nhằm in ra một số bài thơ tôi viết tặng nhà tôi khi làm quen nhau (tức lúc mới "iu nhau").

LTH: Anh có đào hoa không? Trước khi lập gia đình ?

TMH: Thưa, tuổi thanh xuân của tôi ở trong rừng: HOA thì rất nhiều, mà ĐÀO thì không có. Thời thanh niên, nhiều người bảo tôi : " Thằng này trông rất ngố mà kể ra cũng điển trai, chỉ tại cái bản mặt lì lợm, bướng như một cái mặt thớt, nên có chó nó thèm lấy!". Tôi bèn viết bài thơ VINH CÁI THỚT :

"Số phận cho ta làm mặt thớt
Kể gì thịt cá nát đời nhau
Sinh ra là để người ta chặt
Ta chỉ ăn toàn những vết dao"

Hồi bé tí tẹo, ông nội tôi hay sờ chim tôi rồi tiên tri một điều rất hiệu nghiệm, rất khiếp : " Thằng cháu nội đích tôn của ông thế đếch nào sau này cũng lấy được một mình một vợ !". Xem ra trong đời, mấy ai lấy nổi một mình một vợ nào, thưa các ông ? Vì tục ngữ có câu : " Vợ đẹp là vợ người ta".

LTH: Ở ngoài đời Trần Mạnh Hào có năng nổ như khi Trần Mạnh Hào viết?

TMH: Chị thấy tôi năng nổ trong viết lách lắm à ? Nếu vậy thì "Văn ăn hết lộc người" rồi đó. Ngoài đời TMH cứ lừ đừ lừ đừ như ông từ vào đền ấy. Mấy bà sồn sồn "xuân xanh xấp xỉ tới tuần sáu mươi" thấy tôi chỉ muốn ngáp, trông như lão hết hơi, phí cả mắt nhìn. Hôm vừa rồi, lái xe đưa bà xã và một ông bạn nhà báo bên hải ngoại về chơi, đi Duyên Hải về, kể hết hơi là TMH ngủ gật, lao thẳng xe hơi xuống ruộng, may mà có Trời Phật đỡ, không ai bị thương, chỉ bị móp đầu xe. Đúng là ở trong đời thật, tôi rất hay ngủ gật, mà sao mấy ông mặt trận tổ quốc không phát hiện ra "thiên tài" này của tôi, để đưa tôi đi tranh ghế nghị gật, gật ngang với con bồ củi thế này chắc trúng nghị sĩ quốc hội gật lắm. Vì vậy, bà xã tôi còn gọi tôi là ông bồ củi vì thành tích ngủ gật vào loại nhất nước. Nhớ hồi 1988, sang Liên Xô học ở học viện Gooky, tôi chúa hay bắt bẻ các giáo sư Nga, bị nhà trường đòi đuổi về nước. Chi bộ đảng do nhà thơ Lê Chí làm bí thư họp : phân công cho tôi, từ nay, đi học, đồng chí Hào và đồng chí Nguyễn Mạnh Tuấn (ông này cũng vua ngủ gật) ngồi bàn sau chót. Nhiệm vụ đảng giao cho đồng chí Hào là chỉ làm mỗi một việc : ngủ ; kéo thức dậy giữa giờ học, đồng chí Hào lại hỏi vặt, vận vẹo giáo sư Nga làm họ mất mặt, thì sẽ bị đuổi về nước. Đảng phân công hay thật : TMH đi học chỉ có một nhiệm vụ duy nhất là ngủ gật. Thế là từ đó, tới giờ học, đồng chí Hào chỉ việc gục xuống bàn ngủ, còn ngáy gồ thoải mái nữa.

LTH: Hình như anh rất thân với Trần Đăng Khoa ?

TMH: Kể ra, TMH với Trần Đăng Khoa chơi với nhau thân thì có thân mà vẫn cứ nhạt. Tôi có kinh nghiệm ở đời, phàm hai ông rất tốt mà ngồi với nhau thì có mà nhạt hơn nước ốc. Trần Đăng Khoa và Trần Mạnh Hào đâu phải loại người tốt quá, cũng chẳng đến nỗi xấu quá, có nếp có tẻ, thế mà ngồi với nhau thì chỉ có nói chuyện văn chương, tuyệt nhiên không nói chuyện giai gái, mà không có chuyện giai gái vào thì y như là ăn mà thiếu muối. Khoa tuổi thân (sinh năm 1956- mà giấy khai sinh hạ tuổi xuống thành sinh năm 1958), nhỏ hơn tôi cả chục tuổi; thế mà ngồi với nhau, cứ thấy Khoa già dặn hơn cả bố mình. Đâm ra vừa nói chuyện với "chú em tiền bối của anh Hào" lại vừa khiếp. Khoa là người trời sinh ra mới tí tuổi đã thành quái con, nói rất quái, viết ra còn quái hơn. Hần thông minh hơn chỉ số thông minh của đảng ta nhiều, vậy mà nay mới ngóc lên được chức trưởng ban văn nghệ Đài tiếng nói Việt Nam. Khoa làm thơ, thành thần đồng từ lúc 10 tuổi. Từ năm 11 tuổi đến nay Khoa phấn đấu mãi mà không thành thần sắt, 50 tuổi vẫn cứ bị gọi là thần đồng khí ạ. Tôi có đùa trên báo gọi chú Khoa là "người về hưu sớm nhất nước, mới 10 tuổi chú đã về hưu, từ 11 tuổi đến nay là chỉ làm thêm, chứ việc chính của đời chú đã làm rồi, nổi tiếng chỉ kém thơ Bác Hồ và thơ Tố Hữu. Hỏi nước ta còn ai về hưu sớm hơn chú Khoa không ? Thưa rằng, có, ông Thánh Gióng về hưu sớm

hơn Khoa nhiều. Nhưng ông Thánh Gióng là nhân vật huyền thoại nói lên khát vọng về hưng non của cả một dân tộc không biết thế nào là chuyện về hưng. Khoa viết phê bình bằng trực giác. Văn của hắn có ma. Hắn cứ bông lơn kiểu Trạng Ốc, Trạng Éch, mà thiên hạ là ốm đòn với hắn. Hắn mà hơn cả Trạng Lợn nhiều. Cuốn "Chân dung và đối thoại" của Khoa bán chạy nhất nước, bọn đầu nậu đã in gian, in cướp bản quyền của Khoa phải đến cả chục vạn cuốn. Văn phê bình của hắn lúc như tiểu lâm, lúc như cổ tích, lúc gian như nịnh thần, lúc thật như trẻ nhỏ, lúc mềm như bún mà húp vào là mắc lưới câu, lúc ma ma phật phật như lên đồng, lúc lằm cằm tù mù như văn cúng thầy mo. Nhìn hắn một lúc mà không thấy hắn nói, có khi nghi hắn là tượng, rồi ù té chạy không chừng. Hắn có tinh có khí trong người, có cả trí khôn tuyệt vời của một tay ngó ngẩn đẳng cấp quốc tế. TMH ngồi với TĐK lâu nhất chừng 4 tiếng đồng hồ là biến sắc biến. Chứ ngồi nói con cà con kê với hắn một lúc là mụ người ra, đờ đẫn có khi ốm.

Năm 1988 sang Nga học học viện văn học cao cấp Gooky, TMH ở cùng phòng với một ông nhà văn tên Q.T. Nửa đêm nghe tiếng gõ cửa. Mở ra thấy Trần Đăng Khoa mặt mày tái mét, run như cày sậy, xin xỏ tôi : " Anh cho em ngủ chung giường với anh đi, phòng em có gái !" - Ở hay, có gái thì ngủ với nó chứ sao lại lên ngủ với tao ! Em kinh nó bỏ mẹ, nó đòi món ấy ! Em là hãi quá, xin ngủ với bác, bác không cho thì em nằm dưới chân bác vậy. Thế là, rất nhiều đêm, con gái Việt Nam từ các nơi đồn nhau khi lên Maxcova buôn bán, cứ đến phòng anh Khoa mà ngủ, vì phòng ấy không khoá, cứ mở suốt ngày đêm, lại không sợ anh ấy úp thia; nhiều khi Khoa về thấy hai ba cô lạ hoắc ngủ tổng ngồng trong phòng mình, đồ mặt bỏ lên ngủ với anh Hảo. Tôi rất lạ chú này, hay là nó bị "chìm hong", hay nó "pê-đê" với mình ? Đêm rét, chú Khoa nhiều khi toan ôm anh Hảo ngủ, bị anh Hảo đẩy ra : khiếp, cái "bút thịt" của hắn chạm vào tay mình thấy cứng ngắc như cục sắt nguội, mà sao thấy gái đến ngủ giường hắn, mở để miệng mèo, mèo lại bỏ đi ? Sau này, Khoa lấy vợ có con, thiên hạ mới hết đồn thổi về chuyện kín kia của hắn. Nhưng đến nay, tôi vẫn cứ chưa hiểu cái vụ gái kéo đến phòng hắn rần rần mà phòng tôi thì gái nó chê ? Sau này, ông nhà văn Q.T. tiết lộ : khi Khoa và Hảo ngủ, tờ bèn mò xuống phòng Khoa, bảo cô gái lạ kia cho ngủ chung, vì anh Khoa anh ấy ngủ giường anh, ngáy hơn sấm, nên anh phải xuống đây ngủ cùng em. Thế là, với bài chai mặt, ông nhà văn Q.T. đã nằm chung giường với em gái lạ hoắc kia, sau mới thò chân thò tay qua biên giới. Em gái lúc đầu chửi, thậm chí tát vào mặt. Ông kia tổ sư bồ đề, chỉ cười cười hề hề bảo anh văn nghệ tí, cho thì cho mà không cho thì thôi, làm gì cùng là người với nhau lại nở nhẩn tâm thế, chửi bới còn tát bóp vào mặt anh, lại cấu chí anh như thể hùm beo thế hả giờ... Riết rồi ông Q. T. "màn" được hết, không bỏ sót em nào ! Nhiều khi TMH nghĩ thân mình quân tử tâu mà khinh mình hơn mề : hay là thằng Khoa nó thương anh Hảo, dọn cỗ sẵn cho anh mà anh kém thông minh, nên cỗ kia lại bị ông khác chén ? Chắc cả đời, vì chuyện này, có thể chú Khoa cứ ngồi một mình cười ruồi, chê bác gái TMH ngu và đàn hiếm có ...

LTH: Anh thường viết ở đâu, trong nhà, trên giường, ngoài hè, hay quán cà phê. Thích ăn mặc hàng hoàng khi sáng tác hay lè phè. Anh có cần nghe nhạc trong lúc sáng tác không ?

TMH: Thừa chi, từ năm 1989 đến nay, tôi luôn viết trên màn hình máy vi tính. Còn làm thơ thì ở bất cứ chỗ nào, chỉ cần một mẫu giấy và cây bút. Tôi thực sự ít quan tâm tới chuyện ăn mặc khi ngồi viết. Và khi viết thì không nghe nhạc, vì nhạc nó cướp mất hồn mình còn lấy hồn đâu mà viết ?

LTH: Anh hút thuốc không? Anh có cần một chất xúc tác như thuốc lá, cà phê, ngủ với vợ ngay khi vừa viết xong, để làm hưng thúc đẩy công việc sáng tác không ?

TMH: Tôi không hút thuốc, cũng không nghiện cà phê, chỉ nghiện thờ, nghiện ăn cơm, nghiện thức đêm, nghiện yêu nước, nghiện Internet, nghiện đọc sách, nghiện nằm võng ngó trời xanh, nghiện sống, kể cả nghiện ngủ với vợ con ạ ! Tôi không đợi hưng đến mới viết mà cứ ngồi vào

bàn viết là hứng nó đến, còn hứng bỏ đi chơi thì tôi cũng bỏ đi chơi. Ông Nguyễn Du đại thi hào chắc là nghiện đi chơi lắm, vì DU dịch thoát ra là CHƠI chứ gì; nên Nguyễn Du = Nguyễn Chơi !

LTH: Chắc anh dễ sáng tác ? Có bao giờ anh bị khựng hứng, tự nhiên viết không được ?

TMH: Thưa, cũng có lúc đang viết "bị khựng hứng, tự nhiên viết không được", là đêm (hay ngày) khi nghe vợ sai : ngủ đi anh, ngủ đi anh / ngủ cho con bướm hoá thành con ong ! Nói chơi chứ tôi dễ viết lắm, viết bất cứ lúc nào cũng được, như con nhà nghèo, ăn gì cũng xong, không đòi cao lương mỹ vị...

LTH: Có bao giờ Trần Mạnh Hảo thấy hối hận vì mình đã viết một bài báo, đã tấn công một ai đó, đã sáng tác một tác phẩm nào đó không ?

TMH: Tôi không bao giờ hối hận về những gì mình đã viết, đã phê bình.

Duy chỉ có một lần trong cuộc gặp gỡ của mười mấy nhà văn đi học khoá viết văn cao cấp ở Maxcova 1988, với hàng chục nghiên cứu sinh tiến sĩ, phó tiến sĩ văn học cùng dự cuộc đón tiếp nhà văn Nguyễn Đình Thi- Tổng thư ký lâu năm nhất của Hội nhà văn Việt Nam (chính phủ Liên Xô mời ông sang nghỉ mát) tới thăm. Anh Nguyễn Đình Thi bị tôi đối chất vì anh đến đây dạy dỗ chúng tôi như một ông tuyên huấn, bảo chúng tôi những giáo điều ngu dốt mà một nhà văn lớn, một người trí thức lớn như anh không nên dùng giọng tuyên truyền giả dối ấy để huấn thị đàn em. Anh Thi mắng tôi nói bậy và tôi mắng lại anh chỉ là tên bồi bút, suốt cuộc đời ra sân khấu văn nghệ đóng bao nhiêu vai hề mà không sao đóng nổi vai mình. Nguyễn Đình Thi khuy xuống như bị đốn, như thể anh vừa bị tôi hất nước sôi vào mặt. Rất nhiều anh em nhà văn bên anh Thi, chửi tôi láo toét. Nhà văn Chu Lai lực sĩ còn khóa tay tôi, tí nữa cho tôi cú thối sơn vào mặt nếu tôi không đỡ được miếng võ yêu đảng của anh Chu Lai. Cuộc hoan hỉ gặp mặt tên tò quá nên giải tán ngay. Dương Minh Long, nhiếp ảnh gia tài năng phải đưa anh Thi về khách sạn gấp. Sau này, nghe Long kể, anh Thi, một người sĩ diện nhất nước, rằng hôm đó anh Thi đã khóc trước mặt Long. Nghe thế, tôi thấy hối hận vô cùng.

LTH: Anh đã sống qua những năm chiến tranh. So sánh thời hai miền nội chiến 1955-1975 với thời nay, anh thấy tâm trạng người sáng tác như anh thay đổi thế nào ?

TMH: Thưa chị, cái nhìn của anh em sáng tác hiện nay đã thay đổi hầu như triệt để so với thời chiến tranh 1955-1975. Nhưng cái nhìn của nhà cầm quyền với văn học tự trung, 30 năm rồi vẫn ít thay đổi hơn thực tế rất nhiều. Về lý thuyết, cái vụ VĂN NGHỆ PHỤC VỤ CHÍNH TRỊ kia đã sai bét rồi, nhưng trong tâm thức, đảng cộng sản vẫn coi văn nghệ là công cụ, coi văn nghệ sĩ là bọn đầy tớ cho đảng, giống như bọn con hát trong nhà phục vụ hát xướng hò vè cho các đồng chí lãnh đạo ăn ngon miệng hơn. Bởi những người lãnh đạo đảng cộng sản vẫn tự coi họ là ông chủ của đất nước này, kể cả ông cha, lịch sử, dân tộc, nhân dân cũng chỉ là công cụ cho họ, đầy tớ cho họ, giúp họ làm cách mạng vô sản, vô sản hoá nhân dân để họ thành những tư bản giàu sự gửi tiền ra các ngân hàng ngoại quốc mà thôi. Nói chung, những người sáng tác văn học rất buồn, mất hết niềm tin vào chế độ tham nhũng hiện hành, vào các ông chóp bu lãnh đạo đảng luôn luôn nói và làm ngược nhau. Xin kể một chuyện vui ra nước mắt. Trong một lần họp chi bộ (hồi trước năm 1989, năm tôi bị khai trừ đảng), nhà văn Đoàn Giỏi nửa đùa nửa thật bảo : " Thưa các đồng chí, đồng chí Thiệu tuy chưa phải là đảng viên đảng ta, song đồng chí đã đóng góp cho dân tộc một câu nói có thể cần phải ghi vào bia đá : đó là câu : "Đừng nghe những gì cộng sản nói, hãy nhìn những gì cộng sản làm!". Cả chi bộ tổ sáng tác hội nhà văn thành phố HCM gồm toàn các ông già, hôm đó được một mẻ cười ra nước mắt...

LTH: Anh nghĩ thế nào khi những nhà văn nhà thơ trong nước cứ mong chờ những cái vương miện của người ngoại quốc trao tặng. Tại sao người Việt Nam không tự đối lập nhau ? Tại sao người Việt không thể tự xoay nguồn lèo lái số mệnh mình ngay cả qua một sự đối chọi nhau ?

TMH: Thừa chị Huệ, vương miện thì quý hoá quá với nhà văn, dù nó là mác NỘI hay mác NGOẠI. Nhưng không phải vương miện nào cũng tốt. Chúa đã từng đội chiếc vương miện bằng gai nhọn rớm máu (mao gai) do người Do Thái đội lên đầu Ngài để vạ tuế cốt nhục báng Ngài đó thôi ! Người nước ngoài không phải hầu hết đều là tốt. Có những vương miện của họ cũng đáng đồng tiền bát gạo ra phết. Nhưng, họ cũng thủ sẵn một ít vương miện của người Do Thái xưa, để rình xem ông bà nhà văn trong nước nào muốn làm đáng cứu thế, thì họ sẽ vạ tuế ngay !

LTH: Trong một lá thư gửi cho tôi, anh viết: "Trần Mạnh Hảo có sai, cũng sai thành thật", tôi rất quý thái độ tử tế này. Tuy nhiên trong thế giới văn chương, hình như người ta vẫn tranh cãi là vấn đề không phải đúng hay sai, vấn đề là ai nói nghệ thuật hơn ai. Anh nghĩ thế nào?

TMH: Vâng, chị nói nhiều điều có lý ! Thành thật, tất nhiên, trong văn chương và trong cuộc đời vẫn tốt hơn giả dối chứ ? Vấn đề là viết như thế nào chứ không phải viết về cái gì ! "Của cho không bằng cách cho", câu tục ngữ Việt Nam này rất đúng với sự viết văn. Và dĩ nhiên, văn chương hoàn toàn khác chính trị. Chính trị chỉ quan tâm đến MỠI LỢI, không quan tâm đến ĐÚNG SAI, TỐT XẤU, HAY DỒI, CHÂN HAY NGỤY. Trái lại, văn chương nói riêng và văn hoá nói chung là công việc BẤT VỤ LỢI, nhằm đạt tới CHÂN THIÊN MỸ. Còn điều này của chị Huệ đặt ra với văn chương : " Vấn đề là không phải đúng hay sai, vấn đề là ai nói nghệ thuật hơn" thì tôi chưa hiểu nổi ! Tôi nghĩ hơi khác chị : CÁI GỌI LÀ VĂN CHƯƠNG HƠN, NGHỆ THUẬT HƠN bao hàm cả cái Hay, cái Đẹp, và cái ĐÚNG. Một tác phẩm văn học lớn là một tác phẩm hướng thiện, nó không thể TUYỆT MỸ khi nó mang trong mình CÁI SAI = PHẢN CHÂN LÝ ! ?

LTH: Theo sự hiểu biết của tôi , viết là mô tả đời sống dưới một hình thức nghệ thuật. Tác giả không phải là kẻ phán xét, mà hẳn chỉ mô tả lại đời sống. Hãy để cho tác phẩm tự đưa ra được một đề nghị. Hãy để cho độc giả tự rút ra một phán xét. Dĩ nhiên một tác phẩm có giá trị phải đạt được nghệ thuật văn chương cao, đưa được đời sống và con người về hướng tiến bộ. Một tác giả nhiệt liệt quá với niềm tin điều này đúng/điều kia sai sẽ áp đặt niềm tin của mình lên tác phẩm. Anh sẽ biến tác phẩm thành một quyển tuyên ngôn. Một tác phẩm văn chương nghệ thuật thì không nên như thế. Có lẽ anh không cùng quan điểm với tôi chăng ?

TMH: Chị nói đúng hết trơn à ? Trúng quá, chừa chút xíu cho "qua" nói trúng với ghen ! (!) Hình như người Nam Kỳ nói kiểu thân thiết như thế ? Mọi áp đặt ý định của nhà văn lên người đọc là một tác phẩm thất bại. Tư tưởng tác phẩm phải được giấu biến đi trong cảm xúc, trong da thịt ửng hồng và trái tim nghệ thuật đập qua ngôn từ truyền cảm sau trang sách. Tác phẩm văn học tuyên ngôn bằng chính nỗi xúc động mà nó truyền cho người đọc. Cái thói xưng xưng triết lý rẻ tiền là một cách giết văn hữu hiệu nhất. Nhưng ở chiều sâu hình tượng, ngôn từ, ý nghĩa hướng thiện của nó phải được toát lên bằng những ám ảnh, dẫn vật, xao động khôn nguôi trong tầng tầng mã hoá nhòe mờ nhiều khi cơ hồ như gió thoảng qua của tác phẩm.

LTH: Nghệ thuật chữ của sĩ phu Bắc Hà đã tạo nên nền văn chương Miền Bắc nét độc đáo riêng. Anh có thấy máu chữ trong mỗi con người cầm bút Miền Bắc là một điều gì rất khó kiếm hãm không? Và điều phụ trợ đặc lực của độc giả Việt Nam, là người nào càng chữ hay thì càng nổi tiếng, phải vậy không ạ ?

TMH: Những điều chị nói trên vừa Đúng lại vừa chưa Đúng. ĐẤT BẮC HÀ đã đẻ ra dân tộc Việt Nam trong một cơn đau đẻ địa chấn của MẸ ẬU CƠ làm quần quai sông Hồng. Có lẽ, trong cơn đau đẻ hàng thiên niên kỷ ấy, MẸ ẬU CƠ đã vừa đau đẻ vừa chữ một cách sấm

sét, nên con cháu sau này có máu CHỬI GIA TRUYỀN làm vốn để hành phương Nam, mở đất tới Nam Bộ, tới cả SÀI GÒN NHỎ bên Hoa Kỳ bây giờ. Chính cái MÁU CHỬI LẦM BẦM của người Việt giúp họ bị Bắc thuộc 1000 năm mà vẫn không mất nước chẳng ? CHỬI là nghệ thuật truyền đời của Việt Nam, bất kể Bắc hay Nam. Tất nhiên đất Bắc là đất cổ nghìn năm văn vật nên có nhiều nhà CHỬI HỌC tài ba hơn. Văn Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, tiểu luận của Hà Sĩ Phu được thiên hạ khen hay vì nhờ CHỬI TÀI, như những thiên tài chửi (!) Nhưng không vì vậy mà đất Nam Bộ lại thua kém vùng đất tổ. Xin chị đọc bài : "Sục cặc trước bàn thờ" của nhà văn hải ngoại Kiệt Tấn gốc Nam Bộ trên Talawas, chị sẽ thấy các nhà CHỬI HỌC THIÊN TÀI xứ Bắc Hà cần phải gọi Kiệt Tấn bằng cụ ! Và xin chị đọc các bài phê bình, bình luận chính trị của thi sĩ Trần Nghi Hoàng chính gốc Nam Kỳ quốc ; ngữ này thì các anh em NHÀ HỌ CHỬI BẮC HÀ xin lạy cụ cả mới ạ !

LTH: Anh có nghĩ là nghệ thuật chửi của văn chương Việt Nam là một nghệ thuật vượt trội trong văn chương Việt Nam . Đừng nói vấn đề đúng hay sai, chỉ xét về khía cạnh nghệ thuật. Với tư cách là một nhà văn khá nổi đình nổi đám ở thể loại trên, hẳn anh cũng phải có vài nhận định thú vị về nghệ thuật chửi của văn chương VN. Tôi đang nói một cách rất thành thật của một người muốn lắng nghe đấy nhé.

TMH: Vâng, chửi hay như Hồ Xuân Hương, Tú Xương là thiên tài chửi. Nghe bên ngoài là tiếng chửi nhưng bên trong là tiếng khóc. Khác hẳn với mấy anh thợ chửi của văn chương nghệ thuật hôm nay là đọc xong những thứ văn chửi, chính luận chửi ấy ta chỉ nghe thấy tiếng đâm chém nhau ác độc để thỏa chí căm hờn, không phải là thứ chửi bác học, chửi có nỗi đau đời và tình thương xót, nhân đạo bên trong.

Chị chớ có khen tôi " "một nhà văn khá nổi đình nổi đám ở thể loại VĂN HỌC CHỬI" mà hai ông Trần Nghi Hoàng và Đỗ Minh Tuấn sẽ sôi gan vì ghen tức mà "động" cho tôi một trận chữ nghĩa nữa thì tôi chỉ có nước tan xương.

LTH: Anh là một tác giả gốc quân đội Miền Bắc, tác phẩm nào anh viết với tư cách là một nhà văn quân đội, mà anh ưng ý nhất

TMH: Trả lời : 2 trường ca : "Đất nước hình tia chớp" và "Mặt trời trong lòng đất". Chị hỏi tôi rằng tác phẩm của tôi, viết khi tôi với tư cách "quân đội miền Bắc" thì tôi xin trả lời đó là 2 trường ca của tôi viết về người lính đánh Mỹ thời đó. Thời đó tôi viết chân thành, xúc động, viết chân thật hết lòng về đời lính của mình và đồng đội. Tôi không hề từ chối hay phủ nhận những tác phẩm tôi đã viết về chiến tranh ấy, dù giờ đây tôi đã nhận thức lại nhiều điều. Tôi không ưa cái thói qua sông đấm... búa vào sóng. Như một số vị nhà văn trong nước nào đó gặp anh em hải ngoại muốn lấy lòng, bèn phủ nhận hết tác phẩm của mình viết trong thời chống Mỹ, dù gần 20 năm trước tôi đã có Ly Thân, chứ không phải mới a dua mà nhận thức lại đâu. Cũng như vừa rồi tôi đã trích cả một đoạn văn dài của nhà văn Thi Vũ (tức ông Võ Văn Ái) là đoạn văn phê bình của ông Thi Vũ ca ngợi dòng thơ do cách mạng tháng tám 1945 và kháng chiến chống Pháp sinh ra . Theo ông Thi Vũ, đây là dòng thơ rất hay, rất mới, hoàn toàn khác về thi pháp, bút pháp với thơ tiền chiến (1932-1945) . Tôi đã dùng lập luận này của ông Thi Vũ (một người Việt Nam hải ngoại chống cộng nhất xưa nay) để bác lại hai ông đảng viên cộng sản kỳ cựu là ông Phong Lê (nguyên Viện trưởng Viện văn học) và ông Phạm Xuân Nguyên; vì hai ông này đón gió, muốn lấy lòng hải ngoại nên đã phủ nhận sạch trơn giá trị của thơ cách mạng và kháng chiến chống Pháp ! Tôi nghĩ, làm người, "sông có khúc, người có lúc", ta không thể vì món lợi nào trước mắt mà bôi bẩn quá khứ mình, dù quá khứ ấy có lúc mình rất tự hào, sung sướng ; và vì có quá khứ ấy, mình mới có học hàm giáo sư, học vị tiến sĩ, có xe đi, có nhà ở như mấy ông mãnh giáo sư đại học vừa ăn lộc nhà Chu vừa xé rào cho trâu xừ lạ vào ăn lúa nhà Chu, để cốt lấy công với chốn khác vì hình như NÓ đang tới : " Cho dầu tình bậu muốn thôi /Bậu gieo tiếng ác cho rời bậu ra !"

LTH: Anh có đọc được nhiều tác phẩm của các tác giả gốc Miền Nam không ? Anh thích tác phẩm nào ? Bài thơ nào ?

TMH: Thưa chị, tôi đã đọc khá nhiều các tác giả miền Nam (1954-1975)

Trừ 2 cụ lớn tiền chiến là Nhất Linh và Vũ Hoàng Chương ra không tính.

VỀ CẢ ĐỜI VĂN : Tôi thích trọn nhà văn Võ Phiến

VỀ TÁC PHẨM THƠ : Tôi thích tập thơ "Nhã ca mới"

VỀ MỘT TRUYỆN NGẮN : Tôi thích truyện "Bút máu" của Vũ Hạnh . Truyện này, nhà văn Vũ Hạnh viết và in ra ở Sài Gòn năm 1958 thời Ngô Đình Diệm. Nếu truyện này năm 1958 in ở Hà Nội mà Vũ Hạnh lại đang có mặt ở đó, xin cá là anh Vũ Hạnh sẽ bị tù một công.

VỀ MỘT BÀI THƠ : Tôi thích bài : " Bài thơ của một người yêu nước mình" của Trần Vàng Sao.

VỀ THỂ TÙY BÚT : Tôi thích Mai Thảo

VỀ BÚT KÝ CHIẾN TRƯỜNG : Phan Nhật Nam hay nhất nước.

VỀ MỘT NHÀ VĂN NỮ : Tôi chọn chị Túy Hồng.

LTH: Theo anh, sở trường của anh là thể loại nào ? Có người nói tuy anh viết văn nhiều, nhưng thơ của anh mới là điểm mạnh, anh nghĩ sao?

TMH: Chị Huệ hỏi câu này hơi khó cho tôi, cũng giống như chị hỏi : ví dụ anh có 3 đứa con, anh yêu đứa nào nhất? Tôi thấy hình như tôi không có sở trường về thể loại cụ thể nào cả. Giữa THƠ, TIỂU THUYẾT và PHÊ BÌNH hình như TÔI "sở trường CẢ BA EM" ? (!)

LTH: Vụ diễn đàn Người Việt ở Nam Cali đăng bài mạ lỵ anh của Nguyễn Thái Lai, anh viết bài gửi Người Việt, họ không đăng nhưng hạ bài của Nguyễn Thái Lai xuống. Anh phát biểu như thế nào về vụ này

TMH: Chính câu hỏi của chị đã hàm ý sự trả lời. Tôi là "típ" người "PHỒI VOI" (kinh hơn PHỒI BÒ). Cái gì không phải là giận sôi như núi lửa. Phun ra được là hết xí quách, là ỉu xiu xiu hơn bánh đa ướm. Lúc đầu biết chuyện báo " Người Việt online" đăng bài Nguyễn Thái Lai mạ lỵ vụ không chủi rửa tôi quá xá, tôi bình tĩnh viết bài trả lời. Rồi qua cả tuần, sau 2 lần gửi bài trả lời tới "Người Việt online", thay vì đăng bài của tôi, thì báo này lập tức hạ bài Nguyễn Thái Lai xuống khỏi mục "Diễn Đàn" một cách rất gian, kiểu : " làm gì NV chúng tôi đăng bài Nguyễn Thái Lai, đâu, làm gì có...". Và các ông mãnh này dứt khoát không chịu đăng bài trả lời Nguyễn Thái Lai của Trần Mạnh Hảo, khiến tôi nổi trận lôi đình, viết bài tố cáo "Người Việt online" không đảng hoàng, không tử tế đưa lên 7 trang web khác nhau. Bây giờ thì tôi hết giận rồi, bởi tôi nghĩ phàm là con người ta , ai cũng có lúc kẹt, có lúc làm lỡ. Có khi anh em toà soạn "Người Việt online" đã trót hứa với "bè trên" nào đó là chỉ đăng bài Nguyễn Thái Lai, không cho tên Trần Mạnh Hảo hung hăng con bọ xít trả lời. Thôi thì người ta ăn cây nào rào cây ấy; với lại, căn cốt nào thì làm báo ra thế ấy. Nên tôi không còn giận anh em ta là các bác Đố gia Người Việt nữa.

LTH: Câu cuối cùng, theo anh thì bao giờ Việt Nam (sẽ), hoặc mới thật sự có "tự do, dân chủ, giàu sang, và độc lập"

TMH: Còn lâu nước ta mới đạt được tinh thần của các "mỹ từ" trên. Tôi thấy hai bản góp ý với đại hội đảng lần thứ 10 của giáo sư Phan Đình Diệu, và tiến sĩ Lê Đăng Doanh in đầy trên các trang web là rất chí lí. Cứ tưởng nước ta độc lập rồi mà lại chưa. Ông cha trao lại cho chúng ta một đất nước hình chữ S nằm bên biển Đông, mà chế độ nay lại làm mất rất nhiều đất, nhiều đảo, lại luôn bị Trung Quốc đe dọa thì nền độc lập vẫn cứ là đang lâm nguy. Đất nước cũng như con người, đất nước cũng có tai. Cái tai của đất nước chĩa ra biển đông nghe ngóng nghìn trùng là đảo lớn Hoàng Sa đã bị Trung Quốc chiếm mất. Nghĩa là đất nước đã bị ngoại bang cắt mất tai, lấy gì nghe ngóng Thái Bình dương từ xa tít ? Đồn rằng mấy ông lớn Hà Nội có sang Bắc Kinh, e hèm mãi mới nói được với các đồng chí đàn anh Thiên triều : - thưa, hình như đảo Hoàng Sa là đất của Việt Nam chúng em ? Thiên triều nghiêm nặt : nói bậy, đất của Trung Quốc, bằng chứng : đây là điện chúc mừng quân đội nhân dân Trung Quốc giải phóng đảo Hoàng Sa cho Trung Quốc do thủ tướng Phạm Văn Đồng ký đây, nhìn đi, anh em ruột thịt, môi hở răng lạnh, sông liền sông, núi liền núi, ai nỡ đi cướp đất của các đồng chí ! Ông lớn Việt Nam bèn hết lý, ngồi im re xem anh hai thiên triều đồng chí đồng rận cho mở bản đồ đảo Hoàng Sa và tường thuật lại cuộc đánh úp bất ngờ đầu năm 1975, quân giải phóng nhân dân Trung Hoa đánh bật hải đội Việt Nam cộng hòa phe Mỹ nguy, chiếm đảo Hoàng Sa trong bài hát Đông phương hồng, làm nức lòng người anh em Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng...Chao ôi, độc lập mà còn chưa có nổi, thì nói gì đến dân chủ với tự do...

Trần Mạnh Hảo –Sài Gòn- Việt Nam 29-6-2005 kéo sang tới 1-7-2005

Cám ơn nhà văn Trần Mạnh Hảo

Văn chương, hay là một cách ứng xử văn hóa

Đọc xong tập truyện ngắn "Man Nương" của Phạm Thị Hoài, chúng tôi bàng hoàng, thậm chí kinh dị về nguyên nhân ra mắt của ấn phẩm này, lòng bán tín bán nghi cứ đinh ninh rằng nó được in ra bởi một nhà xuất bản của người Việt di tản bên Mỹ. Nhưng buồn thay, nó lại được in ra ở trong nước bởi nhà xuất bản Hà Nội năm 1995, có đề rõ tên người chịu trách nhiệm xuất bản là Đỗ Minh và người chịu trách nhiệm bản thảo là Hoàng Ngọc Hà thì quả là hết sức giật mình thật. Phạm Thị Hoài, nhà văn của đợt sóng mới được biết đến bởi cuốn tiểu thuyết mini "Thiên sứ" và một ít truyện ngắn khác. Mặc dù còn khá nhiều dấu vết của sự bắt chước và phương cách làm dáng trí thức, "Thiên Sứ" đã chiếm được cảm tình của người đọc. Chúng tôi quả tình đã hi vọng quá nhiều vào Phạm Thị Hoài với một lối viết cuốn theo dòng ý thức tự sự, độc thoại nội tâm khá linh hoạt, với một nhãn quan trẻ trung tuy hơi bụi, sẽ có thể làm được một cái gì khá khá cho văn học Việt Nam. Nhưng tình cảm của chúng tôi với "Thiên Sứ"- Phạm Thị Hoài hầu như đã bị thương tổn bởi "Man nương". Chúng tôi đã thất vọng khi gặp ở đây một Phạm Thị Hoài khác, một Phạm Thị Hoài không thể tưởng tượng được.

Công bằng mà nói, trong mười truyện của "Man Nương" có những truyện khá như "Tiệm may Sài Gòn", "Thực đơn chủ nhật" và "Những con búp bê của bà cụ". Ở những truyện này, trên những tình huống bi kịch, phi lý, thậm chí nhớp nháp và ghê rợn, khả năng thành tâm và chừng mực của tác giả còn lay động được nỗi lòng người đọc. Đâu đó, không phải không có những đoạn, những trang văn hay, những phân tích tâm lý thú vị, những nhận xét sắc sảo và tinh quái, những biếm nhẽ đồng đánh và khôi hài đả đả, những triết lý ranh mãnh và sự nổi đóa con trẻ, những cảm động nhọt nhọt và dễ thương. Lối viết của Phạm Thị Hoài là lối viết tự sự học đòi kiểu trôi theo dòng ý thức và độc thoại nội tâm, lấy thước đo mù mờ của cái tôi để đo đạc một thế giới ẩn ức còn mù mờ hơn nữa có tên là vô thức. Bất chước lối viết của các nhà văn của chủ nghĩa hiện sinh đã cáo chung trước những năm sáu mươi, truyện của Phạm Thị Hoài hầu như không có nhân vật, hay nói đúng hơn, nhân vật trung tâm, nhân vật chính là

cái tôi, là chính tác giả. Do đó, giữa nhà văn và nhân vật hầu như không còn khoảng cách. Dù đóng vai nhà thơ trên diễn đàn hay một thầy A.K. ám ớ đi tìm chân lý, rớt ráo thái độ và phát ngôn với cuộc đời kia vẫn là của chính Phạm Thị Hoài. Nhân vật không chỉ còn là phân thân, mà chính là hóa thân của tác giả, là người lĩnh xướng và phát ngôn viên của nhà văn. Một số truyện của Phạm Thị Hoài vẫn còn ghi rõ dấu vết thô thiển của sự bất chước như "Thực đơn ngày chủ nhật" là giọng điệu của Nguyễn Huy Thiệp, "Những con búp bê của bà cụ" và "Một anh hùng" tràn ngập chất Marquez, "Truyện thầy A.K. kể sĩ Hà Thành" như sao chép lại cách viết của Kafka và của Cesvantes trong Don Quichotté... "Man nương" như một hồi ức, một nhật ký tâm hồn, một phản ứng xã hội, một phép ứng xử của tác giả với thế giới. Vậy, chúng ta cùng nhau khảo sát xem cái thế giới Phạm Thị Hoài mang đến cho chúng ta trong "Man nương" có còn là thế giới của "Thiên Sứ"? Vâng, văn học - hành động hướng thiện của con người, có thể ra đi từ thế giới của quỷ sứ nhưng là để trở về thế giới thiên sứ của con người chứ không phải ngược lại. Nên nhớ rằng, theo Kinh Thánh, Lucife trước khi biến thành quỷ sứ vì phạm thượng và kiêu ngạo, đã từng là một thiên sứ, một thiên sứ "thương lắm cơ"(!)

1) " MỘT THẾ GIỚI... XẤU GHÊ GÓM"

Trong truyện ngắn "Nền cộng hòa của các nhà thơ", một truyện ngắn thể hiện thái độ bốn cột, khinh thị, nhạo báng nền văn học của chúng ta một cách khá ác ý, trang 137, tác giả viết: "Khi cái đẹp được hiểu một cách biện chứng nhất, nó sẽ đương nhiên thống trị thế giới hiện thời, một thế giới mà trong đó thú thực nhìn vào đâu ta cũng thấy xấu ghê gớm". Có thể nói, kết luận này được coi là quan niệm thẩm mỹ của Phạm Thị Hoài, là tư tưởng chủ đạo của "Man Nương". "Cái đẹp được hiểu một cách biện chứng nhất" của tác giả quả là một cái đẹp mù mờ, nhưng là một cái đẹp chưa có, chưa đến, còn nằm trong khát vọng. Bởi theo tác giả, nó - tức cái đẹp hư vô kia " sẽ đương nhiên thống trị thế giới hiện thời", nghĩa là nó còn ở thì tương lai. Còn với cái thế giới đang có, đang tồn tại, một thế giới theo kiểu Descartes, tức nhiên là thế giới thu nhỏ "Man nương", thật là thê thảm vì " nhìn vào đâu ta cũng thấy xấu ghê gớm" (!) Chúng ta hẳn còn nhớ một danh ngôn gần như là một câu kinh thánh của Dostoevski về văn học nghệ thuật: " Cái đẹp sẽ cứu chuộc thế giới". Đề tài viết của thiên tài này hầu như toàn về cái ác, cái xấu nhưng là để cứu vớt và tôn vinh cái thiện, cái mỹ. Dù ngay cả trong địa ngục của quỷ sứ nơi "Anh em nhà Karamazov", "Tội ác và trừng phạt" hoặc " Lũ người quỷ ám"..., bao giờ Dostoevski cũng ráng sức lượm lặt, tìm kiếm, hi vọng, quần quai trong nỗi đợi chờ thiên sứ của nhân tính, của cái đẹp hằng sống nơi con người xuất hiện như ngôi sao thành Betlem trong đêm đông xưa. Ngay cả nhà văn Áo gốc Tiệp khắc là Kafka từng vật vã, trôi dạt, đắm chìm trong một thế giới đã bị rệp hóa, gián hóa, sâu bọ hóa cũng là để truy tìm cái đẹp của thiên sứ trong nhân tính, dù là cuộc đi tìm có lúc hầu như tuyệt vọng, nhưng là thứ tuyệt vọng cao cả, thứ tuyệt vọng của khát vọng đạo đức cùng đường. Nguyễn Du đã bị xã hội đẩy vào thế giới "xấu ghê gớm" là nhà thổ trần gian cùng với nàng Kiều. Nhưng lạ thay, ở nơi cận bã của thế giới, thi hào và nàng thơ của mình lại chứa chan lòng thương yêu con người, tìm lại được cái đẹp thiên sứ của trinh bạch ngay trước tượng thần Bạch Mi. Văn học, trên cánh đồng Araphát ngày phán xét chung của lương tri và nhân tính, bao giờ cũng như ngôi sao mọc bên phải loài người. Văn học, hay là một phương cách hy vọng vào một thế giới tốt đẹp hơn, nhân ái và bao dung hơn. Nơi, ngay trong lòng thế giới bị quỷ ám đi chẳng nữa, nhà văn cũng phải chỉ cho con người biết cách phát hiện là thiên sứ Gabriel đến báo tin mừng về sự cứu chuộc của cái đẹp đã xuất hiện. Chỉ có Phạm Thị Hoài trong "Man nương", như tuyên bố trên của mình, đã đánh mất khả năng thiên sứ bằng việc không còn biết phát hiện ra cái đẹp của thế giới. Đánh mất khả năng khám phá ra cái tốt đẹp của thế giới, cũng có nghĩa Phạm Thị Hoài đã đánh mất thuộc tính quan trọng nhất của văn học vậy.

"Một thế giới mà trong đó thú thực nhìn vào đâu ta cũng thấy xấu ghê gớm". "Man nương" có thể là một minh chứng cho nhận định mang tính thẩm mỹ độc nhất vô nhị trên của tác giả.

Phạm Thị Hoài quả có sở trường về việc dựng lên một thế giới bỉ ổi, lưu manh, dâm dăng, đều cáng và hèn hạ. Con người dưới con mắt của Phạm Thị Hoài chỉ còn là con vật, một con ruồi libido "bu quanh" một không gian gớm ghiếc: "Cứ thử quan sát họ, dù ở một nhà vệ sinh thu tiền, hay bu quanh một góc tiểu tiện khoan khoái ám cúng giữa phố... đến nhà nào cũng thấy một con đực, và kè kè bên nó một con cái, không rõ có phải của nhau hay không..."(19) "Tôi có đủ nghề nhưng chẳng thạo nghề nào ngoài ăn ngủ với đàn bà và lừa mị vợ"(111). Nhà văn trước hết phải là tổng đồ của nhân tính, nghĩa là phải biết thương yêu đồng loại, nhưng Phạm Thị Hoài trong tác phẩm này, hầu như chỉ nhằm khinh rẻ, tòm lòm con người, cho họ là khỉ tuốt: "Tôi nghĩ ngợi về sự cầu thả không thể tin được của con người trong cái cách họ im ỉm đóng cửa cái lộn hoặc an ủi nhau ... họ vén quần đái giữa phố một cách rất khiêu dâm, họ chồm hồm ở khắp mọi nơi như những con khỉ vui sống..."(11) Hãy xem tác giả xỉ nhục và thô bỉ hóa giấc mơ của con người còn tồi tệ hơn cả con vật ghê tởm nhất: "Anh mỗi ngày tắm một lần mơ một lần. Mơ được mẫu nào gói ngay vào số đề quảng ra cửa sổ như gói cứt. Anh đừng có đánh rắm và chịu khó tắt thở là dí mũi vào Thiên Thai, vú chúng nó như bánh dày dùi như giò lụa"(42). Hãy xem tác giả dòi bọ hóa con người trong sự "nhung nhúc" của phố phường: "Đám đông đang nồn nóng thành đạt nhưng nhúc trên các đường phố"(158). Con người dưới mắt Phạm Thị Hoài là một loài vật vô ý thức, thô tục, bản thiêu và man rợ: "Mẹ tôi lừa lời can thì dỗi, xuống bếp tè vào nồi nước rau"(67). "Ngồi chồm hồm trên ghế như đi cầu tiêu và xĩa răng như quét chợ, những câu chửi đời phun ra giữa hai lần và soàn soạt thối không chịu được, nhưng mẹ bảo, khách đã là thượng đế thì thế chứ bĩnh ra đây mình cũng phải nuốt"(69). Các nhân vật của Phạm Thị Hoài ít khi nói được một câu tử tế, toàn là giọng bậm trợn, thô bỉ, đầu đường xó chợ: "Ngoài miệng thì chị em em, tấm bánh thì chia, tấm chông giấu như mèo giấu cứt"(48). "Chiều cái con tiều"(44). "Anh xin em anh đéo biết nịnh đầm"(39). "Mẹ kiếp, chỉ thiếu cái mồ hôi hổ xí hai ngăn nhà anh là toàn diện"(48). "Một ngày hăm bốn tiếng ăn ngủ đụ ị"(42). "Mũi như ống bô xe máy"(43). "Anh vào ra đéch xin phép, mẹ kiếp như việc xã hội"(46). "Mồ hôi anh như mùi hổ xí hai ngăn"(37). "Đéo chơi cái đoạn đi giày da Ý"(42)...Chừng như Phạm Thị Hoài rất khoái trá nhìn vào một thế giới "ruồi và cứt ruồi bám như đậu đen vừng đen"(70), vượt qua cả giới hạn của chủ nghĩa tự nhiên để hóa thành chủ nghĩa dung tục, đã tìm mọi cách thối rữa hóa linh hồn và thể xác đồng loại trong cái nhìn bệnh hoạn, nhẩn tâm, sung sướng nhìn đồng loại bị hủy hoại của thầy A.K., một phát ngôn viên của tác giả: "Người ta suy dinh dưỡng và toét mắt, ngứa ngáy và đau bụng ỉa chảy, lên sởi, động kinh, băng huyết và uốn ván, tê thấp đậu mùa, trúng gió, cảm khẫu, giun sán, còi xương, ngớ ngẩn, đau ruột thừa, lên nẹo, cả tin, bướng cổ, ung thư, u mê, sâu răng, đi rất, ho lao, phù thũng, quáng gà, tuyệt tự, thối rữa linh hồn, rụng tóc, mê sảng, bội thực, thối mồm, táo tinh, táo bón, biếng ăn, sốt rét, thiếu máu, nói nhịu, cười vô cớ, quai bị, tim la, thoái hóa cột sống, sợ ma, chảy máu não, cuồng dâm, sỏi thận, chán đời, bạo phổi, rối loạn kinh nguyệt, ra mồ hôi trộm, teo cơ giả phì đại, ngát, hủi, liệt, mù, câm...(192). Quả "là một thế giới xâu ghê gớm". "Man Nương" đã thành câu lạc bộ bệnh hoạn của chứng động kinh phi nhân tính, một bệnh viện khổng lồ của con người, nơi chỉ toàn bệnh nhân mà không có thầy thuốc. Đồng loại tật nguyện toàn phần kia dưới đôi mắt tàn nhẫn của nhà văn, ngay một người mẹ cũng rất ác với chính con mình: "Người mẹ trả thù cho việc mang thai tôi rất bất đắc dĩ bằng cách cứ tiện tay thì bỏ quóc cao gót xuống đầu tôi"(102). Còn người cha thì vô hồn: "Bố thì giống máy hút bụi chưa có trên thị trường"(77). Do vậy, cái nhân vật - xưng tôi - tác giả, đã hơn một lần giận dữ và kinh tởm đồng loại: "...hôi rình ở miệng và nách"... "nhỏ nước miếng mấy trăm lần. Từng cái lông chân của thiên hạ đều khiến tôi giận dữ và kinh tởm"(10,11). Một cái nhìn đen tối về thế giới, một thái độ khinh rẻ và căm ghét con người đến như vậy của Phạm Thị Hoài, phỏng có phải là một thế giới quan bệnh hoạn và một quan niệm thẩm mỹ chối bỏ nhân tính chăng? Với một thế giới đen hơn mực Tàu, không một mẫu đom đóm của lòng trắc ẩn, không một ánh lân tinh của hi vọng như thế, khiến ta có thể gọi "Man nương" là một tác phẩm văn học được chăng? Bởi, nói như Joan Giô-Nô: "nhà văn là giáo sư của niềm hy vọng", chứ đâu phải là trò chơi bịt mắt bắt dê của cái xấu xa và sự tuyệt vọng trong ao tù của con- người- thú- tính? Rất

tiếc một thái độ nhìn đời đen tối và bàng bỗ như trên, chừng như đang manh nha thành một khuynh hướng trong văn học Việt Nam?

2) MỘT CÁI NHÌN KHÔNG PHẢI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM

Nhân vật xưng "tôi-tác giả" có lúc xưng là em, xưng là nhà thơ, xưng là thầy A.K. Khóttabit hâm hâm kia trong "Man nương", ngoài khả năng khinh rẻ con người nói chung ra, nó còn có một khả năng khác cũng gần như vô tận là thái độ coi thường, thậm chí mạ lỵ người Việt Nam chúng ta nữa. Than ôi, thử tìm dưới gầm trời này xem có một nhà văn, một trí thức chân chính nào lại đi khinh rẻ dân tộc mình, tổ tiên, thậm chí lảng mạ cả tín ngưỡng của ông bà mình như nhân vật xưng tôi trong tác phẩm này của Phạm Thị Hoài hay không? Hãy nghe tác giả nói về đất nước của mình: "Ông ta là một công dân của một đất nước ở vào thời buổi không có gì đáng sĩ diện hết"(30). Những dòng này, tác giả viết vào tháng 12 năm 1990, nghĩa là vào thời hiện nay, có thật đất nước chúng ta là một đất nước "không có gì đáng sĩ diện" như Phạm Thị Hoài đã viết? Trong lịch sử bốn nghìn năm của mình, đất nước chúng ta bao giờ cũng là một đất nước không ngại bất cứ sự hi sinh to lớn nào để giữ sĩ diện quốc gia, giữ sĩ diện nòi giống bằng hàng chục cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Chúng ta sẽ bị lảng nhục ghê gớm khi một buổi sáng nào đó, một kẻ nào đó chọt chỉ vào mặt ta mà chửi rằng người là một kẻ không có sĩ diện. Nhưng chúng ta chả lẽ sẽ không bị lảng nhục hơn khi có ai đó nhân danh bất kỳ thứ quý quái nào, dám bảo đất nước Việt Nam đau thương và anh hùng của chúng ta là một đất nước "ở thời buổi không có gì đáng sĩ diện hết"(!) Thảo nào, bằng lối tự sự của dòng độc thoại nội tâm, Phạm Thị Hoài ở trang 112 trong truyện "Một anh hùng" đã "nguyên rủa số phận là người Việt Nam của mình" bằng cách viết: "Cũng như mọi người Việt Nam khác, hễ có dịp là tôi nguyên rủa số phận là người Việt Nam của mình, và hễ được hỏi vậy muốn là người gì tôi sẽ nhất định thờ dài mà xin làm người Việt". Kinh Thánh có kể chuyện thánh Jop vì bị Chúa thử thách cho tan gia bại sản, cô độc, đói nghèo, cùi hủi, đến mức không chịu đựng được đã phải nguyên rủa ngày sinh của mình, nguyên rủa số phận mình, chứ tuyệt nhiên không dám nguyên rủa số phận là dân Do Thái dòng dõi Abraham của mình. Không có một tác phẩm văn học chân chính nào không tìm cách gắn với cội nguồn dân tộc, gắn với bầu sữa của bà Mẹ Tổ Quốc đã từng nuôi nấng mình, chỉ trừ Phạm Thị Hoài mà thôi. Khi đang tâm "nguyên rủa số phận là người Việt Nam của mình", không biết văn học của bà sinh ra để phục vụ một đất nước nào khác vậy? Do đó, chúng ta không lạ gì thái độ rẻ rúng người Việt Nam khi tác giả hàng xén hóa đồng bào mình: "Người Việt Nam chúng ta sinh ra không phải chỉ làm một việc. Mỗi chúng ta là một tài cán tạp nập, người sáng giá nhất thì có cái diện mạo và cử chỉ của một ông chủ hàng xén thành đạt"(111). Quả thậm vô lý khi tác giả lên án những ai yêu nước bằng cách "lo việc nước": "Mà lo việc nước lắm lại khổ việc nước nhiều đấy thôi, chứ ích gì. Cái quốc gia này chỉ thực sự chuyển mình khi không còn bất kỳ ai lo đến nó"(111). Chừng như bất cứ biểu hiện gì "lo việc nước" đều dị ứng với tác giả: "Chúng ta không dám cầm bút ghi vào sổ cảm tưởng trong đó một người vô danh viết bằng các bức "nu" trong phòng tranh này cũng láo toét như những khẩu hiệu chính trị"(115). Vì sự nóng giận mất bình tĩnh, tác giả đã kích rồi chửi đồng cả một số tờ báo có đăng tin vụ án và cho rằng báo chí gián tiếp ăn xác chết như những con kên kên chính hiệu: "Ông ấy mặt lạnh như phu mộ tải thầy người đi dọc phố. Cũng đếch có thầy xịn, báo Công an nước đầu, báo Tiền phong nước hai, xào đi xào lại đến báo Đại đoàn kết thì chết qua tay mấy lần. Tiên sư đời"(43). Ở trang 115, không biết với dụng ý gì, tác giả bịa ra một tòa án binh lỗ bịch và man rợ, điều cợt và bôi bác khi xét xử một vụ hủ hóa" thấy da thịt một đen một trắng hỗn hển lao vào ngực chính trị viên...khi cô ta rên...", bằng cách đốt hai cái quần của của đôi nam nữ xem có người thấy mùi "áy" không: "Trước tòa án quân sự ...Người ta quyết định đốt hai chiếc quần, một gabadin quân phục, một phíp đen dân sự, nhờ ngọn gió phán xét. Gần trăm con người nín thở đứng thành vòng tròn quanh giàn thiêu. Đại úy chính trị viên châm lửa. Khói quân sự và khói dân sự ngập ngừng bốc lên, chừng một gang tay chưa hề có dấu hiệu khả nghi, rồi bỗng quỵện vào nhau, cuốn quýt, say đắm,

được tiếng vải nổ tanh tách khích lệ, thắm thiết diu nhau tỏa mãi vào không gian vùng quê lành mạnh. Họ vô tội trong chừng một gang tay để rồi ngay sau đó hiển nhiên sa ngã"(115).

"Man nương" đã chạm vào nơi sâu thẳm nhất là tín ngưỡng của người Việt Nam, bằng cách diễu cợt, xúc xiểm quá tục tằn rất Phạm Thị Hoài: "Ngày xưa tín ngưỡng trộm, lòng thành nơm nớp như một sợ bị bắt quả tang bĩnh ra quần. Bây giờ đeo một người ta cũng đến nhà bắt rận"(44). Cái cách "mót" và "rận" ra tín ngưỡng của Phạm Thị Hoài quả tình đã xúc phạm, thóa mạ các vị thần linh của người Việt. Nữ văn sĩ hiện sinh chủ nghĩa đánh nốc-ao cả vua Hùng và Đức Thánh Trần Hưng Đạo, một vị là ông tổ của dân tộc, một vị là anh hùng dân tộc được nhân dân phong thánh: "Tất cả thần thánh đất Việt cùng một số vị ngoại quốc nhưng đã Việt hóa hoàn toàn: nào đức thánh Trần, nào Liễu Hạnh Tản Viên, nào sơn thần thủy quái, chúa Thượng Ngàn, nào các cô các cậu, các vua Hùng... Quan Công... pho nào cũng gồm một cái mặt đườn đưỡn trai chẳng ra trai, gái chẳng ra gái, và một trang phục phùng chèo thậm vô lý"(118). Tác giả sàm sỡ, bôm xòm, diễu cợt cả mẹ Âu Cơ: "Tôi để trâm cái trứng hết nhiệm vụ làm tổ tiên"(46). Cao hứng vì cú trừng phạt tổ tiên, hạ bệ thần tượng thần linh một cách ngoạn mục, Phạm Thị Hoài không tha cả một anh hùng dân tộc khác - một nhà văn hóa vĩ đại nhất lịch sử nước nhà là Đức Nguyễn Trãi: "Đúng là tôi toàn trích Ưc Trai tiên sinh... Cái văn phong lạng ngòi tấn mấn xót xa thương người thì ít thương ta thì nhiều trong các bài thơ thất sủng của ông có thể dạy tốt cho tôi, rằng không nên để mình bị thất sủng như thế"(111).

Hà Nội thủ đô, trái tim đất nước, đất nghìn năm văn vật, được rất nhiều văn nhân thi sĩ cổ kim ca ngợi, là niềm tự hào rất đỗi thiêng liêng của mỗi người Việt Nam. Chúng tôi vô cùng kinh ngạc vì Phạm Thị Hoài sao lại căm ghét thành phố này đến thế khi mỗi buổi sáng thức dậy, bà lại đến nỗi lổ mưng chào nó bằng một phát trung tiện rất hiện sinh của mình: "Phải sống ở Hà Nội, phải hít thở nó đặng mũi, đặng mồm và thấy nó nghiền nghẹn nơi cổ, nó từ từ trườn vào phổi, nó máy trong bụng như thai nhi, nó chạy tê tê xuống hai bắp vế, rồi nó chào thân ái ta, hay ta chào thân ái nó bằng một phát trung tiện nghe như tiếng thờ dài"(149). Xin lỗi, tiếng chào Hà Nội kiểu này của Phạm Thị Hoài hẳn là một cách để căm ơn cái thành phố đã quá hào hiệp và lơ đãng, đến nỗi đã để nhà xuất bản của nó in ra tập truyện có một không hai này chẳng? Vâng, một Hà Nội mà trong các trang viết của mình, Phạm Thị Hoài bao giờ cũng biết cách trả ơn nó bằng một gáo nước lạnh hắt thẳng vào mặt: "Hà Nội còn mình tôi với anh trôi trên áo hàng thùng. Một mình tôi với anh. Nhìn xung quanh là cánh đồng chết. Nhìn nhau chán như bà già gặp kẻ cắp"(46). "Bắt cóc nàng mang về Hà Nội thôi, ở đó đầy rẫy những tiên nữ thôn quê thoái hóa biến chất, giọng thì cứ bèn bẹt ra, mông đánh vù vù, hở ra câu nào vô duyên câu ấy"(182).

3) DUNG TỤC CÓ PHẢI LÀ CON ĐƯỜNG CỦA VĂN HỌC?

Viết "Man nương", chừng như Phạm Thị Hoài muốn lập hội quán libido, nơi những ước chế khao khát được thỏa mãn bằng chữ nghĩa khóa thân, tha hồ tuôn chảy những hành vi phòng the giữa thanh thiên bạch nhật của người đọc và giấy trắng. Chúng tôi hiểu rằng, tình dục là một hành vi, một ứng xử văn hóa, hơn nữa nó còn là vẻ đẹp, nỗi đam mê không phải chỉ ở hành động truyền giống mà là biểu hiện của nghệ thuật và cái đẹp thiêng liêng hằng sống. Văn hóa tình dục chỉ có thể trở thành thẩm mỹ, thành niềm say mê cao cả và quý phái khi nó xảy ra đúng nơi, đúng lúc, đúng người, đúng việc dành riêng cho nó. Nhưng khi người ta lòi tình dục ra biểu diễn trước đám đông, trước độc giả, nhất là lại núp dưới chiêu bài triết học thì xin lỗi, đó là hành vi không văn hóa. Chúng tôi phần nào thông cảm với Phạm Thị Hoài khi bà hằng say thực hành giáo điều của chủ nghĩa hiện đại là bất chấp thế giới khách quan và những khế ước của nó, bất chấp thuần phong mỹ tục, cứ mặc nhiên lột truồng cái tôi bản năng ra như lột hành lột tỏi, thả lỏng ngòi bút trôi theo dòng vô thức vô bờ bến của những thèm muốn thú tính, mặc xác mọi thứ y phục của đạo đức, cứ thoát y vũ tư tưởng và tâm hồn trong một thế giới

không còn thượng đế, không còn lương tri, lòng tốt... Nhưng chúng tôi không thể thông cảm với Phạm Thị Hoài, vì thật ra bà đâu có khả năng theo chủ thuyết văn nghệ nào, dù là những chủ thuyết đã cáo chung, để tha hồ bày trên trang sách những điều tầm thường mang nhãn hiệu hiện sinh với hậu hiện đại. Bà chỉ núp dưới tên tuổi của Sartres và Camus, Kafka và Marquez, Proust và Joyce... để triết lý ba lằng nhằng dung tục nhằm câu khách rẻ tiền. Không ai cấm và không thể cấm ai học viết về đề tài tình yêu, tình dục. Nhưng là một tình yêu, một tình dục khác mang tính thẩm mỹ hướng thượng, chứ không phải theo lối viết quá bày bày của Phạm Thị Hoài dưới đây. Chúng tôi xin phép trích ra không bình luận, còn những câu, những đoạn quá quá, những trang tả chân cách mút và ngoáy lưỡi, cách lột quần áo, cách làm cho nhau hưng phấn khi làm tình... chúng tôi xin miễn trích vì sự tôn trọng độc giả:

"Đầu Nguyễn Thái Học có nhà tắm nước nóng mật dịch mỗi xuất một xô giang mai". "Tóc hành xong khoản ấy thì dạng háng ra". "Em ơi một phát thôi không vừa rút ra ngay"(38). "Đúng năm giờ, ngày đang bước vào thời điểm đực cái bắt đầu cuốn lấy nhau... Một lát sau họ lần lượt khỏa thân. Toàn những con ngựa không có người cưỡi, xác thịt chảy buồn bã như suối"(35). "Phụ cấp năm phút nhòm chày từ dưới lên, tôi cứ váy rộng đứng chênh vênh trên ghế treo hàng là hôn vĩa thẳng cha sà xuống cống. Mẹ kiếp thuê má dâm ô đéo chịu được". "Anh đếch biết thẳng nào bóc tem em thẳng nào hót em nước đầu, anh đây xin nước hai có màu"(40). "Thỉnh thoảng tôi chống hông, hôn cu cậu lập tức đông lên óc khách sạn mười tầng cao nhất Hà Nội"(41). "Nhưng đàn ông có bao giờ mòn.

Đàn bà chỉ dùng một phút là thành đồ cũ. Tôi đổ anh đi cả phố tắm được con nào còn nguyên hộp"(48). "Tôi đã rót đều đều về nhà mỗi tuần một lượng tinh trùng cần thiết để duy trì hạnh kiểm của đôi bên"(109). "Anh dịch vụ tôi tôi sòng phẳng anh tuốt tiền mặt, rút ra cho vào cái đếch gì"(89). "Tôi chơi với bóng tôi trong nước tổng ngồng"(46). "Anh lượn đi cho tôi nhờ, dắt con bờ anh sang tiệm bánh ngọt"(46). "Tôi mới liếm hai đầu nhũ có mùi táo tàu"(8). " Khiếp mấy anh đâm đĩa liếm lờ..."(45)... vân vân và vân vân... Những dòng viết như nhóp trên, lạ thay sao có người khen nức nở và dùng cảm gọi nó là văn học hiện sinh, làm ảnh hưởng đến thanh danh và uy tín học thuyết đã quá vãng của Sartres và Camus ?

Tóm lại, tập truyện ngắn "Man nương" có thể đã được Phạm Thị Hoài viết trong trạng thái ức chế của những khuynh hướng (refoulement des tendances)? Những ẩn ức phân tâm bị kìm hãm này đã tìm cách xì ra trang giấy một cách vô thức, vô tội vạ, bất chấp những giới hạn và hành vi giao tế là một chức năng quan trọng của văn học. Mặt khác, những quan niệm triết học và thẩm mỹ xa lạ, kỳ quái, một sự đua đòi bắt chước những phương pháp sáng tác chợ chiều, ưa làm dáng trí thức bằng khả năng của dung tục nổi loạn, cộng với sự khinh mạn con người nơi tác giả, khiến "Man nương" trở thành một cuốn sách biểu dương cái ác, cái xấu một cách quái đản và dị hợm, có khả năng làm mất cảm tình độc giả nhất trong mấy năm gần đây.

Văn học có thể viết về những điều bản thủ, hạ cấp nhưng là để không đánh mất khả năng sạch sẽ và sang trọng của mình. Văn học có thể viết về vết thương nhưng là để chứng tỏ khả năng băng bó của nó chứ không phải khả năng giòi bọ, viết về nỗi tuyệt vọng nhưng để hướng về ánh sao đêm của hi vọng. Văn học có thể lằn lóc trên giường, nhưng là để hướng về hạnh phúc của cái đẹp mang tính đạo đức, chứ không phải dẫn con người vào thế giới hưởng lạc, sa đọa, vô luân. Văn học, trước hết là một cách ứng xử văn hóa, chứ không phải là câu lạc bộ của bản năng buông tuồng, sàm tấu, chữi đồng, dung tục, khiêu dâm, xúc phạm ông cha đất nước của bất cứ sự nhân danh và từ bất kỳ ai ở phía nào của đời sống, để thông báo tin điều của qua về "một thế giới xấu ghê gớm".

Chị Minh Quân, nhà văn quen biết của Sài Gòn trước năm 1975 nói với chúng tôi rằng, với tập bản thảo "Man nương" này, ngay cả chính quyền Sài Gòn cũ cũng không dám cho xuất bản vì

nó vừa tục tĩu, vừa nói xấu vua Hùng và Trần Hưng Đạo. Rất tiếc, nhà xuất bản Hà Nội, một nhà xuất bản vốn có uy tín, năm 1995 đã làm một việc không thể hiểu nổi là cho in cuốn "Man nương", xúc phạm lòng tự trọng và tình yêu văn học của bạn đọc xa gần..

Rút trong tập “ Văn học- Phê bình- Tranh luận” của Trần Mạnh Hảo – Hà Nội 2004

“Ly Thân”, làm tiếng ếch gọi mưa Nguyễn Thanh Giang

Tôi không mê thơ Trần Mạnh Hảo đến mức như một thầy dạy hóa nào đó qua lời kể của Đỗ Trường: “Ngày còn đi học, mấy thằng “học sinh cá biệt” chúng tôi luôn bị các thầy cô giáo gọi kiểm tra bài tập đầu giờ. Nhất là mấy môn học thuộc, chúng tôi thay nhau trốn đầu đó, chờ cho thầy cô kiểm tra bài xong, mới xin vào lớp muộn. Nhưng đặc biệt giờ học môn hóa của thầy Lễ, không bao giờ chúng tôi phải trốn. Chẳng phải chúng tôi giỏi giang, hay chăm chỉ làm bài tập ở nhà, vì thầy đọc thơ Trần Mạnh Hảo cho chúng tôi nghe, thay cho kiểm tra bài đầu giờ....Dần dà cái lửa trong thơ của Trần Mạnh Hảo cháy vào tôi lúc nào không hay, và rồi hình như tôi đã nghiện thơ của ông” (1).

Chính nhà văn này đã đánh giá thơ Trần Mạnh Hảo như sau: “Tôi rất thích đọc những bài thơ tứ tuyệt, hoặc những bài thơ viết về quê hương, đất nước của ông. Đọc những bài thơ này, ta như đang trở về với hồn thiêng sông núi, khí phách của cha ông hình như cũng còn phảng phất đâu đây. Không phải là người nghiên cứu văn học, nhưng nếu phải đưa ra một nhận định, ai là người tiếp nối hồn thơ những Nguyễn Gia Thiều, Đặng Trần Côn... Hồ Xuân Hương, Tản Đà, tôi sẽ nghĩ ngay đến Huy Cận và Trần Mạnh Hảo” (1).

Quả như vậy thật. Tôi chợt nhớ ra, vào lúc nào đó tôi cũng đã từng làm nhầm những câu thơ như tráng ca của Trần Mạnh Hảo:

“Con thương mẹ con thương đất
nước
Từ ngàn xưa cho đến hôm nay
Những tên giặc phương xa vừa phải cút
Khói Cam Tuyền ải Bắc đã vờn mây
.....

Tất cả núi đều đổ ra biên giới
Tất cả rừng đều cuộn tới chờ che
Giặc phương Bắc mà liều mình lao tới
Những đỉnh núi kia sẽ đổ xuống đê
.....

Thế hệ chúng con đi như gió thổi
Quân phục xanh đồng sắc với chân trời
Chưa kịp yêu một người con gái
Lúc ngã vào lòng đất vẫn con trai
*

Thế hệ chúng con ồn ào, dày dạn
Sống thi đi mà chết thì nằm
Giọt lệ phân mình, nụ cười dành bạn
Đất nước là một cuộc hành quân
.....

Mẹ ơi, bất kỳ từ điểm nào trên trái đất
Ai cũng thấy mẹ sinh nhiều con trai

*Khi đất nước Việt Nam mang dáng hình tia chớp
Rạch chân trời một lối đến tương lai”
(Đất nước hình tia chớp)*

*“Gió nínu hoàng hôn xuống đáy tranh
Lá rụng trời xao động cỏ thành
Đổi dòng, sông gửi hồn ngưng đọng
Mượn hồ trả kiếm lại trời xanh
Tôi muốn mang hồ đi trú đông
Mà không khiêng vác được sông Hồng
Mà không gói nổi heo may rét
Đành để hồ cho gió bắc trôi
Sao Hồ Gươm biết tôi ra đây
Mà thương ôm bóng kẻ lưu đây
Mà lau đôi mắt tôi bằng sóng
Mà cả trời kia xuống hết cây?”*

*“Tôi mang Hồ Gươm đi”
“Khi chưa có mùa thu
Hoa phượng còn dang dở
Bạn nằm xuống lưng đồi
Mùa thu dừng lại đó
Đâu chỉ vì cô gái
Tên trùng với tên mùa
Đâu phải loài hoa ấy
Nở ven rừng băng quơ
Chưa ai yêu mùa thu
Như bạn mình mơ mộng
Ai xui tiếng chim gù
Kéo trời lên xanh thẳm”
(Khi chưa có mùa thu)*

Nhà thơ tâm sự như tuyên ngôn:

“Thơ của tôi là niềm đau của tôi với đất nước hôm nay. Mình đang bị đế quốc phương Bắc nó xâm lược mà mình không làm gì được chỉ ngồi trong nhà mà viết những dòng thơ đau đớn như thế thì rất là buồn.

Khi mình còn sợ hãi quá mức như thế thì mình sống không phải là con người nữa. Mình không được biểu lộ tình cảm xao động nhất của lòng mình ra bằng những vần thơ khi mình là người cầm bút thì mình đâu còn bút nữa? Đâu còn tâm hồn đâu còn tư tưởng nữa! Thế thì mình là con người hay là con gì? Tôi nghĩ như vậy nên tôi xúc động thì viết ra, tôi làm thơ”.

E rằng thơ chưa bộc lộ đủ “niềm đau của tôi với đất nước hôm nay”, ông viết chính luận.

Ông phàn nàn;

“Chưa bao giờ số phận dân tộc ta, đất nước ta có nguy cơ tiêu vong như hôm nay: nước nhà đang bị giặc ngoại bang xâm lấn bằng cuộc chiến tranh ngọt ngào, chiến tranh ôm hôn thắm thiết và tặng hoa, tặng quà anh anh chú chú, bằng cách chiếm dần hai quần đảo chiến lược Hoàng Sa và Trường Sa, lấn chiếm dần dần biên giới đất liền và hải đảo, khiến nguồn lợi biển vô cùng tận của ta rồi sẽ mất hết, dân tộc ta không còn đường ra đại dương, coi như tiêu. Ngoại bang dùng chiêu bài “ý thức hệ” và “16 chữ vàng” làm dây trói vô hình, trói buộc Đảng cầm quyền và nhà nước Việt Nam phải nhân nhượng kẻ xâm lược hết điều này đến điều khác”
(2).

Ông chi tiết hóa cái nhận định tổng quát “Chưa bao giờ số phận dân tộc ta, đất nước ta có nguy cơ tiêu vong như hôm nay” bằng một danh mục quốc nạn:

- quốc nạn tham nhũng (Bùi Tiến Dũng con cưng của Đảng đánh bạc một lúc hết 07 triệu USD)

- quốc nạn dối trá (chuyên gọi sai tên sự vật; ví như Quốc hội của Đảng thì nói là Quốc hội của dân; cấm không cho dân ra báo tư thì gọi là tự do báo chí; đàn áp, bắt bớ người bất đồng chính kiến thì hô lên là tự do tư tưởng, tự do tranh luận...)

- quốc nạn độc quyền chân lý (Đảng CSVN kiêu ngạo cho mình tuyệt đối đúng, tuyệt đối thánh, cấm tranh luận công khai về các sai lầm của Đảng – quy cho là phạm tội “chống cộng = chống Tổ quốc” ?)

- quốc nạn “Trên bảo dưới không nghe” (Một nhà nước vô hiệu quả, vô pháp luật. Lời ông Phan Văn Khải)

- quốc nạn nói và làm ngược nhau (Nói và lờ – Lời cố Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh)

- quốc nạn trối nhân dân (Lời cố Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh : “Đảng đang cởi trối cho văn nghệ sĩ, cho các nhà văn...)

- quốc nạn diệt trí thức (Khẩu hiệu của ĐCSĐD : “ Trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, tróc tận rễ)

- quốc nạn Đảng & Nhà Nước đối đầu với nhân dân (Thời đại này cả nhân loại đã từ bỏ đối đầu để chuyển sang thành đối thoại: “Thời đại đối thoại”; riêng ĐCSVN không bao giờ chịu đối thoại với nhân dân, chỉ quyết đối đầu với nhân dân bằng còng số tám, nhà tù: không cho phép tranh luận công khai về những sai lầm của đảng)

- quốc nạn quy chụp: ai nói khác ý mình là Đảng bịa chuyện vu cáo họ có tội phản quốc, làm gián điệp...

- quốc nạn cắt đất cắt biển nhượng cho Trung Quốc mà không cho dân biết cụ thể việc ấy ra sao?

- quốc nạn tụt hậu (VN có thu nhập bình quân đầu người vào loại thấp nhất thế giới)

- quốc nạn văn hoá suy đồi

- quốc nạn Đảng làm dân trí VN xuống thấp hơn cả Campuchia (Để trả lời vì sao Đảng chưa cho phép đa đảng đa nguyên, thì Đảng trả lời: “Do dân trí nước ta còn thấp”, trong khi Đảng luôn vỗ ngực mình là đỉnh cao trí tuệ nhân loại! ?) (3)

“Ngày nay, khi nhân loại đã bước sang kỷ nguyên tri thức, kỷ nguyên văn hóa của thế giới phẳng, mà lạ thay, có một số xứ sở, ví như xứ sở của chúng ta, vẫn còn tình trạng xã hội nhân quần lộn tùng phèo như thời Khổng tử đã nhìn thấy các trật tự luân thường bị đảo lộn: vua không ra vua, dân không ra dân, cha mẹ không ra cha mẹ, con cái không ra con cái, người không ra người, ngợm không ra ngợm, luật pháp không ra luật pháp, giáo dục không ra giáo dục, văn hóa không ra văn hóa, bằng cấp không ra bằng cấp...” (8)

Trên kia là tuyên ngôn thơ, dưới đây là tuyên ngôn chính luận của Trần Mạnh Hào:

“Thấy Đảng đi sai đường, là một con người, hơn nữa lại là một kẻ cầm bút, quyết không viết vì miếng lợi, mà viết vì lẽ phải, vì sự thật, vì chân lý, lương tri, vì dân tộc Việt Nam của chúng ta, dù có chết tôi cũng cam lòng, không hề ân hận rằng mình dám liều mạng can vua, khác nào can hổ; rằng vái lạy ông ba mươi, xin ông đừng vỗ trâu bò nhà nông của chúng con nữa, xin ông ba mươi Mác-xít đừng vỗ dân tộc chúng con nữa!” (4)

Thực hiện tuyên ngôn ấy, ông dần thân làm tiếng ếch gọi mưa:

“Đến bây giờ tôi còn thương mấy con ếch báo thức; chúng là những con ếch đầu đàn, ngủ đông trong hang, nấc lên tiếng gọi đầu tiên đánh thức đàn ếch chui ra khỏi hang mà vào cuộc sinh nở với mùa xuân. Nhưng các nhà “tiên tri ếch, kẻ đánh thức đồng loại” dậy đón xuân kia đã bằng tiếng ồm ộp của mình báo rằng: lạy ông tôi ở bụi này. Mấy tay bắt ếch chuyên nghiệp nghe tiếng kêu thức tỉnh đồng loại của dũng tướng ếch cách mạng kia bèn chộp chú liền, cho vào giỏ về thịt; vào giỏ rồi mà chú vẫn uôm uôm! Vẫn báo cho đồng loại dậy mau mà chạy đi, mà vọt xuống ao kịp trốn. Xã hội Việt Nam hôm nay, so với xã hội loài ếch đã tiến hoá tới nhiều triệu năm, mà lạ thay, có mấy ai dám lên tiếng báo thức đồng loại ngủ hoài trong sợ hãi, trong

yếm thế trùm chăn, để tất cả chồm dậy mà đón mùa xuân, chấp nhận số phận của nhà tiên cảm, tiên tri ếch kia: dám chết vì nghĩa lớn, vì tiếng báo thức đồng loại của mình” (5).

Quả nhiên ông đã là chú ếch đầu đàn gọi mưa, trước cả Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp ...

Năm 1982. bài thơ “Cho một nhà văn nằm xuống” đã gây vụ án “Khóc Nguyên Hồng” chấn động văn đàn đổi mới. Ông Hà Xuân Trường – trưởng ban văn hóa văn nghệ trung ương Đảng – và ông Hoàng Tùng – Bí thư trung ương Đảng – lúc ấy đã tuyên bố phải bỏ tù tên phản động TMH dám công khai nã súng vào Đảng.

Sau đó là tiểu thuyết Ly Thân.

Dường như Trần Mạnh Hảo hài lòng hơn với những trang chính luận vì ở đây ông đã nói thẳng, nói thật chứ không bịa đặt quanh co như chàng Tôi trong tiểu thuyết Ly Thân:

“Suốt ba mươi năm qua, ông đã bịa ra bao nhiêu chuyện nhưng vẫn chỉ là tô vẽ theo ý đồ của kẻ khác, bất chấp sự thật, chỉ cốt để vừa lòng cấp trên, hầu như chả có tí gan ruột máu huyết của mình trong đó cả. Đó là thứ văn chương xu thời, bề cong ngòi bút viết cho kẻ cầm quyền đọc chứ nào phải viết cho nhân dân”(10).

Người ta bảo Trần Mạnh Hảo rất hay cả khía các vị khoa bảng. Tôi không đủ trình độ để phân biệt đúng sai khi ông dám sửa gáy cả các giáo sư-tiến sỹ trong lĩnh vực văn chương nhưng, trong trường hợp này thì tôi thấy ông đích đáng:

“Tôi nghe nói, GS.TS. Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư thành ủy Hà Nội, chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, người từng tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Văn (là người chấp bút bản dự thảo) đã chỉ huy hơn 70 giáo sư tiến sỹ, nghĩa là tập trung đỉnh cao trí tuệ toàn đảng để làm ra siêu văn bản này, mà kỳ lạ thay, “Bản Dự thảo Báo cáo chính trị. Đại Hội X” còn rất nhiều câu văn viết sai tiếng Việt!

.....Trung ra đây trình độ của Đảng để toàn dân biết, rằng Đảng chỉ biết cầm quyền, biết lãnh đạo, mà không bao giờ có khả năng viết đúng câu văn tiếng Việt, dù viết trong Bản dự thảo Báo cáo Chính trị cực kỳ quan trọng này! Nếu Trần Mạnh Hảo là thầy dạy môn Tiếng Việt, sẽ hạ bút cho văn bản này của ông Nguyễn Phú Trọng điểm hai!” (6).

Càng đích đáng hơn khi ông đấu với giáo sư Nguyễn Đức Bình:

“GS Bình, nhà lí luận chính trị đa năng mang tính Carnivalism này, tưởng tượng mạo lù đủ nghiền ngẫm triết gia, ai dè khả năng vũ hội hóa trang, thay đổi mặt nạ như chong chóng của GS cũng chẳng thua gì các vũ nữ Brazil dạ hội thoát y vũ dù ngay trên mặt trận nhào lộn lý luận của Đảng. GS Bình vừa hô: “Vùng ơi, mở ra!”; cánh cửa dân chủ trong tranh luận vừa hé mở tí tí, GS đã hét tướng: “Vùng, khép ngay cửa lại, chặt vào!”; dựng chia “bìa đỏ Tôn Đản ưu tiên số 1” ra mà khoanh liền vùng cấm, dẹp ngay chính cái biển “đổi mới”: “Đã đến lúc tất cả phải được đặt lên bàn nghị sự” của GS sang một bên, để dựng biển đỏ chặn đường: “Không được chống lại chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”!

... Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là gì, thần thánh ư? Chẳng phải! Chân lý tuyệt đối ư? Cốc phải! Làm cho con người tự do sung sướng ư? Ngược lại! Thế thì sao lại cấm nhân dân bàn bạc xem nó hay hay dở, đúng hay sai, rồi mới để nhân dân chọn lựa xem có nên đi theo nó hay không?

... Xin quý vị cùng lắng nghe GS Bình nói ra cái điều trẻ con nghe cũng phải bò lăn ra mà cười, rằng vì sao mà một nhà lý luận cao siêu nhất của đảng Cộng Sản Việt Nam mà lại ngổ thế này, lại đi nói chuyện hoang đường viễn tưởng lú lẫn thế này hả giờ:

“Vấn đề kinh tế thị trường định hướng XHCN vẫn là vấn đề cực kỳ hóc búa, còn phải tiếp tục nghiên cứu thảo luận làm rõ, đừng tưởng mấy cuộc hội thảo trước đây thế là xong. Tôi nghĩ rằng khái niệm “kinh tế thị trường định hướng XHCN” là một bước tiến của đảng ta trong quá trình tìm tòi, đổi mới lý luận”.

GS Bình đã phải hạ bút viết ra những dòng quá ngớ ngẩn ngờ nghệch này, chứng tỏ đảng Cộng Sản Việt Nam đã vào thời mạt kỳ, đã bị dồn tới chân tường không còn lối thoát vì hệ thống Cộng sản chủ nghĩa, cũng như kinh tế XHCN đã hoàn toàn sụp đổ, dẫn đến thượng

tầng kiến trúc cũng sụp đổ theo; sụp đổ lý thuyết kinh tế XHCN, sụp đổ lý thuyết chính trị đấu tranh giai cấp, sụp đổ hệ thống chuyên chính vô sản độc tài ...

... Khái niệm “Kinh tế thị trường định hướng XHCN” thực ra là một khái niệm ảo, dùng để lừa bịp kẻ ngu dốt mà thôi! Vì kinh tế thị trường tức là nền kinh tế tự do, kinh tế tư bản chủ nghĩa. Còn XHCN là một xã hội theo lý thuyết Marxism thủ tiêu hoàn toàn tư hữu, thủ tiêu kinh tế tư nhân, chôn sống tư bản, xóa sổ bình địa kinh tế thị trường, thì làm sao lại có thể kết hợp hai nền kinh tế trái ngược nhau như nước với lửa ấy vào với nhau cho được?

... Dưới bàn tay phù phép của nhà lý thuyết chính trị Carnivalism GS Nguyễn Đức Bình này, “con mèo thực tại” đã cưới “con chuột nhận thức” để sinh ra “con rùa kinh tế thị trường định hướng XHCN” đang là niềm cứu chuộc đảng Cộng Sản Việt Nam tạm thời thoát chết! (7).

Phần tôi, tôi không biết có phải đây chính là người chưa đỗ lớp mười đã được phong giáo sư không, nhưng quả thật là vì ĐCSVN đã chọn ông giáo sư này và ông Đào Duy Tùng làm hai trụ cột chính cho nên sự nghiệp lý luận của Đảng mới tối tăm, xuẩn muội đến mức như ngày nay!

Không chỉ dám sờ gáy mấy giáo sư-tiến sỹ, ông còn phang thẳng vào mặt mấy vị “lãnh tụ vĩ đại”, mà nghe thật bõ hờn:

“Trán Người cao hơn nghìn núi sọ

Mặt Người mênh mông hơn niêm hư vô thần linh

Tháng chạp Hồ Nam tuyết rắc đầy lông cáo

Sông Dương Tử ám như ma dim chết đuối Động Đình...”

(Mao Trạch Đông)

Ông và thẳng vào mồm kẻ trí trá nói lấy được: “Yêu nước phải yêu CNXH” vì “CNXH là con đường mà Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn”:

“Đây là thứ chủ nghĩa chẳng có dây mơ rễ má gì với dân tộc Việt Nam ta cả. Mác từng tuyên bố lý thuyết triết học, lý thuyết kinh tế chính trị học của ông viết ra dựa trên cơ sở của triết học Đức, kinh tế Anh và nền chính trị Pháp, dựa trên cơ sở các chế độ tư bản của Anh, Đức, Pháp, Mỹ, Hà Lan... nên nó chỉ có thể áp dụng cho các nước tư bản này. Nhưng các nước tư bản trên khôn hơn Mác; họ đã quẳng học thuyết mộng du này của Mác vào sọt rác mà phát triển xã hội theo phương thức hòa bình với đấu tranh nghị trường và nền kinh tế tư nhân cạnh tranh lành mạnh! Ngay cả nước Nga phương Đông phong kiến cũng không nằm trong bản đồ của chủ nghĩa Mác. Còn các nước Trung Quốc, Việt Nam, Cuba, Bắc Triều Tiên... không những không nằm trong bản đồ của chủ nghĩa Mác, mà ngay cả sự nằm mơ cũng không thể tìm được nét gì tương đồng giữa lý luận của Mác với thực tại các nước trên. Việc đưa chủ nghĩa Mác vào áp dụng ở các nước mà Mác gọi là “phương thức sản xuất Á Đông” như Việt Nam, Trung Quốc, là một việc làm sai trái, lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia; giống như lấy thước đo của chim đại bàng Đức để đo đạc loài mèo Á châu vậy. Lý thuyết của Mác là một lý thuyết chủ quan, duy ý chí, hoàn toàn thiếu biện chứng, thiếu khoa học và rất duy tâm, nên các nước ông ta tiên đoán sẽ dùng lý thuyết thần kỳ của mình mà làm cách mạng vô sản trên toàn lục địa Âu châu đã hoàn toàn không xảy ra, mà lại xảy ra ở Nga, là một nước nằm ngoài bản đồ chủ nghĩa Mác, mới để ra quái thai lịch sử Stalin lấy giết người làm hành lạc.”(6)

Ông “đanh đá” quá, quyết liệt quá. Có lẽ chỉ ông mới dám thẳng thừng thế này:

“Bảo ĐCSVN là Tổ quốc Việt Nam khác nào các ông bảo con rận, con chấy đang ký sinh trên mình con người để hút máu người cũng là con người vậy!” (9)

Tôi từng bức bối, tìm lợm cái bọn trắng tráo vô luân dám ngang ngược tung hô “Mừng Đảng, mừng Xuân, mừng Đất nước”, “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với Dân” nhưng không dám, và cũng không tìm được cách nói vừa văn hoa, vừa đã đời như TMH.

Nhiều người chỉ mới nhận ra được bản chất huynh đệ tương tàn của cuộc chiến chống Mỹ, TMH xô toẹt cả cuộc kháng chiến chống Pháp:

“Năm 1945, nếu Việt Nam không có ông Hồ Chí Minh và ĐCSVN, thì nước Việt Nam vẫn giành được độc lập. Nên nhớ là sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, quân Nhật ở Đông Dương đã trao chính quyền, trao độc lập cho người bản xứ. Chính phủ thân Nhật của Trần Trọng Kim chính ra

đã là chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Nhưng vì Việt Minh đã nhanh chân hơn, tổ chức cướp chính quyền từ tay của chính phủ Trần Trọng Kim để tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945. Cuộc bầu cử đa nguyên đa đảng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 là một vết son trong lịch sử dân tộc. Nhưng sau khi ông Hồ Chí Minh ký hiệp định Fontainebleau, mời quân Pháp vào miền Bắc, thay quân Tàu Tưởng giải giáp quân Nhật, đã hoàn toàn phá tan chính phủ liên hợp đa nguyên đa đảng năm 1946, phân chia hai phái Quốc Cộng thế không đội trời chung.

... Cho đến năm 1951, sau đại hội đảng Lao động Việt Nam, ĐCSVN và Hồ Chí Minh đã Stalin hoá, Mao hoá cả cuộc kháng chiến chống Pháp, khiến hàng nghìn trí thức phải bỏ kháng chiến về thành. Lấy tính chất cộng sản (toàn những giáo điều bậy bạ) thay thế dần lòng yêu nước kháng Pháp chân chính (kiểu tướng Nguyễn Sơn, tướng Nguyễn Bình), cuộc kháng chiến chống Pháp về bản chất đã bị ĐCSVN & HCM phản bội, chuyển dần sang cuộc chiến ý thức hệ, gián tiếp đưng đầu với Mỹ thông qua hình thức Pháp; như là cuộc chiến mang tính “phép thử” giữa Trung Cộng, Nga Xô và Hoa Kỳ! Cho nên, ta dễ hiểu vì sao trên bàn hội nghị Geneve 1954, Chu Ân Lai đã ép Phạm Văn Đồng ký văn bản chia đôi đất nước, khiến ông Đồng ức quá mà khóc. Bởi Mao-Chu đã biến ĐCSVN thành công cụ, thành tay sai vì Mao-Chu chi tiền; mà luật chơi ở đời: kẻ nào chi tiền, kẻ đó là ông chủ...” (8).

Ông quyết liệt khi không thể không quyết liệt, ông có lúc quật đối phương xuống “bê đi một giò”, nhưng vốn có trái tim Lục Vân Tiên. Ông mạnh nhưng là Hào. Thậm chí đã từng rất nhút nhát:

“Anh đi hả?

Tôi trả lời cộc lốc:

- Đi! Oanh nhìn đó, súng ống đạn dược đủ cả.

Chính ra, lúc ấy, tôi cần phải ôm lấy nàng, để suốt đời không bị cái buổi tối buốt giá tháng mười hai ấy theo ám ảnh giày vò mãi.

Không hiểu vì rét hay xúc động, tôi thấy Oanh run lập cập.

Tôi đứng sát vào Oanh bên cạnh cái cột điện gầy như kẻ chết đói, nói rất nhanh, hỏn hển:

- Tạm biệt em.

Nói xong, tôi run bắn lên, như thể cục cao su bật ra khỏi chỗ đứng. ấy là lần đầu tiên tôi kêu nàng bằng em một cách nghiêm chỉnh và trang trọng như không khí của những ngày tháng ấy. Oanh nói như khóc trong tiếng gió bắc:

- Nhớ viết thư cho em.

Vừa nói Oanh vừa cầm tay tôi như nâng đỡ một đứa bé.

Bàn tay nàng ấm áp như con chim trốn tuyết của Pôn Galucô tôi vừa đọc, đã đậu vào tay tôi. Trong đêm tối của chiến tranh và giá rét, tôi nắm chặt lấy tay nàng, cúi xuống hôn ngấu nghiến vào từng ngón tay búp măng tuyết đẹp, rồi bỏ chạy như thể một kẻ chết đói cướp để ăn. Tôi nghe tiếng Oanh chạy đuổi theo sau lưng một đoạn mới chịu dừng lại, để nhòa vào bóng tối của đêm tháng chạp biệt ly rét đến nỗi, những thanh sắt bên đường han rỉ cũng phải quằn quại lên, cong queo lên” (10).

Ông thương từ con vạc: “Đừng trách con vạc/Sao mà ăn đêm/Chao ôi đồng đất/Ban ngày như nôm” đến “tiếng thờ dài của đêm tối ngoài vườn”:

“Tôi thấy mẹ khác nào mưa gió, suốt ngày cong như con tôm trên đồng cày cấy, mò cá, vạt tép, bắt cua, mót lúa...Tối về lại xay thóc, giã gạo, có khi không dầu đèn, mẹ vừa đốt thanh củi nhặt thóc trong rá gạo vừa ru đứa em năm tháng tuổi ngủ. Tiếng mẹ ru buồn cả đêm mưa, buồn lây cả tiếng tàu chuối khuya ngoài vườn. Những đêm quê hương xưa nỗi buồn không ngủ. Nỗi buồn đi ngoài đường như ma. Nỗi buồn len lén như sương ngoài ngõ. Nỗi buồn trong trời đất sâu xa như lặn vào hết tâm hồn tôi qua lời ru của mẹ, qua tiếng thờ dài của đêm tối ngoài vườn chuối mẹ thường ra núp thờ than” (11).

Ông rất kính Chúa (từng là cậu giúp lễ cho cha xứ vùng Bùi Chu), và vô cùng sùng ái Đức Phật:

“Chia tay các thần linh, chia tay ngại vàng thực tại, chia tay vợ và con trai mới sinh, chia tay hoan lạc trần gian, Đức Phật khoác trên mình tấm vải gai thực tại của thầy tu khổ hạnh, chân đất cô độc đi giữa vô minh để ăn mày chân lý, lách qua bạo tàn lừa dối, lặn ngụp trong chết chóc, trong đói rách nhân quần đang tìm ra phương pháp giác ngộ mà diệt trừ khổ nạn chúng sinh.

Minh triết của Đức Phật là một công án lớn vào bậc nhất nhân loại: nghỉ chơi với Thần Linh, vĩnh biệt các Niết Bàn (thiên đường) ảo tưởng...Ngài chỉ đường cho loài người: hãy tìm ra Niết Bàn trong chính mình, trong sự giác ngộ về vô ngã sắc sắc không không, từ bỏ tham sân si, từ bỏ hận thù, lấy ân báo oán sẽ diệt được Karma (nghiệp chướng), thoát vòng bể khổ bằng từ bi hỉ xả...Tôn giáo của Phật là tôn giáo con người: “ Phật là chúng sinh đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”. Ngài chỉ mang theo cái đuôi luân hồi của Bà – La – môn đến trú gốc bồ đề và tìm cách tu hành, đặng tiêu diệt nó...” (8).

Không chỉ tinh tế trong diễn cảm, TMH còn rất tinh tế trong lý luận khi giải thích rằng thi ca là hợp chất tác thành từ phản ứng hóa học giữa tư tưởng và cảm xúc mà những cơn đau chính là nhiệt độ, là lửa để tạo ra phản ứng thi ca (12). Ông có một định nghĩa thơ rất bác học: “Thơ chính là tuổi thơ của loài người còn sót lại”.

Ông càng tỏ ra vừa uyên thâm, vừa uyên bác khi bàn về tương quan minh triết-triết học mà khi đọc tôi liên tưởng được với một khái niệm vật lý học coi ête vũ trụ là môi trường phi vật chất lấp đầy toàn bộ không gian, trong đó sóng điện từ có thể lan truyền đi được.

“Vâng, minh triết đã có trước triết học, cảm quan về thế giới khả giác đã có trước cảm quan về thế giới khả niệm. Dù ngay cả khi triết học khủng hoảng, bị thời đại tri thức bỏ rơi, minh triết vẫn còn hằng sống với con người, là thái độ khôn ngoan lương thiện của con người trước thực tại; bởi minh triết bao giờ cũng là cặp tình nhân của đời sống; khác với bà dì ghẻ triết học chỉ thích đay nghiến và cao ngạo, lăm lăm nén thực tại vào những phạm trù, những khái niệm, những quy nạp, những diễn dịch, những hệ thống theo kiểu nén cà nén dưa, toan khái quát hóa cả ánh trăng và sương khói, toan làm cuộc hôn phối giữa thực tại và hư vô, đặng lục vấn hiện tồn bằng gương mặt cau có của lí trí còi xương...”

Tuy vậy, minh triết không tìm cách xung khắc với triết học mà đồng hành cùng triết học, bổ sung dưỡng chất thể xác và tinh thần cho nhà tu khổ hạnh triết học lúc sắp tàn hơi trên đường chinh phục ảo ảnh chân lý. Trên sa mạc triết học, minh triết có thể là những khóm mây hay thăng hoặc những cơn mưa. Khi dòng sông triết học phóng ra những ghềnh thác, hun hút chảy đến một nhòai, minh triết chợt hóa thân thành những chiếc hồ êm ả để dòng sông lý trí nghỉ ngơi, an ngủ... Và trong giấc ngủ đông của triết học, minh triết hầu như hiện thân thành những giấc mơ, những ngọn lửa sưởi ấm cả vô thức lẫn hữu thức. Ngọn lửa mà Héraclite từng coi như một biểu hiện của Logos, mang tinh thần biến dịch Thượng đế, hóa thân vào mọi hình thái sống và chết, thực và mộng, có và không...

Có thể nói, minh triết phần nào giống với linh hồn của triết học, dù triết học có chết đi, thì hồn vía của nó vẫn còn mãi với con người, đặng lúc tăm tối nhất, con người vẫn có thể xé lòng ngực mình, biến trái tim mình thành ngọn đuốc soi đường, như chàng Danco xưa của Gorki đã hóa thân thành ánh sáng, đưa đồng loại vượt qua cái chết đến sự sống...” (8).

Trần Mạnh Hào tự khai rằng vì lý lịch gia đình xấu, không được vào đại học nên không có bằng cấp cao, nhưng thiết nghĩ, các vị học hàm học vị đây mình kia hỏi làm sao sánh được với ông.

Hãy biết nhìn thực chất để thấy được ai đó là con người thế nào? kiến thức ra sao? chứ không phải họ có danh hiệu gì.

Chợt nhớ, có một ông nhà văn khăng khăng xuyên tạc rằng Nguyễn Thanh Giang không có bằng mà cứ mạo nhận là tiến sỹ. Ông ta coi tiến sỹ là cái gì ghê gớm lắm!

Hình như ông ta không hiểu rằng cái đáng xấu hổ của một người làm khoa học là không có công trình khoa học nào có giá trị chứ không phải là không được gọi là tiến sỹ; cũng như, cái đáng xấu hổ của một người cầm bút là không có tác phẩm nào ra hồn chứ không phải là

không được xưng danh “nhà văn” (khác với tất cả các nhà văn khác, ông này liên tục ghi chữ “nhà văn” trước tên mình!)

Những gì Trần Mạnh Hảo đã nói, đã viết đủ để người ta yêu quý ông như một nhà thơ thiên bẩm và nể trọng như một vị khoa bảng trứ danh.

*

Trần Mạnh Hảo sinh năm 1947 tại Nam Định trong một gia đình theo đạo Thiên Chúa, Khi mới 14 tuổi, thơ của ông đã được đăng báo. Ông từng giữ chức danh ủy viên Hội đồng Thơ Hội Nhà văn Việt Nam.

Trong cuộc chiến chống Mỹ, ông chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ. Từ năm 1973, ông về làm phóng viên, biên tập viên tạp chí Văn Nghệ quân giải phóng miền Nam và làm nghề viết văn, viết báo chuyên nghiệp.

Ông từng là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1989, bị khai trừ khỏi đảng vì án hành tiểu thuyết Ly Thân.

Là một nhà thơ, nhà văn kiêm nhà báo, từ 1974 đến nay Trần Mạnh Hảo đã xuất bản hơn 15 tập thơ, 4 cuốn tiểu thuyết, 5 tập lý luận phê bình văn học, 3 tập truyện thiếu nhi. Đặc biệt, loạt chính luận đặc sắc của ông đã giúp cải tạo nhận thức chính trị-xã hội, đóng góp tích cực cho công cuộc dân chủ hóa Việt Nam.

Hà Nội đầu xuân Nhâm Thìn

Rút trong cuốn “ĐÊM DÂY LẤP LẤP”

© Đàn Chim Việt

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

Sau khi báo "Người Lao động" đăng bài "Suy nghĩ về một bài thi văn ...lạc đề", giới thiệu bài tập làm văn của em Nguyễn Phi Thanh, lớp 11A18 trường THPT Việt Đức, Hà Nội trong cuộc thi học sinh giỏi văn không chuyên của TP. Hà Nội, bỗng trở thành một hiện tượng không chỉ trong ngành giáo dục mà còn là một hiện tượng xã hội, sau khi các tờ báo viết và các báo điện tử trong cả nước như VietNam.net, VNexpress.net, cũng như các báo viết, báo online khác đăng tải hàng trăm ý kiến bạn đọc ủng hộ (góp ý) với em Nguyễn Phi Thanh, phê phán lối dạy văn bằng "văn mẫu" giết chết sáng tạo... Chuyện này, không chỉ sôi sục trong nước mà còn tràn ra các trang web hải ngoại bằng việc nối mạng, làm chấn động người Việt Nam trên khắp thế giới.

Trước hết cần cảm ơn em Nguyễn Phi Thanh, đã dám dũng cảm viết bài tập làm văn trong kỳ thi học sinh giỏi văn, phản ứng lại đề thi và bài "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" trong cuộc thi học sinh giỏi văn của Hà Nội ngày 18-3-2005; đồng thời cũng cảm ơn báo "Người lao động" lần đầu tiên đưa vấn đề này lên báo, mới tạo thành sự bùng nổ của dư luận xã hội, phê phán cách giảng dạy môn văn khô cứng, một chiều, đơn điệu trong trường học hôm nay.

Trước hết, cần phải nói ngay rằng, thầy giáo nào ra đề thi cho cuộc thi học sinh giỏi văn của TP. Hà Nội năm nay là người chưa nắm được bản chất cái hay nơi tác phẩm: "Văn Tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" của Nguyễn Đình Chiểu; đề thi ra như sau: "Em hãy giới thiệu về đẹp của tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc".

Xin lỗi, với đề thi này, thử hỏi chính thầy ra đề thi liệu có làm bài được hay không? Ngay cả, với một nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ văn đang được "xóa mù tiến sĩ tới huyện" như bây giờ, chắc cũng đành cần bút ngòi chơi mà thôi. Bởi vì đề thi văn trên có thể là một đề thi cho luận văn tiến sĩ mỹ học, chứ sao lại biến thành đề thi học sinh giỏi văn lớp 11?

Nên nhớ là các em học sinh trung học chưa hề được học môn mỹ học. Các em làm sao mà biết được CÁI BI là một phạm trù của CÁI ĐẸP trong mỹ học.

Nói đến thể văn vần tế nói chung và nói đến bài văn tế này của Nguyễn Đình Chiểu là phải nói đến CÁI BI, CÁI HÙNG, tức chất BI TRÁNG của tác phẩm. Chất bi tráng trong tác phẩm này là sự than khóc, tiếc thương những người chân đất chống Pháp hi sinh, đồng thời qua nỗi thương khóc mà khơi lên tính chất anh hùng của các nghĩa sĩ.

Quan niệm CÁI BI trong mỹ học chưa được dạy trong nhà trường, nên nó không đồng nghĩa với VẼ ĐẸP văn chương nơi trình độ ban đầu tiếp nhận của học sinh. VẼ ĐẸP văn chương mà một học sinh lớp 11, 12 được dạy trong nhà trường là vẻ đẹp của tính lãng mạn trong tình yêu, trong cảnh thiên nhiên, trong tình cảm bay bổng, êm dịu giữa con người với Tổ Quốc, cha mẹ, đồng bào, đất nước, trong vẻ đẹp của nghệ thuật ngôn từ... TS. Lê Ngọc Trà trên Tuổi Trẻ thứ bảy 14-5-2005, thông qua việc chế đề thi này, cũng chế luôn cả lối dạy văn trong nhà trường hiện nay là khô khan, thiếu sáng tạo.

Như vậy, người ra đề thi văn trên đã lạc đề, đã không hiểu được chính tác phẩm văn tế trên, đúng như GS. Trần Thanh Đạm đã nói trên "Người lao động" 13-5-2005 : " Giảng dạy và học tập bài "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" phần nào đã vượt quá sức thầy trò nhà trường trung học phổ thông".

Một bài văn tế hay thuộc hàng kiệt tác như trên, vượt quá sức hiểu của thầy trò trường THPT như ý kiến GS. Trần Thanh Đạm, một thầy từng tham gia soạn sách giáo khoa văn trung học, sao vẫn để bài văn tế trên trong chương trình học văn lớp 11 ? Như vậy, ta cần phải hoan hô học sinh Nguyễn Phi Thanh, về bài làm văn : chế bài văn tế chưa hay và chế đề bài văn trên là kém, vì em đã nói thật ! Vì sao vậy ? Vì dạy như thế, ra đề như thế thì học sinh làm sao mà thấy VẼ ĐẸP của "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" cho được! Không thấy hay, không hiểu được CÁI HAY mà vẫn bắt học trò làm bài tập làm văn ra rả khen hay là là hội chứng DẠY và HỌC văn giả dối. Mà cái giả dối là cái phản văn học nhất. Nên việc nói thật ra ý nghĩ của mình là không thấy bài văn tế kia hay của em Thanh quả tình cần đưa vào chuyên đề thảo luận của quốc hội : rằng dạy văn mà học trò càng học càng không thấy môn văn HAY và HẤP DẪN, càng học văn càng sợ môn văn như phần lớn học sinh hiện nay, thì quả tình, chính nhà trường đã là nơi đầu tiên tạo mối nguy cho tinh thần NHÂN VĂN của dân tộc, của đất nước vậy ! Xin nhắc lại câu thơ của Chế Lan Viên : "Nguyễn Du viết Kiều đất nước hoá thành văn !"

Muốn biết một đất nước, một dân tộc hưng thịnh hay suy vong, người ta nhìn vào học sinh nước đó YẾU hay GHÉT môn văn ! Thời thuộc Pháp, nước ta mất mà học trò các cấp vẫn yêu nhất môn VIỆT VĂN; đấy là dấu hiệu HƯNG TỊNH của dân tộc, dấu hiệu của lòng dân yêu nước vẫn âm ỉ sục sôi, thế nào cũng dấy lên làm cách mạng lấy lại đất nước. Còn hiện nay, nước ta độc lập rồi, mà sao học trò lại sợ môn văn hơn sợ cọp thể ? Đ ây có phải là dấu hiệu suy vong của dân tộc này, đất nước này hay không ? Một học sinh lớp 11 thuộc hàng giỏi văn, được đi thi học sinh giỏi văn toàn Hà Nội như em Nguyễn Phi Thanh, lại nói thẳng ra trong bài thi rằng, em chẳng thấy "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" hay ho ra sao, thì có phải là dấu hiệu của tinh thần dân tộc đang suy vong trong lớp trẻ ; hay là do môn văn được dạy trong nhà trường đã giết chết chính thẩm mỹ tiếp nhận văn học nơi học sinh? Ăng - ghen, nhà tư tưởng Đức, người đồng sáng lập ra chủ nghĩa Mác-Ă ng-ghen, từng nói : " Ngôn ngữ Ai-Len là linh hồn của dân tộc Ai-Len". Như vậy, ngôn ngữ Việt Nam, hay nói rộng ra là văn học Việt Nam, những kiệt tác của thơ như thơ Lý Trần, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Gia Thiều, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Đình Chiểu...chính là linh hồn của dân tộc Việt Nam vậy ! Mà dạy văn chính là quá trình truyền vào tâm hồn con trẻ cái thẩm mỹ văn chương, cái linh hồn ông cha; để rồi đến lượt mình, chúng lại truyền sang các thế hệ con cháu chúng toàn bộ HỒN VĨA CHA ÔNG nấu mình trong văn chương. Nếu học sinh Việt Nam hiện nay không thấy

được CÁI HAY, CÁI ĐẸP trong văn học, trong tâm hồn ông cha thì tác hại của nó sẽ vô cùng to lớn, ảnh hưởng đến ngay cả sự tồn vong của dân tộc và đất nước Việt Nam trong tương lai.

Cái lỗi này, còn đổ cho ai được nữa, chính là cái lỗi của NỀN GIÁO DỤC = BỘ GIÁO DỤC, lỗi của sách giáo khoa dạy văn và các thế hệ thầy giáo dạy văn đang đứng lớp. Nghĩa là vấn đề của MÔN VĂN trong nhà trường hiện nay không ổn, đang là một vấn nạn ; thay vì hướng dẫn học sinh tiếp cận với cái hay, cái đẹp của tác phẩm, lại đẩy các em ngày càng xa với tâm hồn cha ông giấu trong trang sách; ví dụ như bài " Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" thuộc hàng kiệt tác văn chương dân tộc, mà em Thanh -một học sinh giỏi văn của Hà Nội, không biết nó hay ở chỗ nào, thì thà ĐỪNG DẠY MÔN VĂN TRONG NHÀ TRƯỜNG còn hơn là dạy kiểu giết chết sáng tạo như hội chứng dạy theo VĂN MẪU hiện nay. Từ năm 1994 đến nay, chúng tôi (TMH) đã viết hàng trăm bài báo phê bình lối dạy văn sai lạc của các sách giáo khoa văn trung học. Những bài phê bình sách giáo khoa văn của chúng tôi đã in trên khắp báo chí trong Nam, ngoài Bắc, in trong 4 tập tiểu luận phê bình của chúng tôi : " Thơ phản thơ", "Phê bình phản phê bình", " Hầu chuyện các giáo sư" và " Văn học-phê bình-tranh luận"...Năm 2000, Bộ Giáo Dục &Đ ào Tạo đã cho sửa chữa lại sách giáo khoa văn trung học, gọi là sách "chỉnh lý và hợp nhất", có sửa hàng trăm lỗi theo sự phê bình của chúng tôi đã chỉ ra trước đó. Các vị giáo sư soạn sách giáo khoa đã tiếp thu phê bình, sửa cái sai cũ , nhưng lại sinh ra hàng trăm cái sai mới ngay trong SGK văn trung học đang được giảng dạy hiện nay.

Ví dụ như bộ sách giáo khoa dành cho miền Bắc do các giáo sư Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội soạn, trong đó có phần giảng dạy về tác giả-tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu do GS. Nhà giáo Nhân Dân Nguyễn Đình Chú soạn, đã mắc những sai lầm hết sức hệ trọng; làm như chính GS. Nguyễn Đình Chú chẳng có sự hiểu biết sơ đẳng nào về Nguyễn Đình Chiểu cả. Đến nỗi, ngay trong sách giáo khoa chính dành cho học sinh lớp 11, GS. Chú đã nhầm câu thơ hay nhất của Nguyễn Đình Chiểu : "Bởi chưng hay ghét cũng là hay thương" thành ra thơ Xuân Diệu, thì thử hỏi việc dạy Nguyễn Đình Chiểu của Bộ Giáo Dục trong nhà trường còn hơn cả sự đùa cợt, quá sức tầm bậy và vô trách nhiệm. Suốt từ năm 1991-2000 cái nhầm chết người THƠ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU NHẦM THÀNH THƠ XUÂN DIỆU trong chính sách giáo khoa Văn 11 của Bộ GD&ĐT dạy về chính Nguyễn Đình Chiểu, vẫn cứ để nguyên, vẫn không ai phát hiện ra, thì thử hỏi nhà trường có phải là nơi dạy môn văn chân chính hay không ? Xin dẫn chứng, CÁI NHẦM CHẾT NGƯỜI của SGK trích trang 30, sách giáo khoa Văn 11, NXB Giáo Dục 1991, do GS. Nguyễn Đình Chú soạn, viết nguyên văn như sau : [...Theo em, hai câu thơ : "Quán rằng ghét việc tầm phào / Ghét cay ghét đắng ghét vào tận tâm" có những gì đáng quý (cả về mặt văn chương). Chú ý, từ hai câu thơ này, Xuân Diệu đã viết : " Bởi chưng hay ghét cũng là hay thương"]. Chính là nhờ chúng tôi (TMH) phê bình, nên các giáo sư và Bộ GD&ĐT mới biết rằng câu thơ hay nhất của Nguyễn Đình Chiểu kia không phải là câu thơ của Xuân Diệu đấy !

Bài giảng về Nguyễn Đình Chiểu trong SGK chỉnh lý hợp nhất đang dạy hiện nay cũng lại do GS. Nguyễn Đình Chú soạn, nên nó còn vô vàn những cái sai không sao hiểu nổi. Xin bạn đọc tìm đọc bài phê bình của chúng tôi : "Bài về Nguyễn Đình Chiểu trong sách giáo khoa chỉnh lý hợp nhất hay chuyện thật như đùa" in trong cuốn " VĂN HỌC-PHÊ BÌNH-TRANH LUẬN" của Trần Mạnh Hảo, NXB Lao Động -2004. GS. Nguyễn Đình Chú gần như hiểu sai rất nhiều từ trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu nơi SGK. Ví dụ từ " tà" trong câu " Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà" giáo sư cũng giảng sai " tà" cần hiểu như CHÍNH -TÀ, như sau : "TÀ : xiên xẹo, không ngang thẳng"... " Viết văn là đâm kẻ gian tà, đâm mấy cũng không xiên xẹo". Sách giáo khoa VĂN 11 đang dạy cho cả nước hiện nay còn giảng sai hàng chục từ ngữ trong các bài văn thơ Nguyễn Đình Chiểu.

Xin trích ra đây một đoạn giảng văn mẫu của sách giáo khoa văn 11 (trích trong sách hướng dẫn giáo viên-Văn học 11- NXB Giáo Dục 6-2000) do GS. Nguyễn Đình Chú viết, trích

lại từ bài phê bình của chúng tôi trong sách đã dẫn, như sau : ["Trong việc giảng giải văn bản nghệ thuật, trước hết cần tránh thái độ dung tục hoá, thô thiển hoá, tán nhảm hoá tác phẩm khi phân tích. Rất tiếc, trong phần giảng dạy về Nguyễn Đình Chiểu, tác giả Nguyễn Đình Chú đã nhiều lần mắc phải nhược điểm này. Ví dụ đoạn văn dưới đây trong bài "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" : "Đau đớn bầy ! Mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều; não nùng thay ! Vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ"; được tác giả phân tích, giảng giải dung tục, thô thiển trong "Sách Văn 11-giáo viên" trang 28, một lối giảng văn khó tin, cũng là chuyện thật mà như đùa, như sau : "...Mẹ đã mất con thì dù trẻ mấy cũng thành già hết (mẹ già). Con dù lớn đến mấy, khỏe đến mấy trong tình thương của mẹ vẫn là trẻ cả (khóc trẻ). Vợ đã mất chồng thì dù có khỏe bao nhiêu cũng là vợ yếu. Cách tạo hình, tạo cảnh để gợi cảm tối đa : mẹ khóc con không phải lúc nào mà lúc đêm khuya, không phải ở nơi nào khác mà ở trong lều. Vợ tìm chồng không phải lúc nào khác mà là lúc bóng xế...". Đoạn văn trên nên xếp vào loại văn hài thì đúng hơn là văn của sách giáo khoa..."]

Chính là vị giáo sư đầu ngành Nguyễn Đình Chú, người tham gia SOẠN SÁCH GIÁO KHOA VĂN CHO HỌC SINH CẢ NƯỚC học còn không có khả năng hiểu nổi VỀ ĐẸP của "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" như thế, thì một học sinh lớp 11 như em Nguyễn Phi Thanh (học sinh giỏi văn) làm sao có thể thấy tác phẩm này hay được? Với cơ chế dùng người dốt, lại vô trách nhiệm để soạn sách giáo khoa văn như thế này, thử hỏi, BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO có phải là nguyên nhân chính phá huỷ thẩm mỹ văn chương của học sinh cả nước, đang tạo ra vấn nạn và nguy cơ cho toàn dân tộc từ cái lối DẠY VĂN PHÁ VĂN này hay không ? ..

Thành phố Sài Gòn 15-5-2005

Đêm giao thừa nhớ mẹ

Tùy bút

Thật hạnh phúc cho những ai ngoài tuổi tri thiên mệnh vẫn còn có mẹ, để ngày tết còn niềm nương tựa và an ủi lớn nhất trong đời. Mẹ ngồi đó, tóc bạc như hoa mơ hoa mận, bên nồi bánh chưng quây quần con cháu. Trong mắt mẹ, tôi dù bao nhiêu tuổi vẫn cứ là trẻ thơ, vẫn còn nằm trong tã lót của tình mẹ thuở lọt lòng. Và đêm giao thừa, trước ngọn lửa, mẹ đồng nghĩa với tuổi thơ tôi. Ôi những ngày thơ bé, những tết nghèo thơm nức ổ rơm, chiều ba mươi tết tôi như con chó con ngòi bên mẹ, cùng mấy đứa em xem mẹ làm bếp, ngồi chờ ăn tốp mỡ. Ngoài trời, mưa bụi bay như sương, thi thoảng gió xuân mang hơi lạnh mùa đông còn sót lại sột soạt ngoài đầu hè, tiếng lá chuối khô cọ vào nhau nghe như tiếng đồng tiếng sắt. Tôi mê những ngày tết có rét, có mưa bụi bay, có hoa cải vàng ngoài vườn và bướm trắng dẫn đường con trẻ chạy.

Có khi sáng ba mươi tết mẹ còn ra đồng cấy nốt đám ruộng xa để cho cây lúa cũng được ăn tết như người. Tôi dẫn ba đứa em, cuốn áo bông vào rụt rịt như những khúc giò vừa bó, thập thò như cua cáy ngoài ngõ chờ mẹ về chuẩn bị tết nhất. Tôi chạy ra sông, sông trốn vào sương mà lừng lững nước. Tôi chạy ra đồng, gió bắc tưởng tôi là lá khô, cứ thổi như thẳng bé chín tuổi không còn trọng lượng. Tôi sợ, chạy về nhà, úp mặt vào ổ rơm mà gọi mẹ. Tiếng lợn bị chọc tiết hú như còi đầu đó trong làng làm mấy anh em càng sốt ruột. Mẹ vẫn còn khuất sau màn mưa phùn gió rét ngoài đồng, cây vôi đám lúa kịp mùa xuân. Thế rồi trưa ba mươi tết mẹ từ ngoài đồng về, vừa đi vừa chạy như gió bắc, môi tím ngắt, rét run cầm cập, chưa kịp rửa đôi chân lấm bùn đã chạy vội sang hàng xóm chia phần thịt lợn. Tôi chạy ra vườn lòi thanh củi ướt vào cho mẹ nhóm bếp. Bếp lửa là tâm điểm của ngày tết. Khói cuốn lấy mấy mẹ con như

dây buộc. Lửa ấm làm mặt mẹ hồng hào rạng rỡ. Bếp lửa và niềm vui con cái trả lại tuổi trẻ cho mẹ.

Ngoài vườn, trước bờ ao, hoa đào đang tự sưởi ấm mình bằng những chấm hoa vừa hé đỏ như than hồng. Bướm ong rét quá tìm đến đốm lửa hoa mà sưởi. Tôi ngồi bên mẹ canh nồi bánh chưng mà vợ vẫn thương gió bắc không có mẹ nên phải tha phương cầu thực đầu đường xó chợ. Tự nhiên ngủ gật, tôi mơ thấy mẹ bị gió bắc cuốn mất, hoảng hốt tỉnh dậy, dùng hai tay trẻ con ôm chặt lấy mẹ như hai sợi lạt buộc ghè bó lúa. Mẹ vẫn ngồi đó, lửa ấm làm má người đồ hồng thì con gái, tóc buông phủ bờ vai như một miếng bóng đêm vừa đặc lại đen nhánh. Tôi rúc đầu vào nách mẹ như chú gà con, làm mẹ bị nhột bật cười. Các em tôi lăn ra ổ rơm bên cạnh ngủ như lợn con. Thỉnh thoảng, gió rét đập cửa như có ý xin vào sưởi ấm.

Mẹ tôi mười bảy tuổi đã phải về làm dâu với muôn vàn cơ cực. Mẹ bị bà nội bắt nạt, sai khiến còn hơn con ở. Mỗi lần cực quá, mẹ chạy ra vườn, núp vào khóm chuối khóc thút thít, tự lấy nước mắt mình an ủi mình. Mẹ bảo vì khi có mang tôi, mẹ hay khóc, sợ con sau buồn nên lúc tử thân, lúc đau khổ cứ phải tự mình đóng kịch, đóng vai người suốt ngày chỉ biết tươi như hoa, giả là cười, giả là nói, giả là vui. Riết rồi lộng giả thành chân, mẹ cứ tưởng đời mình chưa hề buồn khổ, chưa hề bị hành hạ. Đến nỗi khi bụng mẹ chửa kèn càng, còn bị mẹ chồng nọc ra sân dùng roi đánh, đau quắn móng nhưng vẫn phải lễ phép xin lỗi và cảm ơn mẹ chồng vì mình được ăn roi. Rằng con xin ăn thêm năm đến mười roi nữa mới xứng tội ạ...Đời con gái mẹ qua đi với những trận đòn, với những lần chửa đẻ chẳng hề biết thế nào là hạnh phúc. May mà có đám cào cào châu chấu là chúng mày an ủi mẹ, thương mẹ.

Có những khuya cả nhà ngủ cả, mẹ bảo nhỏ vào tai tôi như thế. Có lúc, mẹ tử thân, lặng đi, đoạn ôm lấy bốn đứa con còn bé dại hỏi : chúng mày có thương mẹ không ? Lũ lợn con chúng tôi cùng hét to : thương ! Mẹ sung sướng hôn chúng tôi rồi cười ứa nước mắt. Cả lũ tí teo thấy mẹ khóc, sợ quá cùng khóc theo.

Tôi thấy mẹ khác nào mưa gió, suốt ngày cong như con tôm trên đồng cây cày, mò cá, vạt tép, bắt cua, mót lúa...Tối về lại xay thóc, giã gạo, có khi không dầu đèn, mẹ vừa đốt thanh củi nhặt thóc trong rá gạo vừa ru đứa em năm tháng tuổi ngủ. Tiếng mẹ ru buồn cả đêm mưa, buồn lây cả tiếng tàu chuối khuya ngoài vườn. Những đêm quê hương xưa nỗi buồn không ngủ. Nỗi buồn đi ngoài đường như ma. Nỗi buồn len lén như sương ngoài ngõ. Nỗi buồn trong trời đất sâu xa như lặn vào hết tâm hồn tôi qua lời ru của mẹ, qua tiếng thở dài của đêm tối ngoài vườn chuối mẹ thường ra núp thở than.

Tôi lớn lên, đi học. Một gánh mồng tơ bầm tím vai mẹ ra chợ chưa đổi được thếp giấy. Tôi đòi cây bút máy. Mẹ phải đi mò cá hàng chục đêm tôi mới có cây bút máy Hồng Hà. Rồi tôi đi lính. Nửa đêm về sáng tiễn tôi ra bến xe lên đường đi vào cõi...tử, mẹ cố không khóc. Nhưng ra đầu ngõ, mẹ không bước được nữa. Mẹ ngã gục vào gốc cây bàng. Tôi ngoái nhìn thấy mẹ ôm chặt gốc bàng như thể muốn tôi thành một gốc cây đầu ngõ vậy. Tôi ù té chạy, sợ quay lại sẽ không thể đi khỏi cái xã quê hương mình, nơi cán bộ xã đầy đọa tôi vì lý lịch, không cho đi đại học, bắt ở nhà làm tổ trưởng gánh phân bắc (phân người), phải đút lót mười con gà mới được gọi nhập ngũ... Tôi đi mà lòng luôn ở bên Mẹ. Tôi không dám đôn mẹ mình lên thành quê hương, thành đất nước. Mẹ chỉ là mẹ tôi thôi, như khoai lúa người cho tôi ăn, như nguồn sữa vật chất và tinh thần người nuôi tôi mãi mãi...

Đây là chuyện của mấy mươi mươi năm xưa. Giờ đây, tôi ngồi thấp nén hương trước ảnh mẹ. Khói nhang như tóc mẹ từ thế giới hư vô còn rụng về đôi ba sợi cho tôi tưởng vọng. Mẹ trên tấm ảnh chừng vẫn rét, vẫn cứ đội khăn len và mặc áo len. Trong Sài Gòn này tết đỏ mồm hôi. Mẹ ngồi trên bàn thờ vẫn rét, vẫn cứ là không gian của bờ bãi sông Hồng ngày tết. Con đâu kiếm được mưa phùn quán quít, bọc lấy ngọn gió xuân như quê ta mà dâng mẹ lúc này.

Mẹ tuy già nhưng tươi tắn nhìn tôi như sắp mỉm cười, như muốn nói với tôi rằng mẹ vẫn hiện hữu trên đời bằng chính thân xác và tâm hồn tôi, vẫn sống trong hoài niệm, trong ký ức con cái, xóm giềng.

Rằng mấy đứa con chính là di tượng của mẹ còn sống động, còn bay nhảy trên mặt đất. Tôi không hề ngủ gật và nằm mơ như thuở xưa. Nhưng gió bắc đã đến và thổi bay mẹ tôi đi về cõi khác mất rồi. Người Việt mình có câu :” Sinh dữ, tử lành”. Ngày tết, trước giao thừa, là dịp chúng ta tưởng nhớ đến cha mẹ, ông bà đã khuất. Mẹ đã hóa thành nấm cỏ xanh ngoài đồng vắng sau làng. Cỏ ấy ngày xưa mẹ từng dạy tôi cầm liềm cắt về nuôi trâu ăn lấy sức kéo cày. Nay mẹ lại biến thành nấm đất nuôi cỏ xanh. Chỉ có điệu kèn để là ở mãi bên mẹ để cử hết bản nhạc này đến bản nhạc khác, những bài ca Requiem, kinh cầu hồn của tạo vật.

Bây giờ mẹ thờ bằng nhịp triều lên xuống của con sông chảy qua làng, toả kênh mương mà nối với nơi mẹ nằm. Cua cáy lại đến nhờ nấm đất mẹ mà trú ngụ. Ngày xưa còn trẻ, suốt ngày mẹ ở ngoài đồng, ngoài bãi, ngoài sông tìm cái sống dưới bùn đất nuôi chúng tôi. Giờ nằm xuống, mẹ lại ở ngoài đồng cả đêm ngày, ở mãi mãi, chung nhà với cua cáy, cá tôm. Tôi từng làm đóm mạ chạy ra đồng, xách giỏ cua đờ mẹ. Con cua cắp để lại càng trên tay, lên bờ, lặng người, rứt càng cua ra khỏi tay rồi mẹ mới ngồi đau. Đôi bàn tay búp măng của mẹ lúc nào cũng đầy vết cua cắp, vết ngạnh cá trê đâm, vết gai từ các chà cá cào xước. Những móng tay, móng chân mẹ nào có được sơn son đỏ như phụ nữ đô thị bây giờ. Tôi thương nhớ màu phù sa quánh phèn sơn trên móng chân, móng tay mẹ từ thuở còn thiếu nữ cho đến lúc về với đất. Mẹ tôi đã hóa phù sa, hóa mưa phùn, hóa bếp lửa, hóa ngòong cải vàng hoa lấm tẩm bướm, hóa gió xuân ửng ửng cành đào, hóa thăm thăm mù tằm...

Dù tôi có đưa tay ra ngoài nghìn dặm cũng không với tới mẹ nữa. Tóc bạc rồi tôi vẫn là đứa trẻ mồ côi. Mồ côi cả gió bắc, mưa phùn, cả nén hương trên bàn thờ viếng mẹ dù xúm xít đứng chung cả cụm vẫn cứ mồ côi. Và tôi lại trở thành con trẻ, đang đi một mình giữa làng, chợt thỉnh linh gọi mẹ. Và tôi, lại trở thành anh lính trẻ xa nhà lần đầu, mười tám tuổi rồi mà nửa đêm còn nhớ mẹ ứa nước mắt. Và tôi, lại trở về nằm trên võng dưới hầm mùa mưa Bà Rá đêm tránh bom B.52, sốt rét ác tính quật tưởng chết, vừa thở hắt ra vừa gọi mẹ để già từ...Và tôi, sẽ mãi là cậu bé con lấm lem đất cát ngồi đầu ngõ đợi mẹ đi chợ về để được chia quà. Mẹ đi chuyến chợ vô biên này, tôi ngồi chờ hết năm này qua năm khác, mà mẹ ơi sao mẹ chẳng về ăn tết ?

Giao thừa đến rồi đó mẹ. Ở phía bên kia của cuộc sống, mẹ không cần ai mừng tuổi đâu. Mẹ từng bảo chúng con rằng, trước khi các con chào đời, các con ở đâu vậy, chả đứa nào có tuổi, chả đứa nào biết mình sẽ là thằng Hảo, con Hình...Vâng, sau này, chắc chắn tôi lại về nơi ấy, nơi trước khi sinh ra, tôi đã chết hàng tỉ tỉ năm rồi vậy. Mẹ đã đưa tôi từ cái chám mờ trong hỗn độn sự chết mà xuất hiện thành hình hài của nỗi sống. Giờ mẹ lại về nơi từng vớt tôi lên từ bể hư vô. Nơi con người bước vào cuộc đời, vất vả cực nhọc kiếm sống, hạnh phúc, khổ đau rồi lại trở về, như những đứa con về với mẹ vĩnh hằng.

Cõi ấy không có nồi bánh chưng chụm bằng gộc tre già đượm lửa. Cõi ấy không có những đứa trẻ xúng xính trong bộ quần áo mới, bắm vạt áo mẹ đi chúc tết bà con hàng xóm mừng tuổi. Sợ cõi ấy chỉ có Niết Bàn, chỉ có Thiên Đường vui hơn tết, không kiếm đâu cho mẹ một chút khổ đau, một chút buồn tủi mà nhớ đến chúng con, nhớ đến kiếp người, nhớ đến thời con gái mẹ phải ngậm bồ hòn làm ngọt, ăn toàn nỗi đau mà sinh nở hạnh phúc cho kẻ khác.

Nhưng mẹ ơi, cái thế giới vui buồn sướng khổ này, dù mẹ con mình mỗi người chỉ đến một lần thôi, song mưa phùn gió bắc, hoa xuân bướm vàng, bánh chưng, mắt lá răm, dưa hành và câu đối đỏ tình nghĩa lấm, quý hóa chúng ta lấm, cứ muốn níu chúng ta ở chơi hết tết này đến

tết khác, đừng bỏ giao thừa lại cho ai đó ngồi thấp hương tưởng niệm mà tội thay cho người còn sống. Mẹ từng dạy con phải nén và giấu nỗi buồn riêng vào tâm hồn, để khoe niềm vui ra cho mọi người cùng hưởng như hoa đào ngày tết. Thế mà con lại giải bày nỗi buồn thiếu mẹ trên mặt blogs xuân phút đón giao thừa. Ấu cũng là một cách giúp cho những ai còn có Mẹ trên đời biết rằng, Mẹ chính là mùa xuân, là ngày tết của tâm hồn chúng ta vậy.

Sài Gòn những ngày tết tha phương cầu thực

(Nguồn: Dân Làm Báo, Jan 19, 2012)

Hiện tượng sám hối

Trong lần nói chuyện với Mặc Lâm đài RFA, nhà văn Trần Mạnh Hảo người đã bị cho ra khỏi đảng CS và đui khỏi biên chế nhà nước nói về “Hiện tượng sám hối” của những người cộng sản phản tỉnh đã giác ngộ trước những việc làm sai lầm trong quá khứ, có người đã can đảm sửa sai, có người mới chỉ dám nói lên sự thật, nhưng dù sao họ cũng đã nói lên được *cái sai* của họ để cho mọi người suy ngẫm. Và nhà văn Trần Mạnh Hảo phân tích:



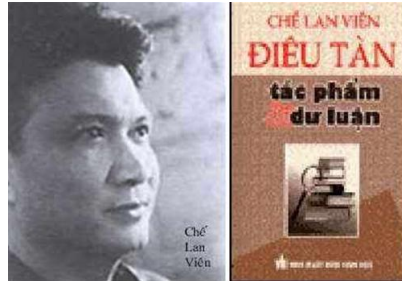
Trần Mạnh Hảo

“Theo tôi thì chuyện người ta già, người ta về hưu, khi nhìn thấy cõi chết thì người ta thường quay lại kiểm điểm cuộc đời và con người dù tàn ác đến đâu thì tạo hóa cũng cho một chút xíu lương tâm có thể nó đã ngủ quên cả cuộc đời, nhưng khi về già, khi gần chết thì nó thức tỉnh. Chút xíu đom đóm lương tâm đó lập lòe *trong tâm hồn con người mà cả đời họ làm ác, có thể nó thức tỉnh, nó làm cho người ta ân hận sám hối*, cho nên người ta nói lên sự thật, nói lên những điều thật nhất mà suốt đời không có cơ hội để nói...



Nguyễn Văn An

“Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An là một người suốt cuộc đời theo cộng sản nhưng khi nghĩ hưu rồi thì cũng phải nói lên sự thật. Thà ông như vậy tôi có thể trọng ông ấy hơn là những người cứ cầm miệng suốt cả cuộc đời vì lương tri trong người họ không trở dậy. Nói cho cùng khi lương tri không thức tỉnh trong tâm hồn họ thì họ sống cả cuộc đời không lương tri, không lương thiện” (RFA online ngày 7-1-2012)



Thi sĩ Chế Lan Viên, trong cuộc đời đi theo cộng sản đã là một người tích cực tạo ra cái nghiệp là có biết bao người vì nghe lời ông khuyến dụ nên đã bỏ thầy nơi chiến địa mà công trạng của họ sau này không được ai đoái hoài. Nhà thơ đã bị mặc cảm tội lỗi ray rứt.

“Có một điều đáng kinh ngạc là Chế Lan Viên có thể là người duy nhất thừa nhận rằng do những dòng thơ tuyên truyền ca tụng của ông mà hàng ngàn con người đã chết trong Mậu Thân. Đây có thể nói chính xác là lời sám hối của một người có lương tri dám nhìn sự thật về tác hại của những lời giả dối của mình trong thơ ca...”

“Ai ? Tôi !”

Mậu Thân 2.000 người xuống đồng bằng
Chỉ một đêm, còn sống có 30
Ai chịu trách nhiệm về cái chết 2.000 người đó ?
Tôi !
Người viết những vần thơ cổ võ.
(Thơ của CLV)
(RFA online ngày 12-1-2012)

Cũng trong trận tổng tấn công Tết Mậu Thân ở Huế năm 1968, Lê Minh, người tư lệnh chiến trường đã có can đảm nhìn nhận trách nhiệm, nhưng rồi không biết ông Lê Minh có nhận hình phạt nào tương xứng với tội lỗi của mình bằng hành động cụ thể hay chỉ có sự cắn rứt của lương tâm với vài dòng trong hồi ký !?

Những hình ảnh thể thảm khi khai quật các hầm chôn tập thể ở Huế

TẤT CẢ ĐỀU BỊ ĐẬP BÈ ĐẦU bằng cán cuốc rồi lấp vội dưới cát

● MỘT PHỄ BINH CỤT HAI CHÂN CỨNG BỊ HẠ SÁT

SAIGON 11-4. - Các vụ khám phá liên tiếp những hầm chôn xác thể nạn nhân biến cố Tết Mậu Thân ở Huế đã làm xáo xáo dư luận, làm nổi lòng đống bão trong toàn quốc. Phái viên Việt Tân Xã đã tường thuật chi tiết những vụ khai quật các hầm trên như sau:

Ủy ban truy tìm nạn nhân của biến cố Tết Mậu Thân, trong hai ngày 7 và 8 tháng 4 năm 1969 đã tìm được thêm 96 xác chôn tập thể tại vùng liên ranh giữa hai thôn Đông Di và Đông Sơn thuộc Quận Phú Thới, Thừa Thiên.

tuổi, nguyên là quân nhân. Hiện người dân bà này còn một người trong gia đình mất tích. Đó là ông Nguyễn Văn Mỹ, chồng bà Nguyễn Thị Ba tìm được xác thân nhân là ông Hòa Thạo, Trưởng

Theo thông cáo của Ủy ban truy tìm và an táng nạn nhân bị VC thảm sát trong biến cố Tết Mậu Thân, hiện nay mới chỉ có 99 xác được thân nhân nhận đem về mai táng. Số còn lại, kể cả những xác rớt được

“Tôi thấy cần phải nói đến một điều đáng buồn. (Về) Sự tang tóc trong *biến cố Mậu Thân 1968* (...) Còn lại một mặt của vấn đề, việc trừng trị những người có tội ác với nhân dân (sic) đã nổi dậy. (...) Rốt cuộc là đã có những người bị xử oan trong chiến tranh. Dù lý do thế nào, trách nhiệm vẫn thuộc về lãnh đạo, trong đó có trách nhiệm của tôi”.

Có những người khi còn trẻ đã hăng hái theo đảng CSVN như ông Nguyễn Hộ, từng là một đảng viên kỳ cựu, thấy rằng cái đảng mà mình tích cực phục vụ đã không như hoài bão của mình lúc tham gia nên sau khi về hưu, ông cùng một số đồng chí thành lập “*Câu Lạc Bộ Những người Kháng chiến cũ*” ở Sài Gòn, lên tiếng chỉ trích chính quyền cộng sản nên đã *bị bắt*. Khi được thả ra, ông tuyên bố *từ bỏ đảng*. Trong lời mở đầu cuốn “*Quan điểm và cuộc sống*” ông viết:

“Tôi làm cách mạng trên 56 năm, gia đình tôi có 2 liệt sĩ..., nhưng phải thú nhận rằng chúng tôi đã chọn sai lý tưởng: cộng sản chủ nghĩa. Bởi vì suốt 60 trên con đường cộng sản ấy, nhân dân Việt Nam đã chịu hy sinh quá lớn lao, nhưng cuối cùng chẳng được gì, đất nước vẫn nghèo nàn lạc hậu, nhân dân không có ấm no và hạnh phúc, không có dân chủ tự do. Đó là điều sỉ nhục!”. (RFA online ngày 4-7-2009)



Cụ nhạc sĩ Tô Hải, một nhạc sĩ tài hoa với “*Nụ cười sơn cước*” sau bao nhiêu năm là một đảng viên tích cực “*đổi mình, đổi người*” cảm thấy mình *hèn* nên cụ đã giải bày tâm sự trong “*Hồi ký*”

của một thằng hèn” và sửa lỗi bằng việc cụ đã tích cực viết bài “xét lại chống đảng” vì cụ cho rằng:

“Còn tôi, ở cái tuổi ngoài 70, chẳng còn gì để mất, lại được sự cổ vũ của một số lớn bạn bè, tôi cứ “nổ” khi có điều kiện...55 năm miệng bị lấp khóa kéo, nay đã già, đã về hưu, có chia sẻ với bạn đọc những hồi ức của đời mình thì cũng chẳng cần phải e ngại các lời ong tiếng ve rằng mình vì tư lợi, muốn kiếm chác cái gì đây!”. (HKCMTH trang 53)

“Quan trọng hơn, tôi đã nhận ra cái nhục của một thằng suốt đời ăn theo, nói leo, nói dối, đã nhìn thấy bộ mặt thật của cái chủ nghĩa cộng sản bất lương mà tôi đi theo một cách vô tình và bất đắc dĩ, không dám rời bỏ nó”.



Bằng ý thức và hành động phản tỉnh tích cực nhất là luật gia Lê Hiếu Đằng, nguyên Phó chủ tịch MTTQ Tp Sài Gòn, ngày trước ông đã tham gia “cộng sản” chống lại chính quyền Sài Gòn, nhưng rồi sau 45 năm theo đảng CSVN, ông đã “sám hối” qua bài viết “Ai biến chất chính trị...” với lời thống thiết như sau:

“Viết đến đây, tôi cảm khái ngược mặt lên trời và than rằng: “lịch sử ời, sao chơi trò trớ trêu và cay đắng quá vậy. Ta đi chống chế độ cũ đàn áp nhân dân, nay ta lại gặp cảnh cũ như là trong cơn ác mộng !...”

“Nhân dân Việt Nam trải qua biết bao hy sinh của các thế hệ để mong ước có một chế độ xã hội tốt đẹp hơn nhưng nay lại có nhiều điều còn tệ hơn chế độ cũ”.

Sau khi ông Lê Hiếu Đằng viết bài “ Suy nghĩ trong những ngày nằm bệnh” thì liên tiếp bị các cây viết “lề đảng” hè nhau đánh hội đồng túi bụi mà điển hình là Thơ ký tòa soạn báo Đại Đoàn Kết Hà Trọng Nghĩa qua bài “Khi người bệnh sám hối”:

“Không ai muốn bệnh, nhưng nếu “sám hối” trên giường bệnh một cách tiêu cực sẽ là rất không nên”.

Và Linh Nghĩa, của báo Công An online thì cho rằng:

“...ông Lê Hiếu Đằng gọi hành động sám hối của mình là “Tính số” với đảng CSVN...”

“Nội dung đoạn này chủ yếu Lê Hiếu Đằng kể về “lòng yêu nước của mình” nhưng thực chất là *sám hối*...”

“Tự mãn về thành tích trong quá khứ, phủ nhận, bỏ qua thành quả cách mạng, sự hy sinh của đồng bào, đồng chí, ca ngợi chế độ cũ, sám hối về chính trị, chia rẽ nội bộ lãnh đạo đảng...”

Cùng một tâm trạng với những người đã từng tham gia vào đảng CSVN, ông Nguyễn Trung, nguyên Đại sứ của CSVN tại Thái Lan và Úc trả lời phỏng vấn của hai phóng viên Lê Ngọc Sơn và Phương Loan đăng trên tờ Sinh Viên Việt Nam ngày 26-12-2008 bày tỏ nỗi lòng như sau:

“Nếu được phép nói thẳng thắn suy nghĩ của tôi về chính thể hệ mình, xin thưa: Trong sự chuẩn bị cho thể hệ trẻ hôm nay trước thách thức mới của đất nước, thể hệ đi trước – trong đó có tôi – đã phạm nhiều lỗi lầm, làm cho thể hệ trẻ ngày nay của đất nước ta bị chậm trễ. Cá nhân tôi thực sự ăn năn về điều này.

“Tôi cho rằng thể hệ chúng tôi đã phạm không ít lỗi, do nhiệt tình cách mạng, do sự bất cập” .

Hai anh em ông Huỳnh Nhật Hải, Phó chủ tịch UBND Tp Đà Lạt và Huỳnh Nhật Tấn, Phó giám đốc trường đảng CS Lâm Đồng, là gia đình có truyền thống cách mạng, nhưng sau bao nhiêu năm tham gia hai ông đã thấy được sự sai lầm của mình nên đã từ bỏ đảng CS và đã tâm sự với Bác sĩ Phạm Hồng Sơn như sau:



pro&contra: Hai anh em, ông Huỳnh Nhật Hải sinh năm 1943, ông Huỳnh Nhật Tấn sinh năm 1946, là những người, vào cuối năm 1988, đã cùng nhau tự ra khỏi Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) đồng thời từ bỏ luôn những chức vụ đang đảm nhiệm kèm theo những tiềm năng rất lớn về quyền lực, quyền lợi: Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành

phố Đà Lạt kiêm Thành ủy viên (đối với ông Huỳnh Nhật Hải) và Phó Giám đốc Trường Đảng tỉnh Lâm Đồng kiêm Tỉnh ủy viên dự khuyết (đối với ông Huỳnh Nhật Tấn). Điều gì đã khiến hai đảng viên cộng sản đầy tiềm năng của một gia đình có truyền thống cách mạng từ trước năm 1945 lại có quyết định chia tay cách mạng khi sự nghiệp “cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước” đã thành công hoàn toàn?

Huỳnh Nhật Hải: “Bây giờ nhìn lại con đường chúng tôi đã đi trước 1975 là một con đường sai lầm. Sự nhiệt huyết lúc đó của chúng tôi đã đem lại bất hạnh hơn là hạnh phúc cho dân tộc”.

Huỳnh Nhật Tấn: “Tôi có lỗi với dân tộc. Chính cái hăng hái, nhiệt huyết của tôi đã góp phần dựng nên chế độ CS độc tài hiện nay, đã vô tình đem lại sự đau khổ hiện nay...tôi cũng đã vô tình góp công sức đưa những người mang danh “cộng sản” nhưng thực chất là vì quyền lực tới phá bỏ một chế độ đã được xây dựng trên những căn bản về tự do, dân chủ và nhân bản tại miền Nam Việt Nam”.

Hiện tượng sám hối trong đảng CS được tên Nguyễn Phú Trọng đặc biệt quan tâm nhất là trong bài phát biểu về xây dựng, chỉnh đốn đảng mà ông đọc ở Hà Nội ngày 27-2-2012 như sau:

“Có người công khai bày tỏ ý kiến trái với Cương lĩnh, Điều lệ đảng, làm trái nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, thậm chí có người “sám hối”, “trở cò”, tình trạng tham nhũng, quan liêu, xa dân, tổ chức không chặt chẽ, nhiều nguyên tắc của đảng bị vi phạm”.

Theo nhà văn Trần Mạnh Hào thì có những quan chức cao cấp cộng sản khi còn đương chức đương quyền thì ngậm miệng chẳng dám nói ra, khi về hưu nhưng lương tâm còn cắn rứt nên mới dám thốt lên lời sám hối muộn màng. Những người cộng sản tử tế thì đã sám hối, còn đảng cộng sản thì chưa, Phó thủ tướng Trần Phương nêu thắc mắc:

Trần Phương

“Nhưng đảng cộng sản VN của chúng ta từ khi sinh ra đến giờ toàn *nói dối* mà không biết tại sao đảng không biết ngượng, không biết xấu hổ, không biết sám hối ?”.

Hiện tượng sám hối Mặc Lâm, biên tập viên RFA

Trong chương trình VHNT hôm nay Mặc Lâm tiếp chuyện nhà văn, nhà phê bình văn học Trần Mạnh Hảo về hiện tượng nhiều lãnh đạo cao cấp của Đảng Cộng sản Việt Nam lên tiếng phủ nhận những gì mà họ theo đuổi trong suốt hơn nửa thế kỷ, trong đó không thể không kể đến hai khuôn mặt của văn học nước nhà là nhà văn Nguyễn Khải và nhà thơ Chế Lan Viên.



Nhà văn Trần Mạnh Hảo. RFA file photo.

Trước tiên xin tóm lược một ít chi tiết về quá trình làm việc của nhà phê bình văn học Trần Mạnh Hảo. Theo như ông kể thì ông sinh năm 1947 tại Nam Định. Lúc nhỏ Trần Mạnh Hảo theo cha xứ đi giúp lễ và học kinh sách giáo lý chủng viện công giáo. Lớn lên đi học, vì lý lịch xấu không được vào đại học.

Năm 1975 ông từ rừng Lộc Ninh về Sài Gòn, ra khỏi lính làm báo dân sự. Năm 1982 vì viết bài thơ “Cho một người nằm xuống” để khóc Nguyễn Hồng ông bị treo bút ba năm. Năm 1989, in tiểu thuyết Ly Thân, ông bị cho ra khỏi đảng, đuổi khỏi biên chế nhà nước.

Trần Mạnh Hảo đã xuất bản trên dưới 30 đầu sách. Tuy nhiên từ 10 năm nay các bài viết của ông bị cấm in trên báo lề phải, không được xuất bản sách trong nước. Trần Mạnh Hảo thú nhận hiện nay ông chỉ còn viết trên Internet cho vui... Trần Mạnh Hảo cũng khẳng định rằng ông không làm chính trị mà chỉ làm văn học, làm sứ mệnh thiêng liêng của người cầm bút là nói lên, viết lên sự thật.

Thực tình

Mặc Lâm: Xin cảm ơn ông Trần Mạnh Hảo, câu hỏi đầu tiên có lẽ xin ông cho biết tại sao lúc gần đây lại có hiện tượng rất nhiều cán bộ cao cấp và văn nghệ sĩ nổi tiếng đã phát ngôn hay sáng tác nói lên những điều mà nhiều năm trước đây không ai dám nghĩ là sẽ xuất hiện trong chế độ toàn trị của đảng cộng sản Việt Nam?

Trần Mạnh Hảo: Theo tôi thì chuyện người ta già, người ta về hưu, khi nhìn thấy cõi chết thì người ta thường quay lại kiểm điểm cuộc đời và con người dù tàn ác đến đâu thì tạo hóa cũng cho một chút xíu lương tâm có thể nó đã ngủ quên cả cuộc đời nhưng khi về già, khi gần chết thì nó thức tỉnh. Chút xíu đom đóm lương tâm đó lập lòe trong tâm hồn con người mà cả đời họ làm ác, có thể nó thức tỉnh, nó làm cho người ta ân hận sám hối cho nên người ta nói lên sự thật, nói lên những điều thật nhất mà suốt đời không có cơ hội để nói.

Về hưu mới dám nói thật



Tổng bí thư Nông Đức Mạnh (giữa), cựu Chủ tịch nước Võ Chí Công (trái), và Cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt (phải) tại hội nghị BCH đảng CSVN lần thứ 9. AFP PHOTO.

Mặc Lâm: Cũng có người tiếc rẻ khi những phát ngôn của nhiều cán bộ cao cấp tung ra quá chậm, khi họ đã về hưu do đó không còn tác động gì lớn lao đối với hệ thống như khi họ còn tại chức, đương quyền...

Trần Mạnh Hào: Cái chuyện đó tôi cho là cũng rất bình thường vì trong một xã hội toàn trị như Việt Nam thì những người là cán bộ cao cấp họ không có dịp nói thật khi họ cầm quyền, vì nói thật ở Việt Nam là nguy hiểm vô cùng. Bởi vì cái hệ thống chính trị của họ là một hệ thống chính trị thật sự xa rời mục tiêu của sự thật.

Ví dụ như ông Võ Văn Kiệt đã lên tới Thủ tướng chính phủ, khi ông ấy làm Thủ tướng ông ấy không dám nói thật nhưng khi về hưu rồi mới dám nói thật. Ông nói thật một điều rất tâm huyết rằng ngày 30 tháng Tư là cái ngày có một nửa nước vui, một nửa nước buồn. Một triệu người vui thì có một triệu người Việt Nam buồn. Ông ấy nói câu ấy là quá đúng. Những người miền Nam Việt Nam hồi đó họ thua trận họ vẫn có lý tưởng rất là tốt đẹp phục vụ đất nước, dân tộc. Nhưng thua trận nên họ buồn và còn bị bắt đi tù đầy hàng loạt... họ buồn là đúng chứ sao bắt họ vui cho được?

Ông Kiệt đã nói lên một sự thật mà sự thật này khi đang làm thủ tướng ông ấy không thể nói được cho đến khi về hưu mới nói được sự thật này. Chính việc nói lên sự thật này dần dần ông sẽ nói ra các sự thật khác cho nên rất nguy hiểm cho tính mạng của ông ấy.

Cái chuyện đó tôi cho là cũng rất bình thường vì trong một xã hội toàn trị như Việt Nam thì những người là cán bộ cao cấp họ không có dịp nói thật khi họ cầm quyền, vì nói thật ở Việt Nam là nguy hiểm vô cùng.

Mặc Lâm: Còn chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An thì sao thưa ông?

Trần Mạnh Hào: Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An là một người suốt cuộc đời theo cách mạng, theo cộng sản nhưng khi nghỉ hưu rồi thì cũng phải nói lên sự thật. Thà ông như vậy có thể tôi trọng ông ấy hơn là những người cứ cầm miệng suốt cả cuộc đời vì lương tri trong người họ không trỗi dậy. Nói cho cùng khi lương tri không thức tỉnh trong tâm hồn họ thì họ sống cả cuộc đời không lương tri, không lương thiện.

Ông Nguyễn Văn An nói như thế này, Ông bảo hiện giờ không cải tạo được đất nước vì cái sai lầm là của hệ thống mà muốn thay đổi cho đất nước tiến lên thì phải thay cái hệ thống cộng sản này.

Mặc Lâm: Còn riêng về Phó thủ tướng Trần Phương thì sao?

Trần Mạnh Hào: Ông Phó Thủ tướng Trần Phương là một người cũng tận tụy đi theo cách mạng. Làm đến Phó Thủ tướng nhưng khi các ông ấy ngồi lại để góp ý cho đảng thì ông ấy nói rằng cuộc đời trong mỗi cá nhân chúng ta để vượt qua những sự kiện quan trọng trong đời mà

cứ phải nói dối người thân, nói dối gia đình, nói dối mọi người đến mấy lần thì khi về già đã thấy gương, thấy xấu hổ lắm. Nhưng đảng cộng sản của chúng ta từ khi sinh ra đến giờ toàn nói dối mà không biết tại sao đảng không biết gương, không biết xấu hổ, không biết sám hối. Đây là một cán bộ cao cấp khi về hưu đã nói như thế.

Bi kịch Đi tìm cái tôi đã mất



Nhà thơ Chế Lan Viên và tác phẩm “Điều tàn”, NXB Văn học.

Mặc Lâm: *Riêng về văn nghệ sĩ thì sao thưa ông?*

Trần Mạnh Hảo: Giới văn nghệ sĩ rất nhiều anh em đã nói nhưng nổi bật nhất vẫn là ông Nguyễn Khải và Chế Lan Viên. Ông Nguyễn Khải là một nhà văn đi theo cách mạng từ năm 1945 là con một tri huyện mà là con một bà vợ hai nên khi theo cách mạng ông khai là không có cha để tránh việc bố ông ấy là quan huyện. Quê cha ông ở Nam Định nhưng ông khai quê mẹ ở Hải Dương và không có cha. Cha ông ấy sau này đến năm 54 thì di cư vào Sài Gòn. Ông Nguyễn Khải là một nhà văn rất trí thức mặc dù ông chỉ học chưa hết trung học của thời Pháp nhưng ông ấy chịu đọc và suy nghĩ viết lách rất giỏi và rất thông minh. Cả cuộc đời ông ấy viết theo mệnh lệnh của đảng. Tất nhiên những cuốn sách ông ấy viết đã lách ra khỏi hệ thống một tí mà bây giờ người ta gọi là lè trái.

Trong sách ông ấy viết về lè phải nhưng khi mở ra người ta thấy đây là lè trái trong đó. Tức là cái lè phải là lè của đảng cộng sản còn lè trái là lè của những người bất đồng.

Trước khi chết ông Nguyễn Khải có viết mấy bài, sau khi ông ấy chết mới tung ra rất là sâu sắc. Nói chung là ông ấy viết một cách trí thức chứ không phải chửi bới vớ vẩn. Bây giờ ai vào trong Google đánh chữ Nguyễn Khải đều hiện lên những bài của ông ấy nói về những đau đớn của ông ấy như bài “Đi tìm cái tôi đã mất” hay là “Nghĩ muộn”. “Đi tìm cái tôi đã mất” ông lấy trường hợp của bản thân ông, một con người sinh ra đời, đi tìm chân lý, đi tìm sự thật đã thấy sự thật, chân lý mà không dám vô! Bởi vì đi vào thì sẽ bị tù, sẽ bị bắt sẽ bị giết. Một sự đau đớn vô cùng của một trí thức.

“Đi tìm cái tôi đã mất” ông lấy trường hợp của bản thân ông, một con người sinh ra đời, đi tìm chân lý, đi tìm sự thật đã thấy sự thật, chân lý mà không dám vô! Bởi vì đi vào thì sẽ bị tù, sẽ bị bắt sẽ bị giết.

Nhà văn Trần Mạnh Hảo

Cả bài “Đi tìm cái tôi đã mất” của ông Nguyễn Khải cuối cùng ông ấy kết luận là: Đảng cộng sản nên trả chính quyền cho nhân dân, đã cướp chính quyền của nhân dân rất lâu rồi hãy trả lại cho nhân dân cái quyền đã đánh mất. Các quyền tự do, dân chủ tất cả phải trả lại cho dân. Ông ấy còn nói về thân phận đau đớn của người cầm bút trong chế độ cộng sản mà không dám nói lên sự thật.

Sự thật nó đến nhà nó ở trong tâm hồn mình. Chân lý nó nằm trong tâm hồn mình mà mình sợ, mình run rẩy không dám nhận nó. Mình run rẩy bảo nó rút đi vì nói ra bị tù bị tội rồi vợ con sống làm sao? Đi ăn mày à?

Cả cuộc đời ông Nguyễn Khải ông ấy viết trong sự sợ hãi. Ông ấy bảo làm người mà như con gián thì làm sao thành người được? Nếu quý vị đọc bài này của Nguyễn Khải thì quý vị thấy cái đau đớn vô cùng của người cầm bút trong chế độ cộng sản. “Đi tìm cái tôi đã mất” là một bài viết tôi cho là rất trí thức, rất uyên bác, rất hay. Nói về thân phận của người cầm bút trong một chế độ toàn trị. Trong một chế độ mà không ai dám nghĩ đến sự thật, chân lý. Vì nghĩ đến sự thật, nói đến chân lý thì sẽ bị giết. Đây là bi kịch lớn của chúng ta trong giai đoạn vừa qua.



Nhà văn Nguyễn Khải. Photo courtesy of Quê Choa.

Mặc Lâm: Theo chúng tôi biết thì trước đây ông Nguyễn Khải rất thân tình với ông, có kỷ niệm gì giữa hai ông mà ông cảm thấy cần chia sẻ với thính giả hôm nay hay không?

Trần Mạnh Hảo: Tôi là người đã từng là đàn em thân thiết của Nguyễn Khải. Có những năm ông Nguyễn Khải vào Sài Gòn ở ba tháng trời trong nhà tôi và khi tâm sự với tôi thì ông ấy không nói dối điều gì cả. Ông nhận ra tất cả mọi cái nhưng không dám viết ra. Ông ấy tâm sự với tôi và ổng khóc. Lúc ấy Sài Gòn mới giải phóng vài ba năm ông ấy vào nhà tôi tại một chung cư văn nghệ sĩ ở Sài Gòn. Ông ấy ở với tôi, có ông Lê Lựu nữa.

Có những đêm anh em tâm sự với nhau mà ổng khóc. Bởi vì con người ông Nguyễn Khải có học ổng đọc sách, tiểu thuyết tiếng Anh tiếng Pháp thoải mái và ổng rất uyên bác. Một con người như thế thì họ đau đớn là phải, vật vã là phải thôi. Phải viết những điều mình không muốn bởi viết những điều mình muốn mình tâm huyết thì không được in mà có in ra thì cũng tai bay vạ gió.

Cho nên ông Nguyễn Khải đau cái đau thân phận làm con người trong một chế độ toàn trị, không cho người ta tự do viết, trong khi mình là người cầm bút là nhà văn.

Ông bảo nhục nhã lắm, đau đớn lắm. Những bài viết như “Nghĩ muộn”, “Đi tìm cái tôi đã mất” Nguyễn Khải viết để trối lại cho đời sau, đọc thấy cay đắng và đau đớn vô cùng.

Mặc Lâm: Xin chia sẻ một điều tôi rất lấy làm lạ là tại sao Trần Mạnh Hảo lại nói được, chẳng hạn như bây giờ, mà Nguyễn Khải lại không nói được? Có phải giai đoạn này nói lỏng tự do ngôn luận hơn hay chẳng?

Đau đớn như vậy, chết rồi mới dám nói ra sự thật, chết rồi mới dám sám hối. Đây là một bi kịch đau đớn của người cầm bút.

Nhà văn Trần Mạnh Hảo

Trần Mạnh Hảo: Nguyễn Khải không ở trong tư thế nói như tôi được vì tính cách của ông ấy khác. Ông ấy theo cộng sản từ năm 45 đến giờ và đã đi hết cuộc đời rồi cho nên ông ấy muốn nói với hậu thế cái điều thật nhất của ông ấy. Ông viết ra rồi ông bảo gia đình ổng sau khi ổng chết thì mới công bố.

Trong đám tang của Nguyễn Khải thì người ta mới biết bài viết của anh, được gửi cho những người trong đám tang và họ đưa lên mạng. Đau đớn như vậy, chết rồi mới dám nói ra sự thật, chết rồi mới dám sám hối. Đây là một bi kịch đau đớn của người cầm bút.

Nếu anh không có lương tri anh cứ cầm bút như một bồi bút thì suốt cuộc đời anh không biết hổ thẹn, anh không biết ân hận thì những người đó tôi không bàn đến.

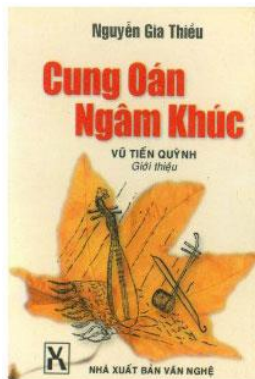
Mặc Lâm: Thưa ông Trần Mạnh Hảo rất tiếc là thời gian của chúng ta hôm nay không còn nữa, chúng tôi biết một nhân vật nữa mà thính giả chúng ta đang chờ nghe vì sự có mặt của ông ta dưới mái nhà trường của cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam. Ông là một hiện tượng trong phong trào thơ Mới và sáng tác khi tuổi còn rất trẻ. Chỉ 16 tuổi ông ta đã nổi lên như một ngôi sao sáng qua tập thơ “Điều Tàn” với bút hiệu cũng lạ lùng và ấn tượng là Chế Lan Viên. Xin đề nghị chúng ta sẽ dành một chương trình đặc biệt để nói về nhà thơ Chế Lan Viên, về những sáng tác sau cùng của ông với những nhận thức mà theo nhiều người cho rằng một sự sám hối với chính mình. Xin cảm ơn nhà văn Trần Mạnh Hảo về chương trình hôm nay, xin cảm ơn quý vị thính giả đã quan tâm theo dõi.

Phụ đính:

Nguyễn Gia Thiều – hồn thơ ấy, chiếc phao trên cạn...

Khi tiếp cận một số tác gia văn học lớn thời phong kiến như Nguyễn Trãi, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Huy Tựa, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương... hầu như giới nghiên cứu văn học “quy phạm” ở nước ta đều dùng khái niệm “trung đại” (trung cổ) là phạm trù văn hóa khu biệt của phương Tây để làm hệ quy chiếu đo đạc, thậm chí còn làm phương pháp luận tiếp cận nữa.

Chính sự lầm lẫn “lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia” trong phương pháp luận ấy đã dẫn đến những đánh giá khá sai lạc về 9 thế kỷ văn học dân tộc thời phong kiến của ông cha ta. Chúng tôi xin vứt bỏ cái kính chiếu yêu trung cổ – kính viển vông kia để nhìn nhận các tác gia văn học thời phong kiến của ta dưới một cái nhìn khác, không phụ thuộc vào những định kiến hay những bùa chú, những công cụ tiếp cận gông cùm linh kinh ngoại lai nào. Trước hết, chúng tôi xin đề cập tới một đại tác gia: Nguyễn Gia Thiều.



Có lẽ, đại thi hào Nguyễn Du, người kém Nguyễn Gia Thiều 25 tuổi, kém Đoàn Thị Điểm 51 tuổi, là người đã từng mê đắm *Chinh phụ ngâm* và *Cung oán ngâm khúc*? Vì vậy, trong *Truyện Kiều*, chúng ta còn gặp đâu đó hồn lục bát Nguyễn Du phảng phất khói sương, hơi hương hai kiệt tác trước đó. Ví phỏng như không có *Chinh phụ ngâm* và *Cung oán ngâm khúc*, liệu ngày nay chúng ta đã có một tuyệt tác như đang có trên tay: *Truyện Kiều* không? Nhất là tư tưởng, tình cảm thẩm mỹ của Nguyễn Gia Thiều đã ảnh hưởng đến hồn lục bát Nguyễn Du hơn cả. Đoàn Thị Điểm phải nhờ vào bản Hán văn của Đặng Trần Côn, Nguyễn Du dựa vào cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân mới thành hồn Việt, tiếng Việt tuyệt vời. Nguyễn Gia Thiều không cần vịn tạm vào cây cầu Hán tự, hay mượn lối Trung Hoa mà Việt hóa hồn người. Ông viết trực tiếp bằng chữ Nôm, bằng tiếng Việt, một thứ tiếng Việt rất dài các hàn lâm, rất thâm sâu

thông tuệ: “**Trải vách quế gió vàng hiu hắt**“, kết hợp với tiếng Việt bình dân, vừa hoa hòe cổ nội, vừa muối mặn gừng cay, rất đời thường dung dị: “**Lau nhau ríu rít cò con cũng tình**“. Chỉ vồn vẹn 356 câu thơ song thất lục bát, diễn tả nỗi lòng ai oán của cung nữ mà tỏ bày chuyện nhân tình thế thái, chuyện trời đất, tử sinh của thân phận làm người; *Cung oán ngâm khúc* quả là một kiệt tác được thể hiện với một nghệ thuật thơ trắc việt, xuất chúng, mang tính tư tưởng và thẩm mỹ vào loại cao sang nhất, sâu sắc nhất, mỹ lệ nhất trong kho tàng văn học cổ Việt Nam.

Nguyễn Gia Thiều mượn tâm trạng cung nữ mà nói chí hướng mình, mượn mình mà đối chất, ỉ ôi ta thán thời thế, mượn thời thế mà vẫn vợ nghĩ ngợi kiếp người, mượn kiếp người mà đối thoại, âu ơ cùng trời đất, mượn trời đất mà rong ruổi nỗi hư không, mượn hư không mà an ủi, xẻ chia nỗi buồn cung nữ. Chính vì vậy, mỗi câu thơ của bậc thiên tài không chỉ đa ngữ nghĩa, đa tầng đa vỉa như vân gỗ trong cây chò chỉ nghìn năm, mà còn nghĩa ở ngoài nghĩa, chữ ở ngoài chữ, tư tưởng ngoài tư tưởng, như khói sương ngoài lại khói sương. Vì vậy, khi đọc *Cung oán ngâm khúc*, chúng ta không chỉ phải dùng thị giác, thính giác, tri giác, cảm giác, trực giác mà còn phải huy động cả linh giác, huệ giác, vô giác, thiên địa giác, tổng hợp lại trong mơ hồ THI GIÁC mới có cơ gặp được hồn thơ bách tuế thiên tuế này. Ví dụ như khi đọc câu thơ huyền nhiệm này của Ôn Như hầu: “**Cái quay búng sẵn trên trời / Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm**” mà chỉ tựa vào “cái quay” luân hồi sắc không, bào ảnh Phật giáo, hoặc tiêu dao vô vi với “người đi đêm” áo gấm Lão Trang kia cũng chưa thấu được bờ bến câu thơ. Chừng như cái huyết, cái rốn, cái thần của câu thơ mang mang rất đạo này lại nằm trong một động từ “búng” rất bé, rất đời, rất ngẫu nhiên ; như thể trên biển cả vô cùng của thế giới đèn cù hư ảnh, vang lên rất đanh, rất sắc một tiếng con tôm nhân tình chọt búng tanh tách. Và cái quay Phật giáo kia, cái “người đi đêm” kia, hóa ra chỉ là trò búng con quay của đứa trẻ con – tạo hóa có tên là thi ca. Một cái búng tay tí tẹo thi ca lại có thể mở khép được cái vô cùng, chạm vào cái lênh đênh, như chạm vào cái Không của Phật và cái Vô của Lão, hóa giải nỗi siêu hình bằng nghịch ngợm nhân sinh. Từng câu thơ của bậc thi hào là một khối thống nhất các mâu thuẫn lớn trong quy luật đồng nhất, phản phục, thoát có, thoát không, lúc thủy, lúc hỏa, vừa có nghĩa lại vừa phản nghĩa, như trong phân tử vật chất đã mang sẵn hạt phản vật chất, trong sự sống nào cũng mang sẵn một mầm chết. Chính vì vậy, dùng phương pháp luận cắt lát của phê bình văn học nặng về xã hội học, phê bình lý trí hay phê bình trực giác, phê bình đạo đức học, ngôn ngữ học, phê bình phân tâm học, phê bình cấu trúc... đối với *Cung oán ngâm khúc* e rằng chưa thể tất.

Phê bình xã hội học từ bấy nay đã chỉ ra rằng *Cung oán ngâm khúc* tố cáo chế độ phong kiến tàn bạo, vô nhân đạo, chà đạp tình yêu hạnh phúc con người. Cái chế độ tự nhiên đi bắt hết con gái đẹp thiên hạ vào một cung cấm như tù chung thân, cho một người sợ nắng sợ gió, hom hèm, bệnh hoạn gọi là vua độc quyền hưởng lạc, bảo không ác sao được? Đúng quá. Lại bảo tác phẩm này đầy tính nhân đạo chủ nghĩa. Nhà thơ bệnh vực, cảm thông, chia sẻ với nỗi buồn đau, nỗi khát vọng hạnh phúc, nỗi tuyệt vọng về tương lai của hàng trăm cung nữ, nhất định là thương người quá đi chứ. Đúng quá. Lại bảo nghệ thuật của thi phẩm này cao siêu, tuyệt vời. Vì hơn hai trăm năm nay rồi, những áng thơ còn rung động, xúc cảm hàng triệu con tim yêu hồn Việt ngữ ông cha. Lại đúng quá. Mà đúng cả với *Chinh phụ ngâm*, *Truyện Kiều* và thơ Hồ Xuân Hương nữa. Phải phê bình phân tâm học thì dùng ông Freud để lý giải tình cảm bị ức chế tình dục của các cung nữ và ngay cả với Nguyễn Gia Thiều, người bị coi là quan hoạn, nên mới tạo ra nỗi khổ, nỗi thèm khát, nỗi hay đầy cảm giác nhục tính của tác phẩm. Nghe ra, cũng có vẻ có lý. Người khác cho rằng, Ôn Như Hầu là đệ tử của Phật, của Lão, trình bày cuộc đời như các cung nữ bị ông vua tạo hóa nhốt chơi, khổ lắm, nhục lắm, mất tự do lắm, nên khuyên ta phải tìm vào cửa Không, cửa Vô mà lánh cho qua bề trần gian. Lại có vẻ đúng. Có người chứng minh Ôn Như hầu yếm thế, chán đời. Có người lại bảo không, bên ngoài thì thở vắn than dài thế thôi, nhưng bên trong còn ham hố lắm, còn yêu đời lắm, còn hy vọng, thèm khát ái ân lắm, cầu mong ơn mưa móc cứu trùng lắm... Phê bình duy mỹ thì bảo: vứt hết những cái đó đi, chỉ lấy cái mỹ lệ văn chương làm tiêu chuẩn thôi, tuyệt đẹp từng câu,

từng chữ. Rồi phê bình hình thức, phê bình ngôn ngữ học, phê bình trường ngôn ngữ... đều lỗi thiên tài Ôn Như hầu về phía mình như honda ôm giành khách. Trong *Cung oán ngâm khúc* có tất cả những điều trên và còn nhiều điều hơn nữa, nhưng hình như rồi chẳng có một điều nào cả. Kia hàng trăm cung nữ thở than, đau khổ, ám ảnh chuyện mây mưa, hy vọng, tuyệt vọng, rồi níu lấy Phật, lấy Lão, níu cả ông Không, thậm chí níu cả ông Táo, ông Tơ như người chết đuối bám cọc. Nghĩa là trong 356 câu thơ song thất lục bát, ta thấy hiện lên cả một thế giới người khổ ái xin tan hòa vào thế giới thần thánh như mực mong hòa trong nước để được sống đời chữ nghĩa. Nhưng rồi quay đi, quay lại, thoát biên đâu như đèn cù, chẳng còn ai. Cả người đọc thơ bồi hồi, rơi lệ một lúc cũng biến đi. Chỉ còn một mình nhà thơ lặng lẽ trong từng câu chữ, ép hồn vào trang giấy như con bướm khô mà gánh chịu bề khổ kiếp người, gánh chịu cả cái không đâu vô cùng của triết học và tôn giáo. Khiếp quá. Cô đơn quá. Sầu thảm quá. Khi các cung nữ khóc than khản giọng thì nhà thơ lên tiếng, phủ nổi buồn vạn cổ lên cỏ cây, lên muôn vật, thậm chí lên cả hậu thế nữa: **“Phong trần đến cả sơn Khê / Tang thương đến cả hoa kia cỏ này”**. Câu lục bát hay đến róm rộ hai thế kỷ thi ca. Chừng như nỗi “phong trần, tang thương” của dân tộc suốt hơn hai trăm năm qua chưa đi hết câu thơ thần diệu này của Ôn Như hầu? Tưởng như chỉ dùng hai câu thơ trên cũng có thể bình được hồn thơ Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, bà Huyện Thanh Quan...thuở ấy. Câu lục bát kia bảo nó là tâm hồn thời đại thì cũng là đệ nhất tâm hồn, bảo nó là tư tưởng thời đại thì cũng là đệ nhất tư tưởng.

Có thể nói, Ôn Như hầu là nhà tư tưởng lớn nhất của thi ca Việt Nam từ trước tới nay. Tất cả tư tưởng của thi hào đã được hồn vía hóa, Việt hoá, thi ca hoá. Thân gỗ của cây triết học, thần học cứng ngắc, khô khan qua cảm hứng thi ca Ôn Như hầu, đã trở hoa tư tưởng. Thi ca đã biến triết học trong ông thành mỹ học, biến bộ óc tràn đầy sách vở kinh điển, già giặn, siêu hình, siêu việt của ông thành nỗi oe oe chào đời tơ non của trái tim con người. Ngay cả nỗi thống khổ trần gian đi qua thi ca ông cũng thành đẹp thế, cảm động và ngây thơ thế, thương thế: **“Thảo nào khi mới chôn nhau / Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra”**. Câu thơ thuần Việt, không một từ Hán chen vào, dung dị như nhọ nồi rau má mà sâu thăm thẳm những vực cùng đỉnh. Con người ra đời phải chăng vì sợ quá mà cất tiếng khóc đầu tiên? Tiếng khóc ấy như một tiếng hét báo hiệu, báo nguy, báo thức, báo yên và báo động. Khi tư tưởng được phát giác bằng thi hứng, bằng trực cảm, bằng hình ảnh, hình tượng ngôn từ, tư tưởng ấy sống động và bền vững mãi. Trẻ sơ sinh kia sao giống hệt thi ca, vừa ra đời đã cất tiếng khóc? Tiếng khóc ấy phải chăng chính là tiếng hát đẹp nhất của con người trên mặt đất? Ôi chao, loài người sẽ thế nào đây, nếu mỗi chúng ta vừa ra khỏi bụng mẹ đã hí lên cười hênh hếch đến méo mó cả phận mình? *Cung oán ngâm khúc* quả tình đã trở thành một trong những “tiếng khóc ban đầu” của tinh thần văn hóa Việt. Con người sơ sinh – thi ca đã đi qua tiếng khóc thứ nhất dữ dội của mình một cách bi tráng để sợ như thế, phỏng còn tiếng khóc nào, nỗi thống khổ nào trên đời dọa nạt được nó? Hơn hai trăm năm nay rồi và nghìn vạn năm nữa, các thế hệ người Việt Nam đều lần lượt đi qua câu thơ này của Nguyễn Gia Thiều, như diu nhau leo cây cầu kiều bắc qua bể khổ, để suốt những năm ở trọ trên mặt đất không còn lạ gì, ngại gì nước mắt với đau thương, cái mà trong bụng mẹ, thai nhi đã nghiền ngẫm, đã nhấm nháp qua chiếc cuống nhau trần thế. Con người bị vây bủa bởi “tiếng khóc ban đầu” và “nắm cỏ khâu xanh rì”, có vẻ như sợ hãi quá, hự vô quá, nhưng mà hay quá, thấm thía quá, đương nhiên quá: **“Trăm năm còn có gì đâu / Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì”**. Hỡi thật, phàm là người, xưa nay có ai vượt qua nắm đất cuối của mình đâu? Bản thân cái chết cũng rất tự nhiên như cái sinh, chẳng có gì đáng sợ. Ôn Như hầu gánh trên đôi vai thi ca: một bên là cái sinh: “tiếng khóc ban đầu”, một bên là cái diệt: “nắm cỏ khâu xanh rì” mà đi tiêu dao qua tôn giáo và triết học, đi qua cả nỗi yếm thế cùng nỗi yêu đời, đi vào tận sâu cái Không để xóa cái Không, đi hết cái khiếp sợ để không còn khiếp sợ nữa. Vậy thì cái đau về nỗi người bèo bọt nào có xá gì: “Nghĩ thân phù thế mà đau / Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê”. Ở hay, không đi qua hết mê lầm thì làm sao diệt được mê lầm, không đi qua “sóng cồn” thì sao biết được mình là “con thuyền bào ảnh”: **“Sóng cồn cửa bể nhấp nhô / Chiếc thuyền bào ảnh lô**

xô gập ghềnh". Hóa ra, ngay trong cái Không này, thi ca đã tìm thấy cái Hữu từ trong cảm giác, từ cảm xúc thẩm mỹ của nỗi "nhấp nhô", "gập ghềnh" của cuộc đời bồng bềnh, nhún nhảy như sóng gió, như vông đũa, như những câu lục bát sâu sắc mang tính tư tưởng cao nhất của thi ca Việt Nam vừa trích dẫn.

Ôn Như Hầu dắt díu một đoàn cung nữ đang chết khát yêu đương vượt qua sa mạc của cõi Mộng hướng vào nguồn suối cõi Thực, qua cõi Tâm lần tìm cõi Vật, cũng là dắt díu chính bản thân mình vượt qua siêu hình, vượt qua biển bờ tôn giáo hư không để oà ra gặp cái Ngã, rằng Tôi là có thật, Tôi là chính của Tôi, không phải bào ảnh, ảo giác, không phải mê làm : **"Giác Nam Kha khéo bất tình / Bưng con mắt dậy thấy mình tay không"**. Sau giấc hòe ma mị, bèo bọt, nhà thơ trong lót cung nữ đã kinh ngạc "thấy mình" dù "tay không", không còn gì cả, không còn hư mê, chỉ còn chính bản thân mình, trả cho vô biên cái hư ngã, chỉ mang theo cái chân ngã mà thành thi ca. Nguyễn Gia Thiều rất ráo chảng hư vô chủ nghĩa tí nào cả. Cứ tưởng ông tuyệt vọng chán đời, lánh đời, ai ngờ ông chỉ núp vào Phật Lão chơi tí như trưa nắng núp nhờ bóng cây, đoạn an ủi các cung nữ một chút rồi lại sà ngay vào kiếp người mà hy vọng, mà tình tứ, mà kén vợ gả chồng cho từ hoa cỏ đến chim muông. Những câu thơ viết về khát vọng lứa đôi hài hòa âm dương vũ trụ hay nhất từ xưa đến nay của thi ca Việt Nam trong *Cung oán ngâm khúc*, khiến trời đất, cát bụi cũng muốn hoá vợ chồng: **"Kìa điều thú là loài vạn vật / Dấu vô tri cũng bắt đèo bồng / Có âm dương có vợ chồng / Dấu từ thiên địa cũng vòng phu thê"**. Tiếng Việt của ca dao tục ngữ được Nguyễn Gia Thiều nâng cao thành chú rẻ Việt Nam cưới cô dâu từ ngữ Hán, điển tích Hán, nhập quốc tịch chữ Nôm mà hóa hồn Việt thuần thực đoan trang, bình dân đại chúng mà vẫn yêu kiều thực nữ, vẫn mỹ lệ, tài hoa đến không ngờ. Thành ra Ôn Như hầu chính là ông tơ hồng của văn học, lấy thi ca mà trói buộc chữ duyên tình lên cả vắn điệu, lên cả càn khôn. Vượt qua mọi cảm đoán thời phong kiến, cấm đàn bà con gái không được bày tỏ ham muốn xác thịt cả trong đời và trong văn học, Nguyễn Gia Thiều đã ném toàn bộ chần gối của tinh thần giải phóng phụ nữ vào chính mặt vua chúa, cũng là ném cảnh phòng the vào về đạo mạo giả dối của thời đại, giật tung tấm bình phong, tấm màn che phong kiến xuống tường không còn manh giáp: **"Chốn phòng không như giục mây mưa", " Khi áp mạn ôm đào gác nguyệt", "Mây mưa mấy giọt chung tình", "Lối đi về ai chẳng chiều ong"...** hoặc câu thơ mà phải phân tâm học cũng phải gọi bằng thầy, thơ hay đến nỗi chim chuột cũng phải ngẩn ngơ, mê mẩn: **"Bóng gương lấp lánh dưới màn / Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa"**. Đối với cái dục, càng diệt, càng ý thức về diệt dục nó càng phát lộ. Thế thì làm sao hàng trăm cung nữ ngày đêm chết khát chờ "ơn mưa móc cứu trùng" có thể hóa các ni cô mà tu thành chính quả trong ngôi chùa "Cung oán"? Thành ra, muốn dắt díu đoàn cung nữ của mình tới cõi Phật, Nguyễn Gia Thiều phải đưa họ đi hết cõi dục, cõi mà họ đang chết khát, đang bị đày đọa trong địa ngục dục vọng. Đây là bi kịch đờn đau nhất, tang thương nhất của kiếp người, kiếp làm vợ vua trong thế giới "Cung oán". Để muôn đời, những thân phận cung nữ kia sẽ nhờ buồn thương mà bất tử với thi ca Ôn Như hầu, đặng khóc than về sự trớ trêu của kiếp vợ vua: **"Dấu nhan sắc mấy cũng thừa / Láy chồng vua lại thành chưa có chồng"** (thơ Trần Mạn Hảo). Thương thay những kiếp hồng nhan bạc phận, dấu hóa cát bụi vẫn còn thèm khát hạnh phúc chính ra họ đã được hưởng nơi quê mùa, dân dã, điều không thể có trong cung vàng điện ngọc: **"Thà rằng cục kịch nhà quê / Dấu lòng nữu nữu nguyệt kia hoa này"**. Chao, thi pháp Ôn Như hầu đâu chỉ rục rờ những lầu son gác tía. Hồn ông, thơ ông, qua khát khao niềm chần gối quê mùa của người cung nữ, đã chớm ánh lên sắc vàng rơm rạ bình dân trong tinh thần "cục kịch nhà quê" rất "oé oẹ", rất nôm na mà vẫn cứ sang trọng, quý phái kiểu "má đào chon chót" (**"Giải kết đều oé oẹ làm chi".../ "Song đã cậy má đào chon chót"**). Có phải Nguyễn Gia Thiều muốn qua lời cung nữ mà ngụ ý, mà bóng gió nói về cuộc trở dạ, cuộc lột xác, thoát thai của văn học Việt Nam từ Hán sang Nôm từng quặn quại mấy thế kỷ từ thời Hàn Thuyên? Ấy là khi dòng thi ca dân tộc bắt đầu tìm cách chia tay với thi pháp "bắt voi bỏ rợ" Hán, tâm thức mực thước Hán cung đình, để bước ra bầu trời tự do, bước sang thi pháp lục bát phóng khoáng, uốn lượn bay bổng Việt, tâm thức nâu sồng Việt bình dân đại chúng, chuyển từ phong cách "phong lưu" qua phong cách "thanh

đạm”: **“Miếng cao lương phong lưu nhưng lợm / Mùi hoắc lê thanh đạm mà ngon”**? Hàng trăm cung nữ chết sầu chết héo, chôn má đào trong nấm mồ chung “vách quế, tiêu phòng” chỉ vì “miếng cao lương phong lưu” giả hiệu ấy! Đến khi biết nuốt vào “lợm” quá, tanh tươi quá nhưng không nôn ra được nữa rồi, đành ngồi mơ “mùi hoắc lê” dân dã hoa hèn cỏ nội như mơ cảnh Niết Bàn. Mãi mãi, những cung phi ấy không còn được hưởng hạnh phúc “mùi hoắc lê” nôm na tuyệt vời, để chúng ta, hậu thế được hưởng trọn vẹn 356 câu thơ nôm thuần Việt, hồn Việt “thanh đạm mà ngon” của Ôn Như hầu tiên sinh tặng lại.

Giấu nỗi buồn đau của hàng trăm cung nữ bạc phước, bất hạnh trong gan ruột mình, rồi cất lên tiếng ta thán của nghìn năm cung cấm, tâm hồn Nguyễn Gia Thiều quả là nhức nhối, quặn thắt đến cả trời đất, đành nhờ thi ca chuyển tải xót thương tới muôn vạn mai hậu. Thương thay một thời đại cung nữ, một thời đại song thất lục bát, một thời đại của thi pháp vàng son đã biết cách nghiêng xuống tìm tình duyên nơi **“Lau nhau riu rít cò con”** nôm na dân tộc, mà vẫn phải mếu máo cười khóc khi hát khúc ngâm **“Cười nên tiếng khóc hát nên giọng sầu”**. Đau quá, không chỉ kêu lên một tiếng cô đơn như tiếng kêu “hàn thái hu” Không Lộ thiền sư xưa, mà là một tiếng kêu căm uất dài tới hai trăm năm có lẽ: **“Chống tay ngòl ngẫm sự đời / Muốn kêu một tiếng cho dài kéo căm”**. Ôn Như hầu dồn cả nỗi oán hận chế độ phong kiến tàn ác, chà đạp tình yêu hạnh phúc con người của không chỉ nghìn muôn cung nữ vào trọn tâm can mình. Ông muốn đập tan thời đại vô luân đó, muốn đập tan cả nền móng những khổ đau, muốn đập tan ngay cả thân xác nặng nề đang chịu thay cái đau quặn quại của bao cuộc đời, để tinh thần được tự do bay lượn trong vô cùng thế giới: **“Dang tay muốn dứt tơ hồng / Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra”**. Có thể cùng với bao cung nữ, thân xác Nguyễn Gia Thiều đã nằm lại trong “tiêu phòng” của chế độ phong kiến, nhưng tinh thần ông, kiệt tác của ông là *Cung oán ngâm khúc*, thực sự đã đập đổ tung thời đại đau thương ấy mà bay về phía chúng ta, về phía con người. Ở đó, linh hồn nhà thơ đã thực hiện được giấc mơ của hơn hai trăm năm trước, cùng tiêu dao trong thế giới Lão Trang mà con bướm hoài nghi không còn ngơ ngác giữa mộng và thực nữa: **“Thoát trần một gót thiên nhiên / Cái thân ngoại vật là tiên trong đời”**. Chừng như tất cả chúng ta, thông qua tâm sự nghìn thu cung nữ – Nguyễn Gia Thiều, đều chỉ là những cung nam, cung nữ của vì vua tạo hóa?

Được kiệt tác *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm gợi hứng, Nguyễn Gia Thiều, một đại quý tộc, một đại trí thức, một tâm hồn thơ xuất chúng đã mượn nỗi đau cung nữ mà hát lên tiếng thơ nôm tuyệt diệu, vừa cao siêu đỉnh trời tư tưởng, vừa diễm lệ tận cùng tình cảm cỏ hoa, vừa quý phái hàn lâm, vừa nâu sòng dân dã. *Cung oán ngâm khúc* quả tình có thể xếp ngang hàng với hai kiệt tác *Chinh phụ ngâm* và *Truyện Kiều*, như tam vị nhất thể, như ba đỉnh núi thi ca trong một quần thể tinh thần văn hóa Việt cuối thế kỷ thứ XVIII, đầu thế kỷ thứ XIX còn sừng sững giữa trời, cùng vòi vọi với đỉnh thi ca đơn độc Úc Trai trên dưới bốn trăm năm trước. Rất tiếc, trong chương trình văn học từ bậc phổ thông đến bậc đại học, kiệt tác *Cung oán ngâm khúc* chừng như chưa được đánh giá đúng mức? Tất cả chúng ta, như lớp lớp người xưa, kể cả những tay bơi cựa phách nhất như “rái tước” Yết Kiêu và Dã Tượng đời Trần, đều sẽ lần lượt, kể trước người sau bị sự “đành hanh” của tạo hóa chòng ghẹo, đến độ phải chết đuối trên mặt đất, như câu thơ hay đến kỳ lạ của Nguyễn Gia Thiều: **“Trẻ tạo hóa đành hanh quá ngán / Chết đuối người trên cạn mà chơi”**. Nhưng may mắn thay, trò con tạo đùa chơi không thể đánh chìm được hồn thơ *Cung oán ngâm khúc*, dù là sự đánh chìm “trên cạn”. Thi phẩm này cứ trôi lênh đênh như một cái phao tâm linh cứu nạn trên mặt đất, sẵn sàng cho những chơi với níu bám, ít ra là đối với những tâm hồn đã được mỹ cảm thi ca cứu rỗi.

© Đàn Chim Việt

Nhà thơ Chế Lan Viên Mặc Lâm, biên tập viên RFA

Trong những khuôn mặt ấy trong giới văn nghệ sĩ có hai người nổi tiếng là Nguyễn Khải và Chế Lan Viên.

Thiên tài

Tuần trước chúng ta đã biết phần nào về nhà văn Nguyễn Khải, hôm nay mời quý vị theo dõi tiếp câu chuyện của tác giả tập thơ *Điêu Tàn*, người đi vào nền văn học Việt Nam khi chưa qua khỏi lứa tuổi 16. Chế Lan Viên là một nhà thơ lớn là điều không ai có thể từ chối, tuy nhiên con đường phục vụ cách mạng bằng thi ca của ông là một chuỗi sai lầm mà ông tự nhận vào lúc cuối đời đáng để cho nhiều người suy nghĩ.

Mặc Lâm: Bây giờ xin quay lại với nhà văn Trần Mạnh Hảo, thưa ông để tiếp tục chương trình, xin ông nói qua về con người và sự nghiệp của nhà thơ Chế Lan Viên như ông được biết qua kinh nghiệm cá nhân như thế nào?

Nhà văn Trần Mạnh Hảo: Ông Chế Lan Viên là lớp đàn anh ông Nguyễn Khải. Trong Hội Nhà Văn Việt Nam người ta nói thế hệ tiền chiến thì người thông minh nhất, sắc sảo nhất là Chế Lan Viên, còn thế hệ cầm bút thời chống Pháp người thông minh nhất, uyên bác nhất là Nguyễn Khải. Hai ông đó nói rồi thì người ta khó nói lại lắm. Trong đám đông khi hai ông ấy lý luận thì rất khó nói lại vì họ rất thông minh, trí thức. Ông Chế Lan Viên năm 1937 ông ấy mới 16 tuổi đã cho in tập thơ *Điêu Tàn* làm kinh ngạc cả nền văn học nước nhà và ông Hoài Thanh đánh giá như một thiên tài. Rõ ràng ông Chế Lan Viên xuất hiện với tư cách là một thiên tài.

Chế Lan Viên quê ở Quảng Trị nhưng học ở Quy Nhơn. Ông ấy trưởng thành trong nhóm thơ ở Quy Nhơn và khi cách mạng đến năm 1945 thì ông ấy rất vui vẻ đi theo và tôi cho rằng đi theo như thế là thật lòng bởi vì cả tuổi thơ của ông ấy là thời thuộc địa. Dân Việt Nam năm 45 đều vui mừng cả vì nước nhà đã dành được độc lập. Rất nhiều văn nghệ sĩ, các nhà tư bản, địa chủ theo cách mạng, kháng chiến rất nhiều. Sau này những người Việt Minh họ đứng ra lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp và dần dần cuộc kháng chiến chống Pháp lái qua ý nghĩa cộng sản, tức là đấu tranh giai cấp và loại những giai cấp không cùng với mình như địa chủ, tư sản là phải tiêu diệt cho nên nó mới tạo ra cuộc mất đoàn kết vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Chia rẽ nhất từ trước tới giờ dân tộc ta chưa bao giờ chia rẽ như thế.

Một số người vẫn trung thành đi theo và vào đảng như Chế Lan Viên. Năm 48-49 gì đó ông ấy vào đảng và đi theo cho đến cùng. Rất nhiều trí thức, rất nhiều văn nghệ sĩ họ về thành, dinh tề. Ví dụ như Doãn Quốc Sỹ nằm trong nhóm viết văn ở khu Việt Bắc với ông Nguyễn Tuân, Ngô Tất Tố.

Ba tập thơ sám hối

Ông Chế Lan Viên theo cách mạng khởi nguồn là thật nhưng sau này đã nhận thức ra nhưng không thể nói lên được. Ông nhận thức con đường mình đã đi là giả nhưng không thể nói được vì đã trót đi cứ đi như vậy mãi...

*Mặc Lâm: Vào năm 1991 rất nhiều người đã thích thú trước sự xuất hiện của bài thơ *Bánh Vẽ*. Đây có thể xem là một tuyên ngôn không khoan nhượng của nhà thơ trước sự thật mà ông chiêm nghiệm trong hơn nửa thế kỷ. Xin ông cho biết về bài thơ này...*

Nhà văn Trần Mạnh Hảo: Đây là bài thơ ông Chế Lan Viên viết về sự nhầm lẫn của ông ấy, ông biết là bánh vẽ mà vẫn phải ăn. Tôi xin đọc:

Bánh vẽ

*Chưa cần cầm lên nếm, anh đã biết là bánh vẽ
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
Cầm lên nhấm nháp
Chả là nếu anh từ chối
Chúng sẽ bảo anh phá rối
Đêm vui
Bảo anh không còn có khả năng nhai
Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc...
Thế thì còn dịp đâu nhai thứ thiệt?
Rốt cuộc anh lại ngồi vào bàn
Như không có gì xảy ra hết
Và những người khác thấy anh ngồi
Họ cũng ngồi thôi
Nhai nhồm nhoàm*

(Prométhée 86, Văn học và Dư luận, 8-1991)

Ông Chế Lan Viên biết mình đang ăn bánh vẽ nhưng vẫn phải nhai ngồm ngoàm. Ông biết con đường mình đi là sai trái nhưng vẫn phải đi. Đây là bi kịch, là nỗi đau của trí thức. Thà anh ngu đi anh không biết anh lờ đi hoàn toàn... ở đây anh biết con đường anh đi là giả mà vẫn phải ca ngợi là chân lý, là tốt đẹp thì đây là sự đau đớn ngàn quai. Đây là sự vong thân lớn. Đây có thể gọi là bán linh hồn cho quỷ như Goethe đã viết con người đã bán linh hồn cho quỷ để đổi lấy sung sướng.

Thác Bayon bốn mặt

Mặc Lâm: *Chúng tôi chú ý đến một bài thơ rất lạ của Chế Lan Viên sáng tác từ năm 1998 đó là bài “Thác Bayon bốn mặt” có những câu như:*

*Anh là thác Bay-on bốn mặt
Giấu đi ba, còn lại đấy là anh
Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc
Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình....*

Bài thơ này đã mở ra một suy tưởng khác của nhà thơ Điêu Tàn bởi thao thức với cái triết lý sống nhiều mặt của văn nghệ sĩ trong đó có cả nhà thơ. Phải chăng Chế Lan Viên phản ứng mạnh hơn, trí tuệ hơn trong bài thơ này so với trước đó là bài Bánh Vẽ sáng tác vào năm 1991 rất trực diện và trần trụi?

Nhà văn Trần Mạnh Hảo: Bài “Thác Bayon bốn mặt” là bài thơ lớn của Chế Lan Viên. Bài thơ này có một khái quát tổng hợp về triết học và thần học. Ý nghĩa lớn của nó là về triết học chứ còn ý nghĩa xã hội, chính trị thì tôi nghĩ nó cũng nhỏ thôi. Tức là bản thân con người ta nó tồn tại không phải 4 mặt mà rất nhiều mặt trong mỗi chúng ta.

Đạo Phật có Phật Bà nghìn mắt nghìn tay bốn mặt của Ấn Độ giáo truyền qua Campuchia bốn mặt quay về bốn hướng. Con người có những mặt quay về các hướng khác nhau, nó thể hiện thần học và triết học. Chế Lan Viên tức nhiên cũng nói ý nghĩa chính trị trong đó rằng những gương mặt mà tôi chường ra chưa phải là gương mặt thật của tôi vì gương mặt thật của tôi chưa thể hiện ra được, bài thơ này nó có ý đó.

Bài thơ đó về mặt triết học nói về thân phận con người. Để mà làm người thì phải đi qua rất nhiều những con đường giả hình. Đi qua cái giả, từ cái giả chưa chắc đã nhận chân sự thật. Mọi cái anh tưởng là thật thì đây là giả. Trong thần học, trong Phật giáo hay Ấn Độ giáo thì con người sinh ra và lớn lên bị ảo tưởng, bị sự dối trá của chính bản thân mình nó lừa mình cho nên tìm ra sự thật trong cuộc đời của chúng ta rất khó.

Nhưng ở đây cũng có thể nói đau đớn của Chế Lan Viên là cái gương mặt thật của anh phải giấu đi trong tấm tối của cái sâu thẳm trong tâm hồn mình chưa có dịp để trình ra với mọi người.

Chế Lan Viên đã trình ra mặt thật của ông ấy trong ba di cao thơ rất lớn của ông ấy vào lúc cuối đời và ông đã nói thật hết gần như toàn bộ con người của mình và phủ nhận con đường ông đã đi. Ông bị đi chứ không phải được đi và ông đau đớn vô cùng khi nhận thức ra điều đó.

Toàn bộ cuộc đời Chế Lan Viên nếu không có ba tập thơ sám hối này thì ông chỉ là một bồi bút của một chế độ toàn trị mà thôi.

Mặc Lâm: *Trong ba tập thơ đó thì “Bánh Vẽ” chúng ta đã nói qua còn bài “Trừ đi” thì sao?*

Nhà văn Trần Mạnh Hảo: “Trừ đi” của ông ấy là thắng thường ngược lại. Nhiều người đọc bài thơ nhưng không để ý tới từ “đi”. Mà cộng vào thì tao trừ đi!

Trừ Đi

*Sau này anh đọc thơ tôi nên nhớ
Có phải tôi viết đâu! Một nửa
Cái cần đưa vào thơ, tôi đã giết rồi
Giết một tiếng đau – giết một tiếng cười
Giết một kỷ niệm – giết một ước mơ – tôi giết
Cái cánh sắp bay – trước khi tôi viết
Tôi giết bão ngoài khơi cho được yên ổn trên bờ
Và giết luôn mặt trời lên trên biển – Giết mưa
Và giết cả cỏ trong mưa luôn thể
Cho nên câu thơ tôi gầy còm như thế
Tôi viết bằng xương thối, không có thịt của mình
Và thơ này rơi đến tay anh
Anh bảo đấy là tôi.*

Không phải!

Nhưng cũng chính là tôi – Người có lỗi

Đã phải giết đi bao nhiêu cái

Có khi không có tội như mình

(Tạp chí Văn, Paris 1992)

Mặc Lâm: *Có một điều đáng kinh ngạc là Chế Lan Viên có thể là người duy nhất thừa nhận rằng do những giòng thơ tuyên truyền ca tụng của ông mà hàng ngàn con người đã chết trong trận Mậu Thân. Đây có thể nói chính xác là lời sám hối của một người có lương tri dám nhìn sự thật về tác hại của những lời giả dối của mình trong thơ ca, xin ông đọc cho thính giả nghe bài thơ hiếm có này...*

Nhà văn Trần Mạnh Hảo:

Ai? Tôi!

Mậu Thân 2.000 người xuống đồng bằng

Chỉ một đêm, còn sống có 30

Ai chịu trách nhiệm về cái chết 2.000 người đó?

Tôi!

Tôi - người viết những câu thơ cổ võ

Ca tụng người không tiếc mạng mình

trong mọi cuộc xung phong.

Một trong ba mươi người kia ở mặt trận về sau mười năm

Ngồi bán quán bên đường nuôi đàn con nhỏ

Quán treo huân chương đầy, mọi cỡ,

Chả huân chương nào nuôi được người lính cũ!

Ai chịu trách nhiệm vậy?

Lại chính là tôi!

*Người lính cần một câu thơ giải đáp về đời,
Tôi ú ớ.*

*Người ấy nhắc những câu thơ tôi làm người ấy xung phong
Mà tôi xấu hổ.*

*Tôi chưa có câu thơ nào hôm nay
Giúp người ấy nuôi đàn con nhỏ
Giữa buồn tủi chua cay vẫn có thể cười*

(Rút trong sổ tay thơ tập 5 của tác giả)

Hãy thoát khỏi thân phận bồi bút

Mặc Lâm: *Vâng thưa ông Trần Mạnh Hảo, để kết thúc buổi mạn đàm hôm nay xin ông cho một kết luận về hai khuôn mặt Nguyễn Khải và Chế Lan Viên theo như kinh nghiệm sống cùng của ông đối với hai tài năng này.*

Nhà văn Trần Mạnh Hảo: Ông Chế Lan Viên là người tài nhất trong thế hệ Tiền Chiến mà trong những năm theo cộng sản ở miền Bắc từ năm 54 đến năm 75. Ông viết văn hay và có thể hay hơn thời Điều Tàn. Còn Huy Cận, Xuân Diệu thì chỉ tài trong tiền chiến thôi chứ tới sau này thì chỉ có Chế Lan Viên là người vẫn viết hay.

Chế Lan Viên là một thiên tài còn Nguyễn Khải là tài năng lớn. Hai tài năng đại diện cho hai thế hệ, một thế hệ tiền chiến và một thế hệ chống Pháp đã nói lại cho thế hệ chúng tôi và các thế hệ mai sau rằng bất hạnh thay cho đất nước, cho quê hương chúng ta đã bị bắt đi theo một con đường sai lầm, đau khổ. Và bây giờ cái khao khát của Chế Lan Viên và Nguyễn Khải nhấn với hậu thế rằng con đường đi của các ông ấy là các ông ấy bị đi chứ không phải được đi và đây là con đường đau khổ, con đường đầy nước mắt, con đường không có sự thật và chân lý đi cùng. Cuối đời may mắn là các ông còn trở lại với hậu thế. Các ông ấy nhận chân ra điều đó và để lại cho thế hệ mai sau rằng hãy noi gương các ông mà thoát khỏi cái thân phận bồi bút theo đóm ăn tàn, thân phận đau đớn nhục nhã của người cầm bút, người trí thức.

Mặc Lâm: *Xin cảm ơn nhà văn Trần Mạnh Hảo về buổi nói chuyện ngày hôm nay. Thưa quý vị thính giả chúng ta vừa biết thêm một chút sự thật về hai người, một là nhà văn Nguyễn Khải và hai là nhà thơ Chế Lan Viên về những những u uất của họ trong những lúc cuối đời. Xin kính chào hẹn gặp lại vào tuần sau cũng trên làn sóng này.*

Hiện tượng sám hối

Trước tiên xin tóm lược một ít chi tiết về quá trình làm việc của nhà phê bình văn học Trần Mạnh Hảo. Theo như ông kể thì ông sinh năm 1947 tại Nam Định. Lúc nhỏ Trần Mạnh Hảo theo cha xứ đi giúp lễ và học kinh sách giáo lý chủng viện công giáo. Lớn lên đi học, vì lý lịch xấu không được vào đại học.

Năm 1975 ông từ rừng Lộc Ninh về Sài Gòn, ra khỏi lính làm báo dân sự. Năm 1982 vì viết bài thơ "Cho một người nằm xuống" để khóc Nguyễn Hồng ông bị treo bút ba năm. Năm 1989, in tiểu thuyết Ly Thân, ông bị cho ra khỏi đảng, đuổi khỏi biên chế nhà nước.

Trần Mạnh Hảo đã xuất bản trên dưới 30 đầu sách. Tuy nhiên từ 10 năm nay các bài viết của ông bị cấm in trên báo lề phải, không được xuất bản sách trong nước. Trần Mạnh Hảo thú nhận hiện nay ông chỉ còn viết trên Internet cho vui... Trần Mạnh Hảo cũng khẳng định rằng ông không làm chính trị mà chỉ làm văn học, làm sứ mệnh thiêng liêng của người cầm bút là nói lên, viết lên sự thật.

Thức tỉnh

Mặc Lâm: *Xin cảm ơn ông Trần Mạnh Hảo, câu hỏi đầu tiên có lẽ xin ông cho biết tại sao lúc gần đây lại có hiện tượng rất nhiều cán bộ cao cấp và văn nghệ sĩ nổi tiếng đã phát ngôn hay sáng tác nói lên những điều mà nhiều năm trước đây không ai dám nghĩ là sẽ xuất hiện trong chế độ toàn trị của đảng cộng sản Việt Nam?*

Trần Mạnh Hảo: Theo tôi thì chuyện người ta già, người ta về hưu, khi nhìn thấy cõi chết thì người ta thường quay lại kiểm điểm cuộc đời và con người dù tàn ác đến đâu thì tạo hóa cũng cho một chút xíu lương tâm có thể nó đã ngủ quên cả cuộc đời nhưng khi về già, khi gần chết thì nó thức tỉnh. Chút xíu đom đóm lương tâm đó lập lòe trong tâm hồn con người mà cả đời họ làm ác, có thể nó thức tỉnh, nó làm cho người ta ân hận sám hối cho nên người ta nói lên sự thật, nói lên những điều thật nhất mà suốt đời không có cơ hội để nói.

Về hưu mới dám nói thật

Mặc Lâm: *Cũng có người tiếc rẻ khi những phát ngôn của nhiều cán bộ cao cấp tung ra quá chậm, khi họ đã về hưu do đó không còn tác động gì lớn lao đối với hệ thống như khi họ còn tại chức, đương quyền...*

Trần Mạnh Hảo: Cái chuyện đó tôi cho là cũng rất bình thường vì trong một xã hội toàn trị như Việt Nam thì những người là cán bộ cao cấp họ không có dịp nói thật khi họ cầm quyền, vì nói thật ở Việt Nam là nguy hiểm vô cùng. Bởi vì cái hệ thống chính trị của họ là một hệ thống chính trị thật sự xa rời mục tiêu của sự thật.

Ví dụ như ông Võ Văn Kiệt đã lên tới Thủ tướng chính phủ, khi ông ấy làm Thủ tướng ông ấy không dám nói thật nhưng khi về hưu rồi mới dám nói thật. Ông nói thật một điều rất tâm huyết rằng ngày 30 tháng Tư là cái ngày có một nửa nước vui, một nửa nước buồn. Một triệu người vui thì có một triệu người Việt Nam buồn. Ông ấy nói câu ấy là quá đúng. Những người miền Nam Việt Nam hồi đó họ thua trận họ vẫn có lý tưởng rất là tốt đẹp phục vụ đất nước, dân tộc. Nhưng thua trận nên họ buồn và còn bị bắt đi tù đầy hàng loạt... họ buồn là đúng chứ sao bắt họ vui cho được?

Ông Kiệt đã nói lên một sự thật mà sự thật này khi đang làm thủ tướng ông ấy không thể nói được cho đến khi về hưu mới nói được sự thật này. Chính việc nói lên sự thật này dần dần ông sẽ nói ra các sự thật khác cho nên rất nguy hiểm cho tính mạng của ông ấy.

Cái chuyện đó tôi cho là cũng rất bình thường vì trong một xã hội toàn trị như Việt Nam thì những người là cán bộ cao cấp họ không có dịp nói thật khi họ cầm quyền, vì nói thật ở Việt Nam là nguy hiểm vô cùng.

Nhà văn Trần Mạnh Hảo

Mặc Lâm: *Còn chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An thì sao thưa ông?*

Trần Mạnh Hảo: Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An là một người suốt cuộc đời theo cách mạng, theo cộng sản nhưng khi nghĩ hưu rồi thì cũng phải nói lên sự thật. Thà ông như vậy có thể tôi trọng ông ấy hơn là những người cứ cầm miệng suốt cả cuộc đời vì lương tri trong người họ không trỗi dậy. Nói cho cùng khi lương tri không thức tỉnh trong tâm hồn họ thì họ sống cả cuộc đời không lương tri, không lương thiện.

Ông Nguyễn Văn An nói như thế này, Ông bảo hiện giờ không cải tạo được đất nước vì cái sai lầm là của hệ thống mà muốn thay đổi cho đất nước tiến lên thì phải thay cái hệ thống cộng sản này.

Mặc Lâm: *Còn riêng về Phó thủ tướng Trần Phương thì sao?*

Trần Mạnh Hảo: Ông Phó Thủ tướng Trần Phương là một người cũng tận tụy đi theo cách mạng. Làm đến Phó Thủ tướng nhưng khi các ông ấy ngồi lại để góp ý cho đảng thì ông ấy nói rằng cuộc đời trong mỗi cá nhân chúng ta để vượt qua những sự kiện quan trọng trong đời mà

cứ phải nói dối người thân, nói dối gia đình, nói dối mọi người đến mấy lần thì khi về già đã thấy gương, thấy xấu hổ lắm. Nhưng đảng cộng sản của chúng ta từ khi sinh ra đến giờ toàn nói dối mà không biết tại sao đảng không biết gương, không biết xấu hổ, không biết sám hối. Đây là một cán bộ cao cấp khi về hưu đã nói như thế.

Bi kịch Đi tìm cái tôi đã mất



Nhà thơ Chế Lan Viên và tác phẩm "Điêu tàn", NXB Văn học.

Mặc Lâm: *Riêng về văn nghệ sĩ thì sao thưa ông?*

Trần Mạnh Hào: Giới văn nghệ sĩ rất nhiều anh em đã nói nhưng nổi bật nhất vẫn là ông Nguyễn Khải và Chế Lan Viên. Ông Nguyễn Khải là một nhà văn đi theo cách mạng từ năm 1945 là con một tri huyện mà là con một bà vợ hai nên khi theo cách mạng ông khai là không có cha để tránh việc bố ông ấy là quan huyện. Quê cha ông ở Nam Định nhưng ông khai quê mẹ ở Hải Dương và không có cha. Cha ông ấy sau này đến năm 54 thì di cư vào Sài Gòn.

Ông Nguyễn Khải là một nhà văn rất trí thức mặc dù ông chỉ học chưa hết trung học của thời Pháp nhưng ông ấy chịu đọc và suy nghĩ viết lách rất giỏi và rất thông minh. Cả cuộc đời ông ấy viết theo mệnh lệnh của đảng. Tất nhiên những cuốn sách ông ấy viết đã lách ra khỏi hệ thống một tí mà bây giờ người ta gọi là lè trái.

Trong sách ông ấy viết về lè phải nhưng khi mở ra người ta thấy đầy lè trái trong đó. Tức là cái lè phải là lè của đảng cộng sản còn lè trái là lè của những người bất đồng.

Trước khi chết ông Nguyễn Khải có viết mấy bài, sau khi ông ấy chết mới tung ra rất là sâu sắc. Nói chung là ông ấy viết một cách trí thức chứ không phải chửi bới vớ vẩn. Bây giờ ai vào trong Google đánh chữ Nguyễn Khải đều hiện lên những bài của ông ấy nói về những đau đớn của ông ấy như bài "Đi tìm cái tôi đã mất" hay là "Nghĩ muộn". "Đi tìm cái tôi đã mất" ông lấy trường hợp của bản thân ông, một con người sinh ra đời, đi tìm chân lý, đi tìm sự thật đã thấy sự thật, chân lý mà không dám vô! Bởi vì đi vào thì sẽ bị tù, sẽ bị bắt sẽ bị giết. Một sự đau đớn vô cùng của một trí thức.

"Đi tìm cái tôi đã mất" ông lấy trường hợp của bản thân ông, một con người sinh ra đời, đi tìm chân lý, đi tìm sự thật đã thấy sự thật, chân lý mà không dám vô! Bởi vì đi vào thì sẽ bị tù, sẽ bị bắt sẽ bị giết.

Nhà văn Trần Mạnh Hào

Cả bài "Đi tìm cái tôi đã mất" của ông Nguyễn Khải cuối cùng ông ấy kết luận là: Đảng cộng sản nên trả chính quyền cho nhân dân, đã cướp chính quyền của nhân dân rất lâu rồi hãy trả lại cho nhân dân cái quyền đã đánh mất. Các quyền tự do, dân chủ tất cả phải trả lại cho dân. Ông ấy còn nói về thân phận đau đớn của người cầm bút trong chế độ cộng sản mà không dám nói lên sự thật.

Sự thật nó đến nhà nó ở trong tâm hồn mình. Chân lý nó nằm trong tâm hồn mình mà mình sợ, mình run rẩy không dám nhận nó. Mình run rẩy bảo nó cút đi vì nói ra bị tù bị tội rồi vợ con sống làm sao? Đi ăn mày à?

Cả cuộc đời ông Nguyễn Khải ông ấy viết trong sự sợ hãi. Ông ấy bảo làm người mà như con gián thì làm sao thành người được? Nếu quý vị đọc bài này của Nguyễn Khải thì quý vị thấy cái đau đớn vô cùng của người cầm bút trong chế độ cộng sản. “Đi tìm cái tôi đã mất” là một bài viết tôi cho là rất trí thức, rất uyên bác, rất hay. Nói về thân phận của người cầm bút trong một chế độ toàn trị. Trong một chế độ mà không ai dám nghĩ đến sự thật, chân lý. Vì nghĩ đến sự thật, nói đến chân lý thì sẽ bị giết. Đây là bi kịch lớn của chúng ta trong giai đoạn vừa qua.



Nhà văn Nguyễn Khải.
Photo courtesy of Quê Choa.

Mặc Lâm: Theo chúng tôi biết thì trước đây ông Nguyễn Khải rất thân tình với ông, có kỷ niệm gì giữa hai ông mà ông cảm thấy cần chia sẻ với thính giả hôm nay hay không?

Trần Mạnh Hảo: Tôi là người đã từng là đàn em thân thiết của Nguyễn Khải. Có những năm ông Nguyễn Khải vào Sài Gòn ở ba tháng trời trong nhà tôi và khi tâm sự với tôi thì ông ấy không nói dối điều gì cả. Ông nhận ra tất cả mọi cái nhưng không dám viết ra. Ông ấy tâm sự với tôi và ông khóc. Lúc ấy Sài Gòn mới giải phóng vài ba năm ông ấy vào nhà tôi tại một chung cư văn nghệ sĩ ở Sài Gòn. Ông ấy ở với tôi, có ông Lê Lựu nữa.

Có những đêm anh em tâm sự với nhau mà ông khóc. Bởi vì con người ông Nguyễn Khải có học ông đọc sách, tiểu thuyết tiếng Anh tiếng Pháp thoải mái và ông rất uyên bác. Một con người như thế thì họ đau đớn là phải, vật vã là phải thôi. Phải viết những điều mình không muốn bởi viết những điều mình muốn mình tâm huyết thì không được in mà có in ra thì cũng tai bay vạ gió.

Cho nên ông Nguyễn Khải đau cái đau thân phận làm con người trong một chế độ toàn trị, không cho người ta tự do viết, trong khi mình là người cầm bút là nhà văn.

Ông bảo nhục nhã lắm, đau đớn lắm. Những bài viết như “Nghĩ muộn”, “Đi tìm cái tôi đã mất” Nguyễn Khải viết để trối lại cho đời sau, đọc thấy cay đắng và đau đớn vô cùng.

Mặc Lâm: Xin chia sẻ một điều tôi rất lấy làm lạ là tại sao Trần Mạnh Hảo lại nói được, chẳng hạn như bây giờ, mà Nguyễn Khải lại không nói được? Có phải giai đoạn này nói lỏng tự do ngôn luận hơn hay chăng?

Đau đớn như vậy, chết rồi mới dám nói ra sự thật, chết rồi mới dám sám hối. Đây là một bi kịch đau đớn của người cầm bút.

Nhà văn Trần Mạnh Hảo

Trần Mạnh Hảo: Nguyễn Khải không ở trong tự thế nói như tôi được vì tính cách của ông ấy khác. Ông ấy theo cộng sản từ năm 45 đến giờ và đã đi hết cuộc đời rồi cho nên ông ấy muốn nói với hậu thế cái điều thật nhất của ông ấy. Ông viết ra rồi ông bảo gia đình ông sau khi ông chết thì mới công bố.

Trong đám tang của Nguyễn Khải thì người ta mới biết bài viết của anh, được gửi cho những người trong đám tang và họ đưa lên mạng. Đau đớn như vậy, chết rồi mới dám nói ra sự thật, chết rồi mới dám sám hối. Đây là một bi kịch đau đớn của người cầm bút.

Nếu anh không có lương tri anh cứ cầm bút như một bồi bút thì suốt cuộc đời anh không biết hổ thẹn, anh không biết ân hận thì những người đó tôi không bàn đến.

Mặc Lâm: *Thưa ông Trần Mạnh Hảo rất tiếc là thời gian của chúng ta hôm nay không còn nữa, chúng tôi biết một nhân vật nữa mà thính giả chúng ta đang chờ nghe vì sự có mặt của ông ta dưới mái nhà trường của cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam. Ông là một hiện tượng trong phong trào thơ Mới và sáng tác khi tuổi còn rất trẻ. Chỉ 16 tuổi ông ta đã nổi lên như một ngôi sao sáng qua tập thơ "Điều Tàn" với bút hiệu cũng lạ lùng và ẩn tượng là Chế Lan Viên.*

Xin đề nghị chúng ta sẽ dành một chương trình đặc biệt để nói về nhà thơ Chế Lan Viên, về những sáng tác sau cùng của ông với những nhận thức mà theo nhiều người cho rằng một sự sám hối với chính mình. Xin cảm ơn nhà văn Trần Mạnh Hảo về chương trình hôm nay, xin cảm ơn quý vị thính giả đã quan tâm theo dõi.

Huy Cận, lửa vẫn còn thiêu

Từ độ Nguyễn Du lục bát hóa đời Kiều để ngự trên ngôi báu thi ca, chừng như long mạch thơ nước Việt đã mấy lần rút về Hà Tĩnh, khơi nguồn cho những dòng thơ lớn khác xuất hiện : Nguyễn Công Trứ, Xuân Diệu và Huy Cận. Sau tám năm từ độ ra đời, Thơ Mới (1932-1945) đang cuộn cuộn chảy như một dòng sông lăm ghềnh nhiều thác, lúc ẩn, lúc hiện, chọt bùng lên rồi lắng lại sững sờ, như ngấn ngơ, như luyến tiếc cội nguồn? Kể cũng lạ, khi dòng Thơ Mới cuộn chảy, gầm reo tới cao trào với Xuân Diệu thì cũng là lúc nó chọt phình ra giống một cái hồ cho mưa nguồn chớp bể trong hồn sông nước được nghỉ ngơi, trầm lắng, ưu tư mà hoài cổ. Khúc sông giống hồ nước của dòng Thơ Mới ấy chính là Huy Cận với tập "Lửa Thiêu" gồm 50 bài thơ ra mắt năm 1940.

Nếu không có khúc sông hóa hồ nước Huy Cận giúp Thơ Mới có cơ hội lắng xuống, thanh thoi và điềm tĩnh, chùng chình và mệnh mông lại, biết đâu nó đã chẳng chảy tuột vào bể thẳm Tây phương? Chừng như hình thức complet, cravate của Phương Tây Huy Cận khoác lên người không mang nổi hồn vía Đông phương u uẩn, thắm vời trong ông? Sau khi nhà thơ từng thần thức nỗi Verlaine, cái hồn ấy phiêu du ông về vụn cổ, kéo ông lạc vào Lý Bạch, Bạch Cư Dị, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... ngay giữa lòng thế kỷ XX ồn ào phố xá... Thành ra, trong dòng thơ mới sục sôi với tầng tầng lớp lớp thi nhân, Huy Cận tuy không khăn đóng áo the như Đông Hồ, không nâu sồng dân dã như Nguyễn Bính, nhưng hồn ông đã ràng buộc với thất ngôn và lục bát xưa.

Ông hóa nỗi buồn xưa mà lênh đênh nguồn cội, một mình bơ vơ ngay giữa "Hội trùng dương" Thơ Mới, bơ vơ ngay giữa hồn mình. Có thể nói, Huy Cận cô đơn ngay cả trong niềm nồng cháy ban đầu Xuân Diệu. Vì sao một gã trai mười chín đôi mươi lại có một tâm hồn nghìn tuổi, một niềm thơ vụn cổ rất tân thời như "Lửa thiêu" 59 năm trước?

Ta bắt gặp trong "Lửa Thiêu" một Huy Cận buổi "Tụ trường-Thơ Mới", tuy không mê đắm đến điên cuồng "*Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi*" như Xuân Diệu, nhưng cũng rất tinh khôi niềm yêu đời, một niềm cách tân cả ý tưởng đến hồn vía : "*Tử mới đánh và lòng trai thom ngát*" (Tụ trường). Chiếc tử - hình - thức - Tây phương vừa đánh verni, tường chỉ có thể treo những bộ áo quần tân thời ý tưởng như câu thơ rất Tây trong bài "Tình tự" : "*Sáng hôm nay hồn em như tử áo / Ý trong veo là lướt xếp từng đôi*". Huy Cận đi giữa tử, rương như đi giữa

những thời đại bảo tàng, những thời đại ngọc ngà dễ vỡ, tưởng chừng ông toan biến đời mình thành chiếc rương cất giữ về tận kỳ hôm nay : " *Rương nhỏ với linh hồn bằng ngọc*" (Tụ trường). Một cậu trai thuần khiết " *Quần áo trắng đẹp như lòng mới mẻ*" thuở ấy ai ngờ lại có thể viết được những câu thơ rất mới, rất Tây : " *Anh hãy bận hồn em màu sáng chói*" (Tình tự)... " *Lòng giắt sẵn ít hương hoa tưởng tượng*" (Đi giữa đường thơm) ...hoặc " *Bắt gặp mùa tươi lên rún rầy*" (Xuân)...Huy Cận chia câu thơ thất ngôn truyền thống ra như chia bàn tay mình để bắt tay ngọn gió mới Tây phương, bằng cách đột ngột gieo một liên từ làm vắn cuối câu thơ thứ hai, khiến câu thơ vừa dứt, vừa nổi, vừa chênh vênh, hụt hẫng lại vừa an nhiên, tự tại : " *Khi bóng hoàng hôn phủ núi xa / Khi niềm tư tưởng vương chân, và...*" (Em về nhà). Ta còn có thể bắt gặp trong "Lửa thiêng" nhiều vẻ đẹp Tây phương mới lạ của Huy Cận, nhất là trong 15 bài thơ 8 chữ khá phóng túng của ông như bài "Trò chuyện " : " *Phố không cây thô sần biết bao chừng "*, " *Buồn vụn lớp trên mái nhà dọn sóng*", " *Chiều hiu hiu kêu gọi nhớ nhung hờ*", " *Hồn bơ vơ không biết tựa vào đâu / Mây không bay thương nhớ cũng không màu / Nắng không xé và lòng sầu mát hương*"...Huy Cận thậm chí Tây không kém gì Xuân Diệu với nỗi sầu, nỗi chết ban đầu với tận cùng cảm giác kiểu " *Tay bỗng thân, và tay nữa ôm mờ*" (Trích bày) ... " *Chiều mờ cõi, đời rét mướt ngoài đường*" ... " *Xương cọ vào xương bớt nổi hàn*" (Ngủ chung)...hoặc " *Ôi chiều buồn sao nắng quá mong manh*" (Nhạc sầu).

Ta có một Huy Cận hướng ngoại tới tận trời tượng trưng Verlaine cả trong buồn, vui, sống, chết, trong thế giới khả giác lúc nào như cũng muốn nổi da gà. Có khi, Huy Cận thử tìm tới tất cả, thử vồ vập tất cả nhưng vì sao ông chưa thỏa nổi rưng rưng, dù khi ông viết về tình yêu thời đi học với những câu thơ hay đến kinh ngạc : " *Một hôm trận gió tình yêu lại / Đứng ngắn trông vời áo tiểu thơ*" (Học sinh). "Trận gió tình yêu" mới mẻ phương Tây rất nồng nhiệt kia đã thổi bay đi tất cả niềm vui mong manh chớp hé. Chỉ còn lại nhà thơ "Đứng ngắn trông vời..." hiện tại, dù hiện tại kia, tình yêu kia kỳ diệu tới mức, lãng mạn tới mức thần tiên : " *Em lừa gió biếc vào trong tóc / Thổi lại phòng anh cả núi non*" (Áo trắng). Nhờ "Em", nhờ ngọn gió tóc kia mà căn phòng anh được nói rộng ra cả đất trời? Hay chính là "Em" đã nhốt núi non, nhốt cái sừng sững cao vời vào căn phòng thi ca anh để vô hạn hóa cái hữu hạn ? Niềm vui tình đầu Huy Cận đẹp thế, hay thế nhưng chỉ là gió thổi qua, chỉ là thoáng chốc. Trong thơ, Huy Cận cần một cách giải thoát khác Xuân Diệu.

Huy Cận đi từ "Ngắn " tới "Vời": "Đứng ngắn trông vời...", đi từ tha nhân đến bản thân mình, từ niềm vui đến nỗi cô đơn, như chiếc thuyền trong bài "Mưa" sau : " *Lòng êm như chiếc thuyền trên bến / Nghe rét thu về hạ bớt vui*". Câu thơ này mới đích thực thần thái Huy Cận; nó hay một cách hoang vắng, se se, tẻ tẻ, khẽ khàng, hiu hắt. Tâm hồn Huy Cận là chiếc thuyền miền sơn cước thi ca, lặng lẽ "hạ bớt vui" khi rét thu về, lặng lẽ rút vào tranh thủy mặc xa xưa mà u tịch. Nếu Xuân Diệu nhảy bổ vào tình yêu như nai kia khát nước nhảy bổ vào nguồn suối, lăn xả vào đời sống con người mà choàng ôm tất cả, mà mê cuồng, say đắm tất cả thì Huy Cận ngược lại, cứ một mình thui thủi tìm về nơi hoang vắng, tránh xa nơi phồn hoa đô hội. Huy Cận tĩnh bên một Xuân Diệu động.

Huy Cận xưa bên một Xuân Diệu nay. Huy Cận buồn bên một Xuân Diệu vui, dù cả hai đều " *Hai chàng thi sĩ choáng hơi men*" (Tình trai-X.D.). Những bài thơ hay nhất trong "Lửa thiêng" là những bài Huy Cận thu hồn về ở ẩn trong một thiên nhiên hoang vắng, thần thờ, như thể ông đã bị cuộc đời dồn đến trước lầu "Ngưng Bích", cùng Thúy Kiều lẫn vào " *Vẻ non xa tím trắng gần ở chung*" (Kiều). Trong 50 bài "Lửa thiêng", chỉ có 8 bài thơ lục bát : " *Buồn đêm mưa*", " *Trông lên*", " *Chiều xưa*", " *Đẹp xưa*", " *Thuyền đi*", " *Xuân ý*", " *Thu rừng*" và " *Ngâm ngùi*". Nhưng nếu không có 8 bài thơ lục bát này, "Lửa thiêng " dù có nhiều bài thất ngôn hay ví như "Tràng giang" thì cũng chưa thể làm nên một Huy Cận vượt thời gian như đã có. Nguyễn Du đại thiên tài lục bát, đã đưa nhịp sáu tám Việt Nam lên tới đỉnh mây trời nhân loại. Nguyễn Du từng ít nhiều ảnh hưởng lục bát ca dao, ảnh hưởng lục bát của Đoàn Thị Điểm,

Nguyễn Gia Thiều để làm ra hàng nghìn câu thiên thu tuyệt diệu riêng mình. Thấm đẫm hồn thơ cha ông, Huy Cận đã hiện đại hóa câu thơ sáu tám Việt Nam. Ông như người kế thừa trung thành của phả hệ lục bát Nguyễn Du rồi phát triển nó về u tịch. Đọc thơ lục bát Huy Cận, cơ hồ như hồn Nguyễn Du phảng phất đâu đây, như thể bút thần xưa được hậu thế cầm lên viết tiếp, như bài "Đẹp xưa":

"Ngập ngừng mép núi quanh co
Lung đèo quán dựng, mưa lò mái ngang...
Vi vu gió hút nẻo vàng
Một trời thu rộng mấy hàng mây nao
Dừng cương nghỉ ngựa non cao
Dặm xa lữ thứ kẻ nào héo hon
Đi rồi khuất ngựa sau non
Nhỏ thưa tràng đạc tiếng còn tịch liêu
Trơ vợ buồn lọt quán chiều
Mái nghiêng nghiêng gửi buồn theo hút người..."

Câu thơ "Lung đèo quán dựng, mưa lò mái ngang" trên của Huy Cận làm ta nhớ đến "Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia" của Tố Như xưa. Huy Cận lấy hồn muôn năm trước mà hiện đại hóa câu thơ lục bát bây giờ, như gió xưa vàng dặm lá thu nay : "Vi vu gió hút nẻo vàng". Ngọn gió Huy Cận mặc áo vàng nghìn thu mà hun hút, mà nghiêng nghiêng mái chũ, mái hiên-người, cũng là mái thơ : "Mái nghiêng nghiêng gửi buồn theo hút người". Cũng như bài "Đẹp xưa", bài lục bát "Buồn đêm mưa" và bài "Chiều xưa" hay đến từng câu từng chữ. Cái buồn Huy Cận nơi đây đẹp đến rụng rời, đẹp đến ngỡ ngàng, hoang vu.

Viết về nỗi bơ vơ kiếp người, về nỗi buồn bản thể, nỗi buồn xa vắng, mù tăm tưởng không ai bằng Huy Cận : "...Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la / Tai nương nước giọt mái nhà / Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn (Buồn đêm mưa). Tưởng chừng Huy Cận phải đội trên đầu cả vòm "Trời nặng nặng" mà nghe "Ta buồn buồn", rồi thơ thần đi hết cõi "Lửa thiêng", để nghe trọn vẹn trong hư không : " Những chân xa vắng dặm mòn lẻ loi", "Trăm muôn giọt nhẹ nói lời vu vơ". Huy Cận gom mình về thành quách xưa mà cô đơn một thuở với trời đất; tuy ông vẫn để ngỏ các cửa thành cho gió ngàn năm bơ phờ cư ngụ : "Gió về, lòng rộng không che". Thổi hiu hiu, thổi u u trong lục bát Huy Cận loài gió hạc vàng, gió từng bách, gió khói sóng. Những hồn gió liêu trai từng thổi qua Đường thi, Tống thi, thổi qua sao Khuê ở ẩn Nguyễn Trãi, qua vàng trắng xẻ nửa Nguyễn Du mà thành bờ "lau thưa" Huy Cận :

"Buồn veo theo gió bên hồ
Đèo cao quán chật, bến đò lau thưa
Đồn xa quần quại bóng cờ
Phất phơ buồn tự thời xưa thổi về
Ngàn năm sực tỉnh, lê thê
Trên thành son nhạt - Chiều tẻ cúi đầu..." (Chiều xưa)

Nhà ẩn sĩ của nỗi buồn xưa để tâm hồn mình trôi qua hai bờ lục bát như bóng cờ kia quần quại trôi qua đôi bờ trời chiều và "Thành son nhạt", càng trôi càng sống lại, càng phải vật vã với gió mà níu lấy hồn xưa ngỡ ngàng. Phải chăng tinh thần của "Lửa thiêng" là tinh thần của lá cờ quá vắng ăn toàn gió xưa mà tồn tại, mà nghi ngút khói mây : "Phất phơ buồn tự thời xưa thổi về" ? Huy Cận mang hồn Nguyễn Du để làm nên giọng điệu lục bát rất riêng, rất mới của mình như bài "Thu rừng" sau đây :

"...Nai cao gót lẫn trong mù

*Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về
Sắc trời trôi nhạt dưới khe
Chim đi lá rụng cành nghe lạnh lùng..."*

Hai cặp lục bát trên đều đi nhịp đôi khe khẽ, rón rén, thi thoảng, theo kiểu cứ một bước sượng lại một bước khoái, như trôi thu theo nai xuống núi, theo "chim đi" vì không nở bay sợ làm động vỡ hồn thu. Huy Cận mượn bút vẽ Tề Bạch Thạch mà vẽ bức thủy mặc lục bát "Thu rừng" có một không hai. Chỉ thấy nai, thấy chim, thấy sắc trời, thấy lá rụng, tuyệt nhiên không thấy người đâu, mà không đâu không ám ảnh hồn người. Cảm giác, ấn tượng của những câu thơ trên mạnh tới nỗi rừng mình, người đọc chợt được hòa tan vào từng câu chữ, khiến bài thơ như chợt vượt ra ngoài trang giấy mà hóa vô biên thu, hóa vô tận rừng, hóa mênh mông hồn thu Huy Cận.

Nói đến lục bát Huy Cận, không thể không nhắc tới "Ngậm ngùi". Bài "Ngậm ngùi" tuy không tuyệt bích như các bài "Thu rừng", "Đẹp xưa", "Buồn xưa", "Buồn đêm mưa"; nhưng nó mang yếu tố mới của thơ tình, trước đó thơ ta chưa có chuyện người đàn ông "hầu quạt" ru người con gái ngủ. Bài thơ mang được phẩm chất sâu mông của thời đại, được phổ nhạc thành bài hát rất hay, rất quen thuộc nên người ta dễ nhớ hơn những vần lục bát thần diệu trên. Thơ thất ngôn Huy Cận đạt tới tuyệt đỉnh với "Tràng Giang", với nỗi buồn hoài cổ tầng tầng lớp lớp sóng, lớp lớp mây tâm trạng, như thể nhà thơ đã kéo dài mạch chảy của những dòng sông thi ca Vương Bột, Thôi Hiệu ..., những dòng sông thi ca "*Trông vời trời nước mênh mang*" Nguyễn Du xưa mà trải hồn mình ra nghìn dặm xưa sau. Huy Cận là nỗi buồn tiếp nối ông cha: "*Vạn lý sâu lên núi tiếp mây*", như thể ngàn xưa còn vọng mãi nỗi niềm rơm róm nắng mưa nay: "*Nắng đã xế về bên xứ bạn / Chiều mưa trên bãi nước sông đầy*"(Vạn lý tình). Hãy đọc thất ngôn Huy Cận lên để nghe không gian chùng xuống đến tận cùng dây tơ thời gian: "*Ôi! nắng vàng sao mà nhớ nhung / Có ai đàn lẻ để tơ chùng ?*"(Nhớ hồ).

Huy Cận với "Lửa thiêng" còn ở bên trời "đàn lẻ", là nỗi buồn xưa, hồn xưa lưu lạc tới hôm nay về hiu hắt, ngậm ngùi kiếp người. Ông mang đến cho thi đàn một nỗi buồn đẹp như quê hương, như nước mắt trời xanh. Hình như sự vĩnh cửu từng níu lấy áo Huy Cận mà kéo ông về bắt tử thi ca ngay từ thuở vừa ngoài tuổi đôi mươi. "Lửa thiêng" có lẽ là tập thơ toàn bích nhất trong các tập thơ ra đời từ 1932-1945 trong phong trào Thơ Mới? Cây cổ thụ Huy Cận sẽ còn xanh tươi mãi trong vườn thơ dân tộc như câu thơ ông từng viết trong bài "Họa điệu": "*Cây không đổ mà tình cũng nghiêng nghiêng*".

Du Tử Lê hay là “Những vì sao chưa biết ngủ một mình”

Nhà thơ Du Tử Lê tên thật là Lê Cự Phách, sinh năm 1942 tại Hà Nam. Từng học trường Hàng Vôi, rồi Chu Văn An –Hà Nội; năm 1954 di cư vào Nam, học hết trung học tại Chu Văn An (Sài Gòn) rồi vào Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Làm thơ với bút hiệu Du Tử Lê từ năm 1958. Du Tử Lê nổi tiếng ở miền Nam cùng lứa với Thanh Tâm Tuyền, Nhã Ca, Tô Thùy Yên, Nguyễn Bắc Sơn... Từ trước và sau năm 1975, Du Tử Lê đã có 36 tác phẩm được xuất bản. Hiện nay, ông định cư tại miền Nam Cali Hoa Kỳ. Tập “Thơ tình Du Tử Lê” vừa được NXB Văn Nghệ TP.HCM xuất bản 7-2005.

Chừng như phiến linh hồn điên dại chìm đắm trong yêu thương của chàng lãng tử Du Tử Lê dẫu từng vùn vủ chân trời góc bể, dẫu đã lăn lộn từ thiên đường đến địa ngục, có lúc lập lòe như đom đóm, như lân tinh, lại có khi chớp giật như ma trơi, như đuốc hoả diệm sơn... ấy vậy, mà hồn chàng thi sĩ liêu trai này chứa là ghét ngủ một mình trên câu chữ, càng không bao giờ

có gan ngủ một mình trên trần gian này; hay co ro như con nhộng cuộn chiếc sâu kèn mây trắng ngủ một mình trên chiếc giường trời xanh . Cái căn bệnh không dám ngủ một mình trên thế giới này của Du Tử Lê chính là do chàng từng đã nằm kinh niên một mình trên đời sống cô cút, ngược mắt lên chín tầng giời mà suy niệm cùng trời sao, mới khám phá ra rằng, các vị tinh tú kia mới chính là những vị thần tình yêu: rằng kẻ cô đơn phải ngủ một mình thì không thể phát sáng, không thể thành tinh cầu tinh tú tinh khôi tinh thể tinh thần tinh tượng tinh vân tinh túy... Đấy, chính là mối tình của thiên hà với ngân hà đã xui Du Tử Lê viết ra câu thơ tình của sao trời :

"...Những vì sao chưa biết ngủ một mình
Những chiếc lá quen gối đầu to nhỏ..." (Trả lại)

Chàng thi sĩ này biết mượn nỗi cô đơn sao trời mà ngộ cùng thế giới niềm khao khát lứa đôi của mình; rằng linh hồn chàng trong mỗi câu thơ không dám ngủ một mình trên trang giấy, cần có hồn tri âm "ngủ chung" kiểu : chữ áp vào nghĩa, vần ôm lấy điệu, tình xoắn lấy tứ, thanh xiết lấy âm, mắt hòa trong mắt... thì chàng, hay thơ chàng mới có cơ sống nổi, mới thì thầm rung động, mới hồn hể quần quai khiến hồn người đọc cũng vã mồ hôi, hết như trang giấy cũng có thể run lên nổi rung động gối chẵn. Từng câu thơ của Du Tử Lê cũng không dám đi một mình trên trang giấy; chúng phải có đôi có lứa mới hay được. Một câu thơ như "chàng" phải đi sóng đôi cùng câu "nàng" mới làm nên câu thơ Du Tử Lê; ví dụ như 2 câu thơ ngũ ngôn trong bài " Chết đuối" :

" đêm vuốt mãi mắt mình
sáng ngày ra vẫn mờ"

Cái nghĩa đen của cặp "vợ chồng câu thơ" trên chỉ thuần một sự tả việc mắt ngủ của kẻ sót rét lưu niên. Nhưng nhà thơ đưa chuyện "mình tự vuốt mắt mình" liên tù tì suốt đêm, vuốt mắt mình liên tục mà mắt vẫn trừng trừng mờ ra tới sáng để nâng lên chuyện sống chết, chuyện đôi mắt mờ ra tự trong hồn kia mới là đôi mắt đích thực thi ca . Cái sự "vuốt mắt" thường chỉ dành cho người chết. Vuốt mắt cho em (cho anh) lần cuối cùng, hãy nhắm lại đến muôn đời mà vĩnh biệt cõi nhìn cõi ngắm rồi đi vào đêm tối vĩnh cửu. Nhưng cái trạng huống mình tự vuốt mắt mình không phải để chết mà để sống, không phải để ngủ mà để thức, thì câu "đêm vuốt mãi mắt mình" nó thoát khỏi nghĩa đen mà đi vào vô cùng nghĩa bóng. Nhà thơ ơi, chính anh đã dạy tôi phải học cách "vuốt mắt" cho mình để hồn mình thành bất tử trong thơ, "vuốt mắt" cho câu chữ chết đi, ngủ đi để hồn thơ thao thức mãi cùng người đọc mà bất tử, để nỗi xúc động không bao giờ nhắm nỗi mắt dấu thức qua ngàn vạn đêm đen.

Trong bài thơ " Lúc người chết" Du Tử Lê "phó linh hồn mình" cho "ai đó" mang đi, cũng là dịp để chàng trút linh hồn mình lên trang giấy, trút vào thơ linh hồn chàng ở khắp mọi nơi. Đấy, linh hồn chàng Lê lảng tử chừng như không tồn tại trong thân xác chàng, mà hiện hữu ở trong hồn tạo vật, cư trú ở muôn hồn kẻ khác? "Hồn ấy" mai phục trong "môi người", trong "tay siết", phơi trên sa trường "ngực thơm", "tóc rối"...Vâng, chính là Du Tử Lê gọi hồn về để thơ, để yêu và để chết :

"...hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy môi người
một hồn đầy tóc rối
một hồn đầy máu tươi
một hồn đầy tay siết
một hồn đầy ngực thơm

hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy côn trùng
một hồn đầy tháp chuông
ngân nga lời báo tử..."

Kẻ viết bài này tự nhiên thấy mê "một hồn đầy tháp chuông" của nhà thơ quê gốc Hà Nam đang cư trú tại chân mây cuối trời; chỉ cần người đọc ngó vào bằng tình thương mến là thơ

của chàng Du Tử Lê sẽ ngân nga "chuông nguyệt hồn ai", nguyệt lời kinh cầu đôi lứa: xin đừng bắt ngay cả niềm hư vô phải ngủ một mình ngoài nỗi chết, cầu xin từng vì cô đơn mọc lên cùng một vì cô đơn khác mà sóng đôi từng cặp tinh cầu... Cái hồn thi sĩ "đầy tháp chuông" kể cũng đã là lạ; nhưng Du Tử Lê vốn thích vượt qua những giới hạn mà lạ lùng hơn nữa khi trưng bày thơ mình với "một hồn đầy cơn trùng" rì rả tiếng giun để thê lương; hẳn là nhà thơ còn chất chứa trong thân xác mình một hồn hoang vu, vắng ngắt, chưa có ánh lửa tình yêu khai khẩn. Nghĩa là một phía hồn ngân nga chuông mõ, một phía hồn éch nhái ếch ương : một hồn thiên đường và một hồn địa phủ cùng toong teng trên đôi gánh thi ca của chàng thi sĩ đang qua cầu Ô Thước đi tìm nàng thơ của mưa phùn tháng bảy ngàn xưa...
Cái hồn Du Tử Lê hay hồn câu chữ như ma xó rình trong mỗi góc giấy âm u kia lúc thì là tháp chuông, lúc lại rên rĩ lời giun để, lúc lại khôn như tinh, như quái :

" hồn tôi ngủ sớm trong tay áo

tay áo người bay hương ngắt ngây" (Khi người về)

Xin những nàng mê thơ Du Tử Lê, những nàng mới đọc thơ Du Tử Lê, hãy coi chừng mùi hương lạ "ngủ sớm trong tay áo" mình; biết đâu mùi hương ấy chính là hồn thi sĩ đang nghẹn ngào níu bám ký sinh đâu đó trên "toà thiên nhiên" diễm lệ mình mà giữ chẳng ra, đuối chẳng đi như ma ám, quỷ ám chẳng ? Xin những nàng tay thon búp gió đang mở tờ thơ chàng Du Tử họ Lê hãy cảnh giác với những nhành câu chữ như dây tơ hồng, như dây trầu cuốn quýt đang từ trang giấy leo dần vào hồn ai niềm thi hứng nồng nàn dẫu yêu, làm nàng thơ không còn có thể hờ hững, khiến đôi "tay áo người" sẽ phất lên thành cánh vạc bay, y như lời "dụ" của Trịnh Công Sơn năm nào ta còn trắng mười sáu : " Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ" ! Còn nếu hồn thơ, hồn thi sĩ kia chưa biết cách " ngủ sớm trong tay áo" nàng-người đọc thơ, nàng đã vút bay lên thành chim, thì hồn anh đây, thơ anh đây xin nguyện làm vôi vữa :

" người kiêu sa thế tôi đành ước

vôi vữa cho người lát tuổi xuân" (Khi người về)

Thì ra, qua Du Tử Lê, tôi mới biết thêm một khả năng rất vật chất của thi ca, là thơ, hay hồn thơ của anh có thể biến thành vôi vữa cho bao nòng lát tuổi xuân thì. Chao ôi, khi tuổi xuân như thi ca, như hoa cỏ kia được vôi vữa níu lại mà dính kết với nhau thành lối vào đời, thành con đường son trẻ, ngoạn lại mà rưng rưng, mà thương lắm hồn người còn dính kết gấp ngàn lần vôi vữa xưa, gạch đá xưa, dẫu chân xưa, em xưa, nay dường như chỉ còn "đỉnh gió hú" ngoài không gian -trang giấy :

" cầm bằng bãi gió mây qua

đôi chân nhỏ dại lỡ sa vào đời

cầm bằng nước mắt trời xuôi

tiếng đầu thê thảm hú ngoài không gian" (cầm bằng)

Nhưng thi sĩ là loài ngay ở trong tuyệt vọng vẫn tìm thấy hi vọng, dưới vực sâu vẫn thích cứu kẻ chết đuối trên bờ . Tay cầm cơn gió hú, ngoài vụn dăm tinh cầu mà thi sĩ vẫn diu được người tình đi vào cơn mê dại thuở yêu xong rồi chết, hôn xong rồi tắt thở cũng đành như trong bài : " dễ giấc người bất hạnh" :

"chân bước chậm sao đường về vẫn ngắn

hôn nát nhàu cả mặt vẫn chưa buông"

Yêu và hôn nhau "nát nhàu cả mặt vẫn chưa buông" này kiểu Du Tử Lê thì Xuân Diệu cũng đành chào thua. Bởi Xuân Diệu yêu "kinh khiếp" bằng cả răng : " Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi" nhưng chỉ "dọa" cắn vào cái trừu tượng, cắn vào cái "xuân hồng"- cắn cái biểu trưng, thì cắn bao nhiêu cũng chẳng làm ai quẫn quại, mê ly. Còn Du Tử Lê yêu khác hẳn, hôn khác hẳn Xuân Diệu, hôn cấp tập như dàn pháo binh Tân Tây lan chiến trường xưa, hôn liên tù tì như chim gõ kiến, như con bọ củi diên lên muốn bọ vỡ đầu mình, hôn như gấu hôn đổ mật ong, hôn như đêm hạ tuần hôn khuyết cả mặt trăng, như cửa sông hôn nát nhàu mặt biển mới là cái hôn của tình yêu núi lửa chết người. Và thơ ca anh đã hôn nát nhàu bao nhiêu hồn thiếu nữ ?

Tôi ngờ rằng những cái hôn điên cuồng thi sĩ ấy của Du Tử Lê từng làm vỡ cánh bao hạc vàng hư tưởng. Yêu như có quỷ sứ ẩn trong người, yêu như Lưu Linh mang quan tài đến cuộc uống rượu ấy là cách yêu của sông bể, của thác nguồn, làm cho cả chữ nghĩa cũng khiếp hãi toan bỏ chạy, để hôn Du Tử Lê hoá cơn giông mà đuổi bắt câu thơ, cũng là đuổi bắt những "huyền châu" vút cánh :

" cánh vàng đã vỡ muôn xa
vó thu ngựa ngủ đời ta lưng gù
giữa vùng hư tưởng đêm lu
tay xưa mắt nọ kỳ khu hôn người" (và huyền châu)

Du Tử Lê đã vắt mình thành gió khi yêu. Chùng như đêm đêm chàng vẫn ngủ chung giường với gió, có khi ôm cả cơn mưa mà ngủ trên đời. Du Tử Lê một đời yêu đã luyện trái tim, luyện thi ca thành tinh, thành ma xó hay sao mà viết được câu thơ lạ lùng như thế này hờ giờ :

" Khi ta đến núi bảo nhau đứng dậy
ngả mũ chào - ta ngọn gió điên mê" (khi ngang qua pleime)

Ờ nhỉ, khi ta chưa đến thì núi dẫu cao mấy cũng chìm xuống đất sâu. Ngó lại chân trời dẫu là núi cũng bị hư vô nuốt sống. Và chỉ khi nào anh- chàng thi sĩ có bùa yêu bước đến, núi như các em ta, các nàng ta đã yêu (và chưa kịp yêu) mới "bảo nhau đứng dậy", chào ta! Với Du Tử Lê, núi kia thực ra cũng chính là người đấy. Không hiểu bằng cách nào, Du Tử Lê- đệ tử của các vì sao không bao giờ biết ngủ một mình trên trời và trên đời, lại học được phép cưới núi làm vợ để suốt đời hoá "ngọn gió điên mê" ?

Sài Gòn 28-7-2005

Sơn Nam, để lục bình Nam bộ

Nhân đọc lại "Hương Rừng Cà Mau" của nhà văn Sơn Nam)

Không hiểu sao, mỗi lần nhớ đến nhà văn Sơn Nam, tôi lại hình dung đến những vạt hoa lục bình trên các kênh rạch, sông ngòi của miền Nam. Lục bình, loài hoa *vừa đi vừa nở*, như một bài thơ tôi viết thuở nào, là một thứ hoa quá bình thường, thậm chí quá tầm thường, do trời trồng, cứ phiêu dạt, cứ lang bạt kỳ hồ như mây bay gió thổi, như số phận và tâm hồn của người nghệ sĩ. Lục bình vừa đi vừa sống, vừa đi vừa nở hoa, vừa đi vừa sinh sôi và tan rã. Nương trên sông nước, có lúc loài hoa xê dịch này chạy như bay về phía chân trời, chạy như đang bị nghìn thượng nguồn lũ lụt đuổi bắt, chạy như đang trôi tuột về phía hư vô, về phía không còn gì, để bầu vùi và tồn tại...

Quả thực, Sơn Nam là loài lục bình chuyên đi bộ, trôi bộ trên những vỉa hè của Sài thành. Ông cứ tượng tượng như thế mà đi vào lòng người, mà đi vào văn học. Học theo phép trôi nổi, vô bờ bến của hoa lục bình, chùng như Sơn Nam cứ tượng tượng suốt hơn bảy mươi năm mà đi bộ trên những vỉa hè bụi bặm quanh co của con người. Đóm lục bình trên cạn này có cảm giác như trôi không nghĩ, vừa đi vừa ngậm cái sâu kèn bốc khói, thẳng hoạc cười ruồi một cái rất bí hiểm, hoạc gật đầu chào một bóng mây, quờ tay lên khoảng không như tính vịn vào sự hụt hẫng của bước chân phận số. Trên dòng đời trôi dạt, cuộn xoáy về vô định ấy, trong hoang sơ im lặng chợt trở ra bông lục bình, đột ngột như tiếng khóc oa oa sơ sinh của mang mang thiên cổ, có lúc lại đầy đặn, ấm áp tươi vui như tiếng cười của trời đất. Nhìn lên trời, đám mây từng từng kia chợt như một dề lục bình của cao xanh, trôi đi muôn đời bí hiểm mà sao chưa học được phép nở hoa của bông lục bình hoang dã.

Gió kia thổi tung từng lên miệt vườn và Sơn Nam cứ thế mà đi tung tung đến mọi người. Ông có cái dáng cổ quái như người đã ở miệt vườn từ mấy trăm năm, từ độ ông bà mình đầu tiên mở đất Nam Bộ. Ông giống như một tùy phái của Thoại Ngọc Hầu vừa thu nạp dân binh đi mở kinh Vinh Tế về, lội bộ qua vài ba trăm năm đến với chúng ta như lội qua vài ba công ruộng. Sơn Nam đã ở đô thành gần này hơn nửa thế kỷ mà cái dáng của ông vẫn như là dáng của dân miệt vườn chạy. Ông chưa hề bị nhiễm chất thị thành, hết như ông già Nam Bộ này vừa theo mùa nước nổi bắt được mấy xâu chuột, kêu bạn bè kiếm vài chùm bông điên điển về nướng chuột nhậu chơi. Ông có cái dáng dân chài lưới của U Minh thượng, U Minh hạ hơn là cái dáng của dân làm văn, viết sử.

Sơn Nam là nhà văn của nông thôn, mà là nông thôn Nam Bộ, một nông thôn thuần phác mà dữ dằn, chịu chơi mà nghĩa khí, nhân hậu mà ngang tàng. Cái miệt vườn trong văn chương của Sơn Nam là một miệt vườn xưa, nơi con người và cá sấu còn tranh giành nhau từng tấc đất, nơi cạp ngòi lù lù giữa buổi chợ chiều, nơi mũi lao thường biết cách dẫn đường con người bằng cách phóng đi như tên bắn về phía hoang vu, tăm tối và nỗi sợ trước một thiên nhiên được cấu tạo bằng nỗi niềm của người xa xứ.

Ông chính hiệu là nhà văn của buổi đầu mở đất, của những người bị phát vãng, bị lưu đầy từ miền Trung, miền Bắc vào, của dân trốn nợ, của kẻ thất tình quá mà bỏ xứ, của những anh hùng Lương Sơn Bạc, muốn tìm tự do nơi xứ cạp hơn là phải sống tù túng, sợ hãi trong sự áp bức của cõi người toàn quan ôn, chúa ác. Sơn Nam là một nhà Nam Bộ học, một cuốn từ điển của thời đầu mở đất Đồng Nai. Ông tiếp tục truyền thống văn chương của những Nguyễn Đình Chiểu, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Hồ Biểu Chánh, Đông Hồ... Văn ông giản dị chừng nào, mộc mạc chừng nào lại sâu sắc mà hàm súc chừng ấy. Đọc ông, tôi cứ nhớ đến Tuốcghênhiep, một nhà văn phong tục của Nga ở thế kỷ mười chín với "*bút ký người đi săn*" nổi tiếng trên thế giới. Tuốcghênhiep là một biên niên sử của nông thôn Nga thời Sa hoàng, với những trang trại và những cỗ xe tam mã, những mệnh phụ phu nhân và những mối tình phù phiếm gió bay, những nông nô và số phận tăm tối toàn nước mắt, những cánh rừng tai ga hư thực và những hươu nai chỉ lấy sự chạy làm vũ khí. Cũng như Tuốcghênhiep, Sơn Nam là một nhà văn phong tục của miền Nam, của những huyện thoại thời kỳ khai điền lập ấp.

Văn của Sơn Nam không ào ào như gió chướng, lại không trong veo như nước cất trong phòng thí nghiệm, mà nó là thứ chất lỏng hồng hào có tên là phù sa, chỉ cần vốc lên đã thấy mỡ màu cả bàn tay. Dưới ngòi bút của ông, những mảnh vụn bình thường nhất của thiên nhiên, những góc khuất nhất của hồn người chợt như được khoác lên một thứ ánh sáng mới, được bước ra sân khấu của ngôn từ với vẻ mặt trang trọng và cảm động. Những cảnh, những đời, những tâm sự của ông dù với tính cách hảo hớn, hào hùng nhất, sáng khoái và chịu chơi nhất bao giờ cũng pha một giọng kể trầm buồn, u hoài, xa vắng. Nói cho cùng, Sơn Nam là nhà văn của nỗi buồn con người. Hình như nỗi buồn đau mới có khả năng tạo ra cái đẹp của nghệ thuật? Thế giới nguy hiểm hơn, dễ đổ vỡ hơn nếu chỉ tồn tại bằng tiếng cười, bằng sự hoan lạc. Những câu chuyện mà Sơn Nam kể cho chúng ta thường pha chất dân gian, pha chút tiểu lâm nguyên thủy miệt vườn, đôi khi cái cười đi qua còn lưu lại nước mắt. Làm cho người đọc cảm động, còn tác giả tưởng như vẫn tỉnh queo, vẫn làm lui đi tìm những mảnh đời khác, những câu chuyện khác, gom nhặt chất liệu như đi mót lúa.

Sơn Nam dáng dấp nhỏ con như núi của phương Nam nhưng rắn rỏi, gân guốc. Gương mặt ông khắc khổ, hun hút như được chạm khắc bởi nỗi niềm tù túng của lịch sử có nét hao hao gương mặt của tượng đá Phù Nam. Đôi mắt ông nhìn tôi vừa xuyên suốt, vừa u u minh minh, vừa sáng quắc vừa lơ lơ, hết như là đôi mắt của quá khứ. Ông cười lành như cái cười của nghệ, của bê. Đôi lúc đang ngồi cười nói, ông chợt im lặng như quên mất tiếng nói, thậm chí

như thể ông đã để quên hai lỗ tai ở nhà. Và chợt thấy ông cười ruồi như cười với người trong mơ. Đôi khi ông thất thường như mưa nắng, song ông vẫn là người bình dị, chưa một lần tỏ ra kهنh kiêu ta đây. Ông có khả năng chơi thượng vàng hạ cám. Lớp trẻ quý mến ông ở tấm lòng thành thật, cởi mở và chịu chơi, thậm chí lệt xệt, hề hề.

Thình thoảng gặp ông, tôi lại thấy nhà văn Sơn Nam của chúng ta già đi một tí. Duy giọng nói ông còn hào sảng, tiếng cười hì hì của ông sao mà trẻ thơ dường vậy. Con người càng già đi, tâm hồn càng trở về thời thơ ấu. Với những tập truyện ngắn bút ký xuất sắc, với những tập biên khảo uyên thâm, với những phát hiện mới mẻ về chân dung tinh thần của người Nam Bộ, Sơn Nam quả rất xứng đáng với ý nghĩa của tên tuổi mình.

Dòng sông đuổi bắt chân trời, chẳng có gì trên đời có gan bám theo dòng sông về vô tận ngoài chằm lục bình kia. Lục bình như một biểu tượng sâu xa của kiếp người, vẫn trở hoa trong mưa gió. Như một đóa lục bình văn học, tâm hồn Sơn Nam đang trôi trên những trang văn về phía chân trời của cuộc sống.

Hội thể, tiểu thuyết lịch sử hay phản lịch sử?

Hội thể là tên cuốn tiểu thuyết của Nguyễn Quang Thân, do NXB Phụ Nữ ấn hành đầu năm 2009, viết về giai đoạn cuối cùng của nghĩa quân Lam Sơn sau trận đại thắng quân Minh ở Chúc Động, Tốt Động, Chi Lăng.

Năm 2010, tiểu thuyết *Hội thể* của Nguyễn Quang Thân được Hội nhà văn Việt Nam tặng giải thưởng hạng A cuộc thi tiểu thuyết (2006-2010) có 247 nhà văn dự thi. Xin quý vị vào <http://goole.com>, đánh từ khoá *Hội thể* sẽ hiện ra mấy chục bài báo ca ngợi hết lời cuốn sách này của Nguyễn Quang Thân.

Đầu năm 2009, khi ra hiệu sách, chúng tôi đã toan mua cuốn này, nhưng thử đọc bốn dòng đầu: “Trời đất xám xịt, cùng một màu, dòn nén và bất trắc. Hai người cưỡi ngựa phi nước đại trên con đường mòn giữa bãi ngô. Ngô uốn lượn bí ẩn như cái bẫy đang chờ sập xuống...”, chúng tôi bèn tắc lưỡi: viết tào lao, năm 1427, năm Lê Lợi tiếp nhận sự đầu hàng của Vương Thông, cũng là năm diễn ra các sự kiện của cuốn tiểu thuyết này, thì Việt Nam ta làm gì đã có cây ngô mà Nguyễn Quang Thân dám tả như thế? Hư cấu kiểu này, khác gì tác giả tả cảnh đầu thế kỷ thứ 15, Nguyễn Trãi và người vợ lẽ của ông là Nguyễn Thị Lộ vừa uống cả phê vừa hát ca ra ô kê (!).

Xin quý vị vào <http://www.google.com>, đánh từ khoá “Ngô” sẽ tìm thấy trong từ điển mạng [Wikipedianói](#) về nguồn gốc cây ngô như sau:

“**Ngô, bắp** hay **bẹ** (danh pháp khoa học: *Zea mays* L. ssp. *mays*) là một loại cây lương thực được thuần canh tại khu vực Trung Mỹ và sau đó lan toả ra khắp châu Mỹ. Ngô lan toả ra phần còn lại của thế giới sau khi có tiếp xúc của người châu Âu với châu Mỹ vào cuối thế kỷ 15, đầu thế kỷ 16”.

Nên nhớ cây ngô sinh ra từ Trung Mỹ, sau khi Christopher Columbus (1451-1506) tìm ra Mỹ Châu, cây ngô mới được các lái buôn mang về trồng tại châu Âu rồi lan toả ra khắp thế giới. Năm 1427, khi Phạm Vấn băng qua bãi ngô ven sông Hồng theo cách tả phi hiện thực của Nguyễn Quang Thân, người tìm ra Mỹ châu 24 năm sau mới sinh, thì cây ngô sao có được ở

đại lục Âu-Á hạ trời?

Viết truyện lịch sử trước hết phải tôn trọng sự thật lịch sử, tuy rằng cần phải có hư cấu mới thành tiểu thuyết; nhưng việc hư cấu ra cây ngô khi nó chưa có mặt trên cõi Việt Nam như tác giả *Hội thề* đã viết thì chỉ là sự hư cấu phi hiện thực.

Trong *Hội thề*, tác giả cũng từng hư cấu ra bao nhiêu thứ phi lịch sử.

Ví dụ khi tác giả viết về bà Nguyễn Thị Lộ vào năm 1427: “Lê Lợi nhìn bà đại học sĩ (tức Nguyễn Thị Lộ)...” Xin thưa, chức đại học sĩ của bà Lộ mãi đến mười năm sau mới có, khi sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Vua thích vợ của thừa chỉ Nguyễn Trãi là Nguyễn Thị Lộ gọi vào cung làm lễ nghi học sĩ”...

Ở trang 324, tác giả tả cảnh người dân Thăng Long ăn mừng đại thắng quân Minh dưới Khuê Văn Các. Thưa rằng, Khuê Văn Các do Tổng trấn Bắc hà Nguyễn Văn Thành xây từ năm 1802, tức là tác giả đã bịa ra Khuê Văn Các trước khi nó được xây dựng tới 375 năm. Bó tay!

Trang 307, tác giả tả Vương Thông cưỡi ngựa chạy trên đường Cổ Ngự. Thưa hơn ba trăm năm sau sự kiện này đường Cổ Ngự mới được dân ba xã quanh Hồ Tây đắp nên, làm gì có đường cho quân Minh phi ngựa lúc đó?

Tiền thân của tiểu thuyết *Hội thề* là kịch bản phim truyện “Hội thề Đông Quan” của chính tác giả, đã được giải nhất cuộc thi kịch bản phim truyện trong cuộc thi viết kịch bản phim mừng 1000 năm Thăng Long. Trớ trêu thay, kịch bản giành giải nhất này không được dựng thành phim vì như tác giả trả lời phỏng vấn nhà văn Nguyễn Quang Lập báo *Sài Gòn Tiếp Thị* như sau:

“Chỉ nghe nói dựng phim *Hội Thề Đông Quan* là một việc nhạy cảm, không được phép, thế thôi!”

Nhà văn Bảo Ninh từng tiết lộ sở dĩ kịch bản *Hội thề* không được dựng phim là do “nhạy cảm”: “Một người trong ngành văn hoá cho biết rằng, có nhiều lý do lắm ạ, mà lý do thấy rõ nhất là “tính nhạy cảm”. *Hội thề*, tuy là hội thề để đem lại hoà bình, nhưng vẫn liên quan đến đại thắng của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh, mà như thế thì... không có lợi”
Thì ra là thế!

Từ kịch bản phim truyện rất hoành tráng tả cảnh chiến thắng oai hùng (rất cứng) của Lê Lợi trước quân Minh, tác giả đã sửa cho “mềm” hơn khi triển khai thành tiểu thuyết.

Có lẽ, vì muốn tiểu thuyết *Hội thề* “mềm” hơn kịch bản phim “Hội thề Đông Quan”, để khỏi bị chê là “nhạy cảm”, hợp với quốc sách “16 chữ vàng” hơn mà Nguyễn Quang Thân đã bị nhà văn Trần Hoài Dương chê là “Hội thề nhằm bôi nhọ nghĩa quân Lam Sơn và ca ngợi giặc Minh” (trên web <http://lethieunhon.com> được <http://trannhuong.com> đưa lại), khiến thiên hạ mới chú ý đến cuốn sách này? Sau Tết Nguyên đán, nhà văn Hoàng Tiến đã cho in bài “Sáng tác cần tôn trọng lịch sử” trên <http://trannhuong.com>, phê bình *Hội thề* một cách khá khoa học, nghĩa là mọi kết luận đều có dẫn chứng:

“... Một cuốn sách như thế mà trao giải nhất về tiểu thuyết, thì ban chấm giải cần xem lại. Có chịu sức ép ở đâu không? Ban giám khảo có công bằng trong giám định không? Đọc có kỹ không? Trình độ ban giám khảo thế nào? Tôi cũng có một suy nghĩ như nhà văn Trần Hoài Dương...” (nghĩa là *Hội thề* ca ngợi giặc Minh và hạ bệ nghĩa quân Lam Sơn)...

Từ hai bài viết của Trần Hoài Dương và Hoàng Tiến, người ta mới chú ý đến tiểu thuyết *Hội thề*.

Chúng ta đều biết, trong các giặc phương Bắc xâm lược từ Ân, Thương, Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh... xâm lược nước ta thì quân Minh là thứ giặc tàn bạo nhất, độc ác, gian hiểm nhất.

Minh Thành Tổ (Chu Đệ) (1402-1424) đã sai các tướng Chu Năng, Trương Phụ, Mộc Thạnh cầm đầu đoàn quân viễn chinh sang xâm chiếm Đại Ngu, đã đánh bại nhà Hồ và bắt cha con Quý Ly đưa về Trung Quốc. Sau khi nhà Hồ sụp đổ, ông đã đặt Bó chính ti để cai trị đất Đại Việt.

Khi đoàn quân viễn chinh sắp lên đường, Thành Tổ ra lệnh cho tướng Chu Năng:

“Một khi binh lính vào nước Nam, trừ các sách vở của đạo Phật và đạo Lão, còn thì mọi sách vở, văn tự, cả những dân ca, sách dạy trẻ (...) đều phải đốt hết, một mảnh, một chữ cũng không chừa. Những bia nào Trung Hoa xây dựng từ trước thì đều giữ gìn cẩn thận, còn các bia do An Nam dựng thì phá huỷ cho hết...” (Nguồn: [Wikipedia](#))

Lịch sử Việt Nam (sách giáo khoa) dạy học trò viết:

“Quan lại nhà Minh thi hành chính sách triệt để cướp bóc, vơ vét chỉ trong 6 tháng xâm lược, quân Minh đã cướp của nước ta 235.900 con voi, ngựa, trâu bò; 13.600.000 thạch thóc; 8.670 chiếc thuyền và nhiều vàng bạc, châu báu đem về Trung Quốc. Chính quyền đô hộ tăng thuế ruộng đất lên gấp ba lần (bằng cách bắt ghi một mẫu thành ba mẫu) so với thời nhà Hồ. Tất cả nghề thủ công, buôn bán, v.v. đều bị đánh thuế. Chính quyền đô hộ kiểm soát việc sản xuất muối, nắm độc quyền buôn bán muối. Người đi đường chỉ được phép mang nhiều nhất là ba bát muối. Nhân dân còn phải cưỡng bức đi khai thác vàng, bạc, mò ngọc trai dưới biển, khai thác lâm thổ sản, các hương liệu quý, đi lao dịch. Nhiều người còn bị bắt làm nô tỳ, hoặc bị bắt đưa về Trung Quốc, phục dịch bọn quan lại nhà Minh. Năm 1407, Trương Phụ bắt đem về nước 7.700 thợ thủ công. Nhiều thầy thuốc, thợ thủ công, dân phu, phụ nữ, trẻ con, đào hát, phường nhạc cũng bị bắt đem về Trung Quốc.

Quân Minh còn cướp ruộng đất của nhân dân chung quanh trại của chúng, biến thành đồn điền giao cho quân lính cày cấy.

Đồng thời, các quan lại nhà Minh còn ráo riết thi hành chính sách ngu dân, đồng hoá dân tộc.

Trong suốt hai mươi năm đô hộ nước ta (1407-1427), chính quyền đô hộ nhà Minh đã thực hiện nhiều chính sách và biện pháp từ tinh vi đến trắng trợn nhằm xoá bỏ quá khứ đấu tranh, dựng nước và giữ nước bất khuất của dân tộc ta, thủ tiêu những di sản văn hoá truyền thống tốt đẹp của nhân dân Đại Việt để chiếm đóng vĩnh viễn đất nước ta. Nhà Minh nhiều lần đốt sách vở, kể cả sách học của trẻ em, phá huỷ các bia đá. Tháng 8 - 1418, chính quyền đô hộ tịch thu những sách còn sót lại đem về nước. Nhiều tác phẩm có giá trị về văn hoá, nghệ thuật, lịch sử, quân sự về thời kỳ lịch sử từ thế kỷ XIV trở về trước đều bị cướp hoặc bị thiêu huỷ, trong số đó có bộ *Đại Việt sử ký* gồm 30 quyển của Lê Văn Hưu, *Vạn Kiếp bí truyền*, *Binh thư yếu lược* của Trần Quốc Tuấn, *Tứ thư thuyết ước* của Chu An, các bộ luật *Hình thư*, *Hình luật* của nhà Lý, nhà Trần, *Việt sử cương mục* của Hồ Tông Thốc, v.v.. Năm 1414, chính quyền đô hộ mở trường học ở phủ, châu, huyện để tuyên truyền, nhồi nhét tư tưởng mê tín với đội ngũ giáo viên là những thầy cúng, thầy chùa, thầy phù thủy, đạo sĩ. Chúng bắt nhân dân Đại Việt ăn mặc theo phong tục tập quán người Hán. Năm 1414, cấm con trai, con gái không được cắt tóc ngắn, phụ nữ phải mặc áo ngắn, quần dài”

“Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi từng viết:

*Quân cuồng Minh thừa cơ gây loạn
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh*

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ
Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế
Gây thù kết oán trải mấy mươi năm
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc,
Ngán thay cá mập thuồng luồng.
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng,
Khốn nỗi rừng sâu nước độc.
Vết sản vật, bắt dò chim sẻ, chốn chốn lưới chăng.
Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,
Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.
Thằng há miệng, đứa nhe răng,
Máu mỡ bấy no nê chưa chán,
Nay xây nhà, mai đắp đất,
Chân tay nào phục dịch cho vừa ?
Nặng nề những nỗi phu phen
Tan tác cả nghề canh cửi.
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi!
Lòng người đều căm giận,
Trời đất chẳng dung tha;

Sách *Việt sử thông giám cương mục* từng viết:

“Giặc Minh đi đến đâu chém giết thả cửa, chất thây người làm núi, rút ruột người cuốn vào cây, răn thịt người lấy mỡ, làm nhục hình bào lột để mua vui, mổ bụng người có thai, cắt tay của mẹ và con để dâng cho giặc...”

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết:

“...Những người sống sót bị bắt hết làm nô tì và bị đem đi bán mà tan tác bốn phương...”

Sách *Hồi đáp về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn* viết:

“Theo Lê Quý Đôn thì “đời nhà Hồ mất nước, tướng nhà Minh là Trương Phụ lấy hết sách vở cổ kim của ta gởi theo đường sông về Kim Lăng và sau đó nhà Lê ra sức thu thập, nhưng mười phần còn được bốn năm phần”. Tướng giặc Vương Thông còn cho quân phá chuông Quy Điền và vạc Phổ Minh để lấy đồng đúc vũ khí đàn áp nhân dân ta...” (tr.13)

Lạ thay, hai tướng giặc là Thái Phúc và Vương Thông được Nguyễn Quang Thân mô tả trong *Hội thể* là những kẻ rất nhân từ, hào hoa phong nhã, mã thượng, hết lòng thương quý dân Đại Việt, như thể hai kẻ hung thần này chợt biến thành hội viên hội từ thiện quốc tế vậy.

Thái Phúc từng là đô đốc trấn thủ thành Nghệ An, tội ác mà ông ta và binh lính quân Minh gây cho vùng Hoan Ái quả tình không bút nào tả xiết. Thái Phúc đã quy hàng nghĩa quân Lam Sơn vì ham sống sợ chết. Nhờ sự độ lượng và động viên của Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Thái Phúc đã giúp nghĩa quân một số việc ví như tham gia kêu gọi đầu hàng một số thành trì quân giặc chiếm đóng.

Việc tác giả *Hội thể* mô tả Nguyễn Trãi và Thái Phúc kết giao thân tình kiểu Bá Nha, Tử Kỳ là hư cấu quá đà, không logic; rằng trong hàng ngũ nghĩa quân, Nguyễn Trãi rất cô đơn, chỉ có Nguyễn Thị Lộ là vợ lẽ và Thái Phúc là bạn tâm giao để bớt nỗi u uẩn bị số đông tướng lĩnh võ biền vô học của Lê Lợi tẩy chay. Nên nhớ Nguyễn Trãi từng đậu tiến sĩ, đạo “chính danh” ông

thuộc lâu lâu, không có kiểu ông ngồi trong thuyền đánh cờ huỳnh huỳnh đê đê cá mè một lứa với kẻ hàng tướng như Nguyễn Quang Thân mô tả. Lạ hơn nữa, quân hồi vô phùng hơn nữa là hình ảnh Nguyễn Trãi, một chính nhân quân tử, nhân vật số hai của khởi nghĩa Lam Sơn lại như ông “khang mui ám cúng luôn có nến thắp sáng” trên thuyền cho Thái Phúc chơi gái... Thái Phúc còn tâm sự với “người bạn” tri kỷ Nguyễn Trãi về đức tính nhân từ rất ư đạo đức của một tướng sĩ Trung nguyên như sau: “Thú thực với huỳnh, mười năm đánh nhau hết Thanh Hoá đến Nghệ An, đê không hề biết mùi đàn bà... Kẻ làm tướng có thể cướp một thành, diệt một nước nhưng không được o ép liều yếu đào tạt...” (tr.23). Với một đội quân xâm lược tàn bạo hơn quân Nguyên như giặc Minh sang cướp nước ta từ năm 1407-1927, cướp của giết người, hãm hiếp đốt phá hải hùng như thế mà lại có một vị tướng từ bi như Phật sống thế này thì hỏi Nguyễn Quang Thân đang viết truyện lịch sử hay phản lịch sử đây?

Nguyễn Quang Thân tả tiếp bằng cách bộc bạch nội tâm nhân vật Nguyễn Trãi: có vẻ cảm động vì mối tình cao đẹp của hàng tướng Thái Phúc với một cô ca kỹ ông ta cứu trên đường đi thuyết phục Mộc Thạnh trở về. Nguyễn Trãi bèn nhớ đến cảnh các tướng lĩnh nghĩa quân Lam Sơn (phái võ biên vô học – theo cách gọi của Nguyễn Quang Thân) như Phạm Vấn, Lê Ngân, Lê Sát, Nguyễn Chích... nghĩa là đa số các anh hùng quê Thanh Hoá dự hội thề Lũng Nhai (trừ bốn vị Nho sĩ Bắc Hà khoa bảng là Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo, Lưu Nhân Chú...) đều là bọn tướng vô đạo, khác hẳn vị hàng tướng nhà Minh Thái Phúc rất thanh cao này, bằng những từ thoá mạ như sau:

“Họ dưng mãnh trên trận tiền, có thể cầm dao xông vào doanh trại chém đầu tướng giặc, lúc lên cơn có thể sai lính bắt vào lều những cô thôn nữ ngây thơ để chiếm đoạt trinh tiết của họ. Khi có lệnh chúa công phải giữ nghiêm quân kỷ, họ có thể tự tay chém đầu những kẻ phạm tội cướp hay hiếp, những cái tội chính họ đã từng phạm không ít lần nhưng được bộ hạ giấu nệm cho mà thôi. Họ không đủ lòng bao dung để nhìn người khác hạnh phúc, không đủ lòng nhân để rung động trước một yếu điệu thực nữ, không đủ liêm sỉ để tự răn mình...” (tr. 24)

Sao Nguyễn Quang Thân lại dám nhét vào đầu Nguyễn Trãi những ý nghĩa vô cùng bậy bạ, “phủ nhận sạch trơn” tính nhân văn và tính chính nghĩa của tướng lĩnh Lam Sơn, trong khi lại ca ngợi tướng giặc là hiền nhân quân tử, là nhân bản, nhân tình, là thương dân Việt, chưa từng hãm hiếp một cô gái nào suốt gần hai mươi năm tham chiến? Vậy thì để giặc Minh đồng hoá nước ta, cai trị dân ta cho rồi, có gì phải dùng bọn “tướng lĩnh Lam Sơn” quá ư vô đạo, vô luân, vô học, phi nghĩa kia “giải phóng”? Thế này là thế nào hả trời?

Trong cuốn tiểu thuyết viết rất kém này, Nguyễn Quang Thân luôn dùng các nhân vật làm cái loa phát ngôn của mình. Không, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Tư Tề, Lê Sát, Trần Nguyên Hãn, Lê Ngân, Nguyễn Chích... không thể nghĩ như thế, không thể nói như thế, không thể làm như thế... Tất cả tâm trạng, ý nghĩ của hầu hết nhân vật trong cuốn sách này đều bị bàn tay thô kệch của tác giả áp đặt một cách vô lối và phi lý... Từ đầu đến cuối sách, mặc dù tác giả tả Lê Lợi, Nguyễn Trãi và nhiều nhân vật khác, nhưng tất cả chỉ là hình nộm, chỉ là chiếc loa vô hồn, tất cả chỉ còn một nhân vật nói năng vung vít, đánh tráo thiện ác, địch ta... là chính Nguyễn Quang Thân...

Rất nhiều trang tác giả nhét vào mồm, vào đầu Nguyễn Trãi những lời thoá mạ độc ác tướng lĩnh Lam Sơn, thậm chí còn dùng Nguyễn Trãi làm phát ngôn cho Mao Trạch Đông (tác giả câu nói nổi tiếng: “*trí thức không bằng cục phân*”) khi quy kết tướng lĩnh Lam Sơn cầm thù trí thức bằng những lời rất-Nguyễn-Quang-Thân như sau:

“Là người từng sống nhiều năm với chúa công và tướng lĩnh Lam Sơn, ông biết họ không thuộc dòng thi thư, niềm vui của họ là tuốt kiếm ra. Dưới mắt họ những kẻ ham đọc sách chỉ là một lũ thầy cúng thầy mo hay vẽ chuyện lung lạc chúa công và tướng sĩ. Phạm Vấn đã nhiều lần lên nhổ nước bọt khi ông đọc thơ. Lê Sát từng nói khi biết chúa công giao một cánh quân

lớn cho Trần Nguyên Hãn: “Đưa lính cho cục phân chó ấy thì nó nướng sạch”. Sát nhiều lần mắng mỏ mấy ông đồ coi sổ sách quân lương: “Ngữ các ông không bằng cục phân...” (tr.29)... Còn đây là sự khinh rẻ, thoả mạ các tướng lĩnh Lam Sơn của Nguyễn Thị Lộ, vợ của Nguyễn Trãi:

“...Bọn người vô học trong cái triều đình không ngại...”(tr.40)...

Theo sử, Lê Lợi tuy ở chốn thôn dã nhưng ngài vừa luyện võ vừa đam mê kinh thư, nghĩa là văn võ song toàn, trí dũng toàn tài. Các tướng lĩnh quê Thanh Hoá của ngài tuy học không cao, nhưng cũng có đọc sách, tuy là tướng võ nhưng mưu lược hơn người, hầu như cầm quân đi là chiến thắng... Họ, những tướng lĩnh cùng quê với Lê Lợi là những người trọng chữ thánh hiền, không bao giờ dám khinh rẻ thi thư, càng không căm thù trí thức đến nỗi phải mượn lời của kẻ sinh sau mình 500 năm là Mao Trạch Đông để nguyên rửa trí thức... Nguyễn Quang Thân viết như thế này mà dám gọi là tiểu thuyết lịch sử ư?

Đây là đoạn Nguyễn Quang Thân, sau khi lên án sự vô đạo, vô học, vô văn hoá của tướng lĩnh Lam Sơn, bèn tả hàng tướng nhà Minh Thái Phúc là con người cao cả, tuyệt vời nhân nghĩa và bao dung, hào hoa phong nhã, ngay cả một gái điếm (ca kỹ) mà viên tướng giặc này còn nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, thông qua tâm trạng của nàng ca kỹ:

“Từng là kỹ nữ chốn kinh kỳ, cuộc vui suốt sáng, trận cười thâm đêm, đã qua vòng tay nàng không biết bao nhiêu đàn ông trẻ có, già có. Nhưng nàng không thương lấy được một người. Cho đến lúc nàng được gặp ông qua bản vắng. Thoạt tiên, nàng không biết ông là người phương Bắc. Ông nói với nàng tiếng Đại Việt lớ giọng Nghệ, giọng nói ông thô lậu nhưng chân thành, rắn chắc. Ông nhận miếng trầu nàng tèm mòi. Ông dắt nàng xuống cầu thang gỗ. Bàn tay ông ấm áp, tin cậy. Rồi ông cống nàng qua suối... Ông ấy yêu nàng, chăm sóc nàng như một công tử tốt bụng lại hào hoa, phong nhã, chẳng chút thô lậu võ tướng...” (tr. 68)

Thông qua mối tình của hàng tướng Thái Phúc và mối tình của Vương Thông với một cô gái Việt, ta có cảm tưởng đám tướng giặc Minh này đều là những chàng Kim Trọng sang Đại Việt để làm từ thiện, để cứu vớt chúng sinh, để khai hoá, để làm phúc cho dân tộc Việt Nam, chứ không phải sang đây để cốt cướp nước, cốt đốt sách, hãm hiếp con dân Đại Việt như chính sử của ông cha ta từng viết, và tang chứng vẫn còn trong cả Minh sử của Tàu. (Nguyễn Quang Thân tả Vương Thông trước ngày đầu hàng Lê Lợi, nửa đêm, bé người yêu là thiếu nữ Đại Việt từng là vợ y lên ngựa, tặng hết châu báu cho nàng, dắt theo hơn 200 kị binh thiện chiến, mở đường máu vượt qua mấy vòng vây của quân Lam Sơn để mang người yêu Đại Việt về trả cho cha mẹ nàng. Cuộc phá vòng vây máu của tình ái, của cao thượng, của nhân từ hết mực và cao cả sáng trưng chính nghĩa Trung nguyên này của tướng giặc Vương Thông đã thi mạng hơn trăm lính quân Minh và bằng ấy lính Đại Việt...)

Hình ảnh hàng tướng Thái Phúc còn hiện ra qua ngòi bút Nguyễn Quang Thân là một người giàu lòng nhân ái, không bao giờ giết chóc hoặc hành hạ tù nhân Đại Việt. Tác giả kể rằng khi Thái Phúc là vị tướng dẫn một đoàn tù ròng rã gồm toàn bộ triều đình nhà Hồ và những người tài giỏi của Đại Việt bị bắt sang Trung Quốc, thấy Nguyễn Phi Khanh đi bộ mang nặng kiệt sức ngã lên ngã xuống, tướng giặc này đã tìm một con ngựa gầy gò mời người cha Nguyễn Trãi cưỡi ngựa mà đi vào chỗ chết cho sướng. Thật là nhân đạo thay! Trong khi đó, qua ngòi bút Nguyễn Quang Thân, nghĩa quân Lam Sơn thường chém đầu tù hàng binh: “Họ thường chặt đầu tù binh tể cờ...” (tr.199)

Cảnh tác giả tả tướng Lê Sát chém đầu mấy người tù binh xem ra thật tàn ác và rùng rợn. Cảnh tác giả tả nghĩa quân Lam Sơn chém tù binh là hàng tướng Thôi Tự trước thành Đông Quan để cảnh cáo Vương Thông thật là cảnh man rợ hết chỗ nói. Trong khi Vương Thông, cũng qua ngòi bút tác giả bắt được tù binh Nguyễn Thống, kẻ vừa bắn trượng Minh Sơn Thọ, lại được đối đãi quá tử tế và tha mạng cho về. Thật là hai bức tranh trái ngược: quân

Minh càng nhân đạo bao nhiêu thì nghĩa quân Lam Sơn càng man rợ, tàn bạo bấy nhiêu.

Đây là hình ảnh các tướng Thanh Hoá của Lê Lợi mà Nguyễn Quang Thân nhét vào mồm Trần Nguyên Hãn, xem ra các tướng cùng Lê Lợi ăn thề thuở Lũng Nhai chỉ là một bọn thổ phỉ không hơn không kém:

“Một đồng của cải gái đẹp tha hồ chia nhau cướp phá hiếp giết cho thoả mãn mười năm nhịn thèm” (tr 253)...

Chúng tôi xin trích những lời Nguyễn Quang Thân phỉ báng, bôi nhọ tận cùng các tướng lĩnh Lam Sơn (trừ có bốn tướng khoa bảng Bắc Hà: Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Lưu Nhân Chú, Phạm Văn Xảo) thông qua các nhân vật hình nộm mà Nguyễn Quang Thân dùng làm loa phát ngôn cho mình, như sau:

“Ta đâu có lạ cái máu dê của các người (tr. 84)... “Lê Sát là kẻ học mọn”... “đôi mắt hơi nhỏ bộc lộ tính khí cố chấp, nhiều dục vọng và có chút gì đó thô bạo” (tr. 96,97)... “bụng hẹp như tròn kim”...(tr. 103)... “Đám công thần can trường dũng cảm nhưng ông biết là vô học, nhiều khi vô đạo, hễ ông quay gót là giở trò ngu ngốc cho thoả cái bất kham của họ” (tr. 111)... “Bọn Ván, Sát, Ngân vẫn thường thả cửa cho quân tướng lạm dụng đồ tế nhuyễn của riêng tây của giặc Ngô và cả của dân chúng khi tràn vào chiếm lại cái thành phố giàu có nào đó...” (tr. 115)... “Lê Sát rút gươm lia mấy đường, máu phun lên xối xả. Ba cái đầu lâu lăn lóc dưới đất. Đám lính hầu thất sắc, nhón nhác...”(tr. 117)... “Tranh nhau chiến lợi phẩm” (tr. 134)... “Bọn Sát, Ngân thù ghét, miệt thị Trãi, Hãn ra mặt” (tr. 136)... “Đưa tất cả về Thanh cho bà lớn... Dặn chôn chặt cất kỹ và khâu miệng bọn gia nhân lại...Ta lột được của thằng Hoàng Phúc. Nó lạy như tế sao, nói là vật hộ mạng truyền từ đời cụ kị nhà nó. Ha ha. Bây giờ viên ngọc sẽ hộ mệnh cho họ Phạm này...” (tr. 170)... “Tôi thì chôn sống hết lũ chuyên khoa môi múa mép, cái lũ trí thức không bằng cục phân ấy” (tr.171)... “Ta nhường họ phần thanh cao, chỉ xin phần thô tục” (tr. 172)... “Nó chịu hàng thì tôi bú buổi cho các ông” (173)... “Viên tuý tướng đứng cạnh con ngựa Thôi Tụ đang cưỡi, lia đường kiếm đánh xẹt. Chưa ai kịp nhìn, đầu Thôi Tụ đã lăn lóc dưới đất, vọt ba tia máu làm đỏ rực đám cỏ” (tr. 183)... “Các tướng lén cho ngựa thò vàng bạc lấy của địch về nhà” (tr.199) ... “Kẻ vô học tham lam”... “đám vô học” (tr. 200)... “Cứ có lợi thì chuyện xấu xa mấy người ta cũng làm” (tr.201)... “Đôi mắt thăm dò sắc như dao và nham hiểm của Phạm Ván” (tr. 219)...”...

Chúng tôi tin rằng, cuốn sách này có thể sẽ được Trung Quốc dịch in, biết đâu sẽ được giải thưởng lớn từ Bắc Kinh vì nó phục vụ đắc lực cho chiến lược “16 chữ vàng”... của những hậu duệ Minh Thành Tổ, Trương Phụ, Vương Thông... hôm nay.

Lê Tư Tề con bà vợ cả Trịnh Thị Lữ với Lê Lợi là một tướng Lam Sơn văn võ song toàn, một con người theo Nguyễn Quang Thân mô tả là học trò cưng của Nguyễn Trãi, có công lớn trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, một người chí tình chí nghĩa, thấm nhuần tinh thần đạo lý Nho gia: “trai thì trung hiếu làm đầu”. Thế mà, lạ thay, Nguyễn Quang Thân đã nhét vào đầu Lê Tư Tề một ý nghĩ đại bất hiếu, đại nghịch, “phủ nhận sạch trơn” cha mình – một anh hùng dân tộc, chỉ vì Lê Lợi trót mắng con trai trưởng vì tội dám đánh em ruột cùng cha khác mẹ là Lê Nguyên Long, như sau:

“Tư Tề dần dần hiểu ra. Ông biết sau lưng mình từ lâu người ta đã có những âm mưu hắc ám. Vua cha bận trăm công nghìn việc đâu có thì giờ tĩnh tâm để phân biệt phải trái, chính tà...”

Cái ý nghĩ quá bậy bạ này Nguyễn Quang Thân nhét vào đầu Lê Tư Tề không phải ngay sau khi ông bị vua cha Lê Lợi mắng, mà đã qua nhiều ngày “từ từ ông hiểu ra”... Nghĩa là sau khi ông nghiền ngẫm rất lâu mới đi tâm sự với Nguyễn Trãi và cho cha mình là kẻ “không phân biệt được phải trái, chính tà”, tức là Lê Lợi qua sự lên án của người con trưởng, chỉ là tên hôn quân bạo chúa...

Ý nghĩ vô đạo này dứt khoát không thể có trong đầu Lê Tư Tề một con người tôn sùng cha

mình như Trời Phật, một người coi trung là hiếu, coi hiếu là trung, thà có ai chặt cổ ông, ông cũng không dám nghĩ xấu về cha mình như thế... Bằng kết luận này của Nguyễn Quang Thân áp đặt vào nhân vật Tư Tề, dù tác giả có ca ngợi Lê Lợi bằng nhiều trang sách cũng chỉ là công cốc mà thôi. Sao một vị anh hùng dân tộc, suốt mười năm nằm gai nếm mật với tài cao đức lớn có lòng dân ủng hộ, với bao hi sinh, mười năm kháng chiến (không có sự giúp đỡ hết mình của Liên Xô, Trung Quốc, lại chưa có đảng lãnh đạo) mà vẫn đuối được giặc Minh, giành lại nước cho chúng ta hôm nay, lẽ nào Nguyễn Quang Thân lại chơi xô ngài, vu cho ngài là một người có bộ óc bả đậu, một kẻ tiểu nhân vô học vô luân không phân biệt được phải trái, chính tà... đến như thế này ư?

Lê Lợi người từ bé đã ham mê tập võ nghệ và ham mê đọc sách thánh hiền, theo sử chép, chẳng lẽ lại hiện ra dưới ngòi bút Nguyễn Quang thân như một anh cu trâu mù chữ, như một chú mỡ làng lấu cá, đê tiện khi hau háu nhìn bà Nguyễn Thị Lộ bằng cái nhìn đầy dục tính, mê đắm một bà vợ thuộc cấp theo tác giả tả là khá xấu và già, lúc đó đã ba mươi bảy tuổi, như sau:

“Lê Lợi nhìn bà đại học sĩ giống như khi ông muốn xé một con gà luộc bốc hơi nghi ngút...” (tr.11)...

Đây phải chăng là hình ảnh vua Lê Lợi:

“Ông (tức Lê Lợi) đói còn cào, chạy vô bếp kiếm một miếng cơm cháy. Trong một khắc ông không còn là minh chủ, mụ (tức mụ bếp) quýnh lên còn ông thì làm (làm tình) vội làm vàng, sợ mấy thằng thị vệ nhìn thấy, nhanh như con gà trống...” (tr.12)?

Với những hình ảnh trên, dù tác giả đã để nhiều trang ca ngợi Lê Lợi, thì chỉ bằng sự quy kết của Lê Tư Tề rằng Lê Lợi là kẻ “không phân biệt được phải trái, chính tà”, thì quả tình Nguyễn Quang Thân đã phủ nhận công việc chính nghĩa sáng ngời của nghĩa quân Lam Sơn là cứu nước, giành lại độc lập dân tộc đã bị nhà Minh cướp mất suốt hai mươi năm, đồng thời tô son trát phấn cho hai viên tướng giặc là những nhà nhân đạo chủ nghĩa, những chính nhân quân tử... Có phải bằng việc này, Nguyễn Quang Thân muốn đánh tráo chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa theo một câu thơ rất sai có xuất xứ từ bên Nga:

“Trong mọi cuộc chiến tranh, bên nào thắng thì nhân dân cũng bại”?

Không, ngàn lần không! Năm 1427, sau mười năm kháng chiến, vua Lê Lợi đã chiến thắng giặc Minh xâm lược; chiến thắng của Ngài cũng chính là chiến thắng của đất nước và của nhân dân Đại Việt. Nhờ đó mà chúng ta còn có một nước Việt Nam hôm nay.

Cùng với Lê Lợi, Nguyễn Trãi là một nhân vật chính trong *Hội thề*. Nguyễn Quang Thân đã dành nhiều trang ca ngợi công đức Nguyễn Trãi. Trong chương gần chót có tên “Tứ hải giai huynh”, Nguyễn Quang Thân đã hạ bệ nhà đại trí thức của nước Việt xuống hàng phải nói là quá ngớ ngẩn. Xin chứng minh.

Trang 263, Nguyễn Quang Thân tả cuộc đối đáp của Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn với hàng tướng Thái Phúc, y từng khoe đã rước Nguyễn Phi Khanh lên ngựa để đi cho đỡ cực trên đường bị bắt đi đây sang Trung Quốc:

“Nguyễn Trãi cười buồn hỏi:

- Thân phụ tôi nói gì?

- Người nói: Mang thân kẻ đi đây tôi mới hiểu thế nào là câu “tứ hải giai huynh đệ”. Ở đâu cũng có thể gặp người có nhân. Ngài ít tuổi hơn nhưng xin cho tôi được gọi ngài là anh tôi. Ôi giá như đức Khổng Khâu nói tứ hải giai huynh thì thiên hạ đã thái bình...”

...

“Nguyễn Hãn ha hả:

- Hay! Giá như người Ngô các ông đừng ỉ thế mà biết nói “thiên hạ giai huynh” như ông dượng của tôi thì hay biết mấy”...

....

“Mắt Nguyễn Trãi mờ đi. Ông thì thảm như đang nói mê: “Tứ hải giai huynh! Thật chí lý. Thế nhưng mấy người làm được vậy ?” (tr.265)

Nguyễn Quang Thân sao dám mang cái bắt cặp của mình mà gán cho cha con Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi như thế? Câu thành ngữ: “Tứ hải giai huynh đệ” không phải là câu của Khổng Tử mà là một câu ngôn ngữ cổ Trung Hoa. Theo cuốn *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Hoa Việt* dày 1156 trang, do Lê Khánh Trường-Lê Việt Anh dịch - GS. Lê Trí Viễn hiệu đính, NXB Văn Hoá và Thông Tin 1998, trang 808, định nghĩa như sau:

“Tứ hải chi nội giai huynh đệ”: Năm châu bốn biển đều là anh em. Hết thầy mọi người đều nên giúp đỡ lẫn nhau, như người một nhà. Năm châu bốn biển đều là anh em: tứ hải giai huynh đệ”.

Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn là những người thông kim bác cổ, không đời nào các ông lại nhầm câu thành ngữ trên là của Khổng Khâu. Vả, các vị trí thức lớn Đại Việt trên không ngu dốt đến mức bỏ đi một từ trong câu ngôn ngữ kia để thành: “Tứ hải giai huynh” vừa vô nghĩa, vừa ngầm phục vụ cho mộng bá chủ thiên hạ của các hoàng đế Trung Nguyên. “Tứ hải giai huynh” chỉ có nghĩa là: “bốn biển đều là anh” hay “bốn biển đều là của anh”. Nếu cả ba vị trên đều tâm đắc với câu ngôn ngữ cụt đuôi trên, tức là họ đã mắc mưu Thái Phúc, kẻ vừa bịa ra lời Nguyễn Phi Khanh để lừa dân Việt: “bốn bể đều là anh hai Hoa Hạ, bốn biển đều là của anh hai Đại Hán” để truyền chỉ mệnh lệnh thiên triều: bốn bể đều là của hoàng đế Trung Hoa, dưới gầm gòì này không chỗ nào không thuộc quyền trẫm”. Như vậy, có khác nào chính Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn đã nhờ Nguyễn Quang Thân công khai tuyên bố với bàn dân thiên hạ rằng: Nước Việt Nam ta muôn đời chỉ là thuộc quốc của Trung Hoa? Như thế này có phải là phản “Bình Ngô đại cáo” hay không ?

Thông điệp “Tứ hải giai huynh” mà Nguyễn Quang Thân dùng các nhân vật trên để phát ngôn có phải là tư tưởng chủ đề của tác phẩm *Hội thề* vừa được Hội nhà văn Việt Nam trao giải thưởng hạng A chẳng?